

Số: /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Về việc tổng hợp và tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan,  
tổ chức, cộng đồng, cá nhân về Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng  
bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2045**

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà,  
Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch

Căn cứ Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 6144/BTNMT-TCBHVN ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 6695/BTNMT-TCBHVN ngày 08 tháng 11 năm 2022 gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 21 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển đề nghị cho ý kiến về Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Sau đây gọi tắt là Quy hoạch vùng bờ); đồng thời, đăng tải dự thảo Quy hoạch trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận đã được ý kiến góp ý của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 20/21 Bộ, cơ quan ngang Bộ, gồm: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban dân tộc; 28/28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển. Bộ Giao thông vận tải hiện chưa có văn bản tham gia ý kiến góp ý.

Tổng hợp các ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương có biển nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường tóm tắt như sau:

### **1. Đánh giá tổng quát**

Các ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương có biển nêu trên đều thống nhất với nội dung của dự thảo Quy hoạch vùng bờ. Trong đó, có 03 Bộ và 05 địa phương có biển hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến khác, gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, UBND các tỉnh Ninh Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Bến Tre, Trà Vinh. Những ý kiến tham gia chủ yếu tập trung vào nội dung phân vùng sử dụng tài nguyên vùng bờ và cập nhật, bổ sung, chuẩn hoá các thông tin, dữ liệu về hiện trạng và các nội dung phân tích, đánh giá

phục vụ cho việc lập quy hoạch; không có ý kiến góp ý về phương pháp, cách tiếp cận lập quy hoạch và tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch.

## 2. Ý kiến cụ thể

**a) Về thành phần hồ sơ, bố cục:** Có 11 ý kiến góp ý của 06 bộ gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Thanh Hoá. Ý kiến tham gia tập trung vào việc đề nghị sửa lại bố cục của các báo cáo quy hoạch, Tờ trình trên cơ sở hướng dẫn tại Văn bản số 3251/VPCP-TH ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ và bổ sung Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch.

**b) Về quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn:** Có 26 ý kiến góp ý của 10 Bộ, cơ quan ngang Bộ, gồm: Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 04 UBND tỉnh Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Ninh Thuận, Bình Thuận. Ý kiến tham gia trọng tâm đối với nội dung này là đề nghị điều chỉnh lại “*tầm nhìn đến năm 2050*” thành “*đến năm 2045*” để đảm bảo phù hợp với các pháp luật về biển; điều chỉnh một số chỉ tiêu về văn hoá, xã hội và bổ sung mục tiêu chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh.

**c) Về căn cứ, cơ sở lập quy hoạch:** Có 21 ý kiến góp ý của 06 Bộ: Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và 08 UBND tỉnh, thành phố, gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Khánh Hòa. Các ý kiến góp ý tập trung vào việc đề nghị bổ sung, cập nhật một số luật như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Khí tượng thủy văn và văn bản dưới luật là các Nghị định, quyết định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

**d) Về nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi lập quy hoạch:** Các Bộ, ngành và địa phương có biển không có ý kiến góp ý cho nội dung này, ngoại trừ có 02 ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị rà soát phạm vi quy hoạch để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016; làm rõ về việc đưa giải pháp đẩy mạnh tham gia nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên tại các vùng biển sâu, xa, vùng biển quốc tế vào quy hoạch khai thác vùng bờ vì phạm vi quy hoạch chỉ bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển.

**đ) Về định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:** Có 02 ý kiến của Ủy ban dân tộc đề nghị nghiên cứu, bổ sung tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên và biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến đồng bào dân tộc thiểu số vùng ven biển và quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 10/NQ-CP.

**e) Về giải pháp thực hiện quy hoạch:** Có 17 ý kiến của 07 Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ

Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và 04 UBND các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định. Ý kiến chủ yếu tập trung vào việc đề nghị bổ sung một số giải pháp về thu hút nguồn nhân lực có kỹ năng, nâng cấp các cơ sở đào tạo có liên quan; các giải pháp về ứng dụng công nghệ viễn thám và thông tin địa lý (GIS) để giám sát, kiểm soát đánh bắt hải sản trái phép; các hình thức thông tin, tuyên truyền trong các giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức; tăng cường việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển.

**h) Về hệ thống bản đồ, sơ đồ:** Có 03 ý kiến của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh Quảng Ninh, Bình Định. Theo đó, đề nghị kế thừa sản phẩm Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” do Bộ Nội vụ chủ trì; kiểm tra, rà soát và cập nhật các thông tin trên bản đồ và báo cáo để đảm bảo thống nhất.

### **3. Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ**

**a) Đối với vùng đất ven biển:** Có 13 ý kiến của 02 Bộ: Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo, 06 UBND tỉnh Thái Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định. Ý kiến góp ý chủ yếu tập trung vào việc đề nghị bổ sung một số khu vực ưu tiên cho phát triển du lịch, đô thị, khu bến cảng có nhu cầu lấn biển như: Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen và Khu du lịch sinh thái Thuy Trường; bổ sung vào dự thảo các khu vực lấn biển của tỉnh Thái Bình có diện tích khoảng 7.367 ha.

**b) Đối với vùng biển ven bờ:** Có 58 ý kiến của 02 Bộ: Bộ Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 16 UBND tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tiền Giang, Cà Mau và Kiên Giang. Ý kiến chủ yếu tập trung đề nghị bổ sung vào dự thảo các khu vực biển ưu tiên cho phát triển cảng biển, khu du lịch, khu phát triển điện gió, khu bảo vệ nguồn lợi,...; cập nhật, chỉnh sửa chính xác một số thông tin, dữ liệu về diện tích các vùng.

Ngoài các ý kiến nêu trên, còn có 193 ý kiến khác của các Bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển nêu trên. Ý kiến góp ý chủ yếu tập trung đề nghị hiệu chỉnh, cập nhật các thông tin, dữ liệu, đặc biệt các dữ liệu về diện tích, tên địa danh các khu bảo tồn, vườn quốc gia, các khu vực biển quy hoạch cho phát triển các ngành kinh tế cũng như các dữ liệu làm cơ sở đầu vào cho việc lập quy hoạch.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ ngành và địa phương có biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*Chi tiết Bảng tổng hợp và tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ ngành và địa phương có biển kèm theo.*

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ TNMT: KHTC, PC, KH&CN, VP;
- Lưu: VT, BHDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Minh Ngân**

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CÓ BIỂN**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTNMT ngày tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Ý kiến góp ý	Cơ quan, đơn vị có ý kiến	Tiếp thu, giải trình
<b>I</b>	<b>Thành phần hồ sơ, bố cục</b>		
1	<p>Đối với Dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ Văn bản số 3251/VPCP-TH ngày 18/5/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị đề án, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề nghị: Sửa bố cục Dự thảo tờ trình như sau: Căn cứ, cơ sở xây dựng hồ sơ Quy hoạch (căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn); quá trình lập hồ sơ Quy hoạch; nội dung chính của Quy hoạch (trong đó cần nêu rõ kết quả đạt được; ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; những điểm mới, khác so với trước đó; phương hướng, giải pháp trong thời gian tới); ý kiến của các cơ quan liên quan, nội dung còn ý kiến khác nhau; những vấn đề cần xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị, đề xuất. Đồng thời, rà soát để tóm tắt những nội dung đã được thể hiện trong Báo cáo tổng hợp kèm theo, như: cách tiếp cận, nguyên tắc lập quy hoạch; phương pháp, nguyên tắc, tiêu chí phân vùng... trong nội dung quy hoạch, tránh Tờ trình quá dài</p>	Bộ Nội vụ	Đã tiếp thu và bố cục lại Dự thảo tờ trình

2	<p>Về tên, thời kỳ quy hoạch:</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình về việc thay đổi tên, thời kỳ quy hoạch vùng bờ đã được phê duyệt tại QĐ 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (QĐ số 25/QĐ-TTg)<sup>1</sup>. Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh tên, thời kỳ quy hoạch đề nghị Cơ quan soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>Tên và thời kỳ quy hoạch vẫn giữ nguyên như được phê duyệt tại QĐ 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Điều chỉnh tên, thời kỳ quy hoạch được đề nghị Cơ quan soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong tờ trình.</p>
3	<p>Về hồ sơ quy hoạch:</p> <p>Đề nghị bổ sung bìa Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo) có ký, đóng dấu cơ quan tổ chức lập quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch.</p>		Xin tiếp thu và bổ sung
4	<p>Về phương pháp lập quy hoạch:</p> <p>Theo quy định tại QĐ số 25/QĐ-TTg, đề nghị rà soát, bổ sung: (i) phương pháp chia lưới, cho điểm; (ii) phương pháp chồng chập bản đồ và GIS; (iii) phương pháp phân tích, đánh giá tổng hợp; (iv) phương pháp thống kê; (v) phương pháp kế thừa; (vi) phương pháp chuyên gia; (vii) phương pháp phân tích hệ thống.</p>		Đã rà soát và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình

5	<p>Các nội dung của Quy hoạch cần bám sát Nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được phê duyệt và quy định của pháp luật về quy hoạch. Theo đó:</p> <p>Đề nghị rà soát, bổ cục các nội dung của dự thảo Quy hoạch với quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Trong đó, đề nghị làm rõ các vấn đề về hiện trạng: công tác điều tra, khảo sát, thăm dò các dạng tài nguyên vùng bờ; hiện trạng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ; đánh giá việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; đánh giá yêu cầu đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển; đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ;... Từ đó có căn cứ xác định các giải pháp tương ứng làm cải thiện tình trạng thực tế, giúp thực hiện được các mục tiêu quy hoạch một cách bền vững.</p>	Bộ Tài chính	Đã rà soát, bổ sung và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt các nội dung của dự thảo Quy hoạch với quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
6	<p>- Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến an ninh, quốc phòng; xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ; tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến yêu cầu về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng bờ.</p>		Đã rà soát, bổ sung và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt các nội dung đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến an ninh, quốc phòng; xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ; tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến yêu cầu về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng bờ.

7	Bổ sung sản phẩm bản đồ theo quy định tại mục V, Phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ bản đồ định dạng file pdf
8	Hồ sơ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 chưa đủ thành phần quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (hồ sơ KHÔNG CÓ báo cáo tổng hợp, hệ thống sơ đồ, bản đồ)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tại Công văn số 6144/BTNMT-TCBHDVN ngày 14/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi các Bộ, ngành và địa phương có liên quan đề nghị ý kiến về dự thảo Quy hoạch, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị: “Các tài liệu gồm Báo cáo tổng hợp và hệ thống bản đồ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị quý Cơ quan truy cập vào mục góp ý văn bản QPPL trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường ( <a href="https://monre.gov.vn">https://monre.gov.vn</a> )”
9	Rà soát tổng thể Quy hoạch khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo kết cấu và nội dung bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 24 và Phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quy hoạch khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đảm bảo kết cấu và nội dung bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 24 và Phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
10	Về tầm nhìn đến năm 2050: xem xét lại cụm từ “quốc gia thịnh vượng từ biển” vì Quy hoạch này chỉ đề cập đến vùng bờ.		Trong Tầm nhìn đến năm 2045 có ghi: “ <u>góp phần</u> bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, chủ quyền của đất nước và đưa nước ta trở thành quốc gia thịnh vượng từ biển.”.

			Thực tế hoạt động phát triển vùng bờ rất quan trọng đối với phát triển kinh tế biển cũng như kinh tế - xã hội của quốc gia nói chung.
11	Theo Khoản 4, Điều 30, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định “Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”. Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị góp ý Quy hoạch chưa có báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Đề nghị bổ sung thêm cho đúng quy định của pháp luật.	Thanh Hóa	Theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ không có trong Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia phải thực hiện ĐMC, nên không thực hiện ĐMC đối với quy hoạch này
<b>II</b>	<b>Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn</b>		
12	Tại mục 1.2, phần V dự thảo báo cáo tóm tắt quy hoạch, nội dung hợp tác quốc tế và quốc phòng an ninh, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung ý thứ 2 như sau: “- <i>Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh,..</i> ”. Đồng thời, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung này tại Dự thảo tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.	Bộ Công an	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại trang 290 trong Báo cáo tổng hợp, trang 39 trong Báo cáo tóm tắt, trang 7 trong Dự thảo tờ trình, trang 11 trong Dự thảo Quyết định TTgCP.
13	Đề nghị bổ sung nội dung sau: (i) cụ thể hóa các quan điểm, nội dung liên quan của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.

	<p>vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) đẩy mạnh, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước theo cách tiếp cận tổng hợp về tài nguyên biển và hải đảo; góp phần đẩy mạnh phát triển bền vững các ngành kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển kinh tế, xã hội trong phạm vi vùng bờ; (iii) bảo vệ, bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường, tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu; (iv) bảo đảm và tăng quyền tiếp cận của người dân với biển, vùng biển ven bờ và hải đảo trong phạm vi vùng bờ.</p>		
14	<p>Đề nghị bổ sung mục tiêu lập quy hoạch nội dung sau: (i) bảo vệ, duy trì và phục hồi hệ sinh thái, các loại sinh vật đặc hữu, các tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa, lịch sử trên các vùng đất ven biển, vùng nước biển ven bờ và hải đảo thuộc vùng bờ; (ii) tối đa hóa lợi ích và hạn chế đến mức thấp nhất mâu thuẫn giữa các ngành và giữa các địa phương có biển trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng an ninh; (iii) hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi</p>		<p>Cơ bản mục tiêu đã theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020  Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.</p>

	trường biển và hải đảo theo phương thức quản lý tổng hợp dựa trên cách tiếp cận hệ sinh thái.		
15	Về phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Đề nghị rà soát, bổ sung phạm vi ranh giới lập quy hoạch theo quy định tại QĐ 25/QĐ-TTg: “Bao gồm vùng nước biển ven bờ có ranh giới phía ngoài cách bờ biển khoảng 06 hải lý và vùng đất ven biển là các xã, phường, thị trấn giáp biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển. Tuy nhiên, để đảm bảo vẹn toàn của các hệ sinh thái, sinh cảnh quan trọng và quan tâm đầy đủ đến sự tương tác mạnh giữa đất liền và biển, phạm vi không gian vùng bờ ở một số khu vực có thể được mở rộng hơn về phía đất liền và biển”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
16	Đề nghị Bộ TNMT rà soát đảm bảo thống nhất nội dung quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020	Bộ Tài chính	Đã tiếp thu và rà soát đảm bảo thống nhất nội dung quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020
17	Phạm vi của Quy hoạch bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là đối với vùng đất ven biển. Đề nghị rà soát, đánh giá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quy hoạch.	Bộ Công Thương	Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa các nội dung, thông tin, dữ liệu của dự thảo Quy hoạch nằm ngoài phạm vi vùng bờ để bảo đảm sự phù hợp

18	Bổ sung Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Đã tiếp thu và bổ sung trong phần Căn cứ pháp lý lập quy hoạch trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt
19	Bổ sung cụm từ “phòng, chống thiên tai” vào điểm đ, khoản 1, mục I và được viết lại như sau: “Đẩy mạnh, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước theo cách tiếp cận tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo; ...; <i>chủ động phòng, chống thiên tai</i> , ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường, tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu”.		Đã tiếp thu và bổ sung tại trang 295 trong Báo cáo tổng hợp, trang 40 trong Báo cáo tóm tắt, trang 5 trong Dự thảo tờ trình, trang 2 trong Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
20	Quan điểm: Đề nghị rà soát lược bỏ những nội dung là nguyên tắc quy hoạch; bổ sung nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 5, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		Đã chỉnh sửa bulet a) như sau: “Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung và giải pháp chính của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với các quy hoạch quốc gia liên quan và Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Về cơ bản Quan điểm quy hoạch được xác định phù hợp với Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
21	Mục tiêu:		Đối tượng Quy hoạch đề cập đến là tài nguyên, môi trường, nên những con số định

<p>Mục tiêu chung: bổ sung cụm từ “phòng, chống thiên tai” vào phần mục tiêu chung và viết lại như sau: “Phát triển bền vững vùng bờ dựa trên sự nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên theo cách tiếp cận quản lý tổng hợp, <i>chủ động phòng, chống thiên tai</i>, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; cải thiện sinh kế và mức sống của cộng đồng dân cư ven biển gắn với bảo tồn và phát triển giá trị tự nhiên, sinh thái, văn hóa; giữ vững trật tự xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh”.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đề nghị rà soát cách viết mục tiêu cụ thể để thể hiện được khi Quy hoạch này được thực hiện thì sẽ đạt được điều gì và cần có con số định lượng cụ thể.</li> <li>+ Chỉnh sửa bổ sung tiêu đề mục tiêu c như sau: “c) về môi trường và <i>phòng, chống thiên tai</i>, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng”</li> <li>+ Bổ sung, chỉnh sửa khổ thứ 2, mục tiêu c: “Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; <i>đầu tư xây dựng, củng cố nâng cấp hệ thống đê, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, trồng rừng ngập mặn ven biển và hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng ven biển nhằm tăng khả năng chống chịu, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng</i>”.</li> </ul>		<p>lượng thường hạn chế, không như đối với các hoạt động kinh tế. Do vậy trong mục tiêu cụ thể không thể đưa ra đầy đủ các con số định lượng.</p> <p>Tiêu đề mục tiêu c phù hợp với Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, do đó, xin được bảo lưu. Hơn nữa trong nội dung mục này. đã đề cập đến khía cạnh phòng, chống thiên tai rồi.</p> <p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa khổ thứ 2, mục tiêu c “Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; đầu tư xây dựng, củng cố nâng cấp hệ thống đê, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, trồng rừng ngập mặn ven biển và hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng ven biển nhằm tăng khả năng chống chịu, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng”</p>
--	--	--

22	Bổ sung hoạt động Phát triển rừng ngập mặn ven biển vào mục 5 (trang 303), đây là hoạt động thuộc Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ.		Đã tiếp thu và bổ sung vào Phần 5. Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu
23	Mục tiêu quy hoạch trong Dự thảo quyết định của Thủ tướng, đề nghị nghiên cứu bổ sung mục tiêu chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh trong khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề nghị cho phép giữ nguyên vì tại Mục tiêu 2 về kinh tế đã đề cập: “ứng dụng công nghệ số, kỹ thuật tiên tiến...”. Việc chuyển đổi số là một phần trong việc ứng dụng công nghệ số, kỹ thuật tiên tiến
24	Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Đề nghị bỏ chỉ tiêu “phần đầu có 30-40% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn”	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Đã tiếp thu, chỉnh sửa. Theo đó, sửa lại như sau: “Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo; nâng cao cơ hội cho nhóm dân số có thu nhập thấp, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm; đến năm 2030, không còn xã nghèo, đặc biệt khó khăn”
25	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung chỉ tiêu về phát triển nguồn nhân lực		Đã tiếp thu, chỉnh sửa. Theo đó, sửa lại như sau: “Tăng cường đào tạo (đại học và trên đại học), dạy nghề theo 15 nghề thuộc lĩnh vực kinh tế biển trên cơ sở mở rộng các ngành học về biển, mở rộng đối tượng đào tạo, chú trọng vào việc xây dựng cơ sở đào tạo và các chương trình đào tạo nhân lực cho quản lý, khai thác biển”

26	Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030: cân nhắc tính khả thi của các mục tiêu về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Trong đó, mục tiêu “giảm 75% rác thải nhựa trên biển, 100% khu bảo tồn biển không có rác thải nhựa trong phạm vi vùng bờ, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa ở vùng bờ được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường” là mục tiêu cao, cần cân nhắc kỹ lưỡng tính khả thi.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Mục tiêu này theo quyết định số: 1746/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030
27	Nghiên cứu xác định rõ về tầm nhìn của quy hoạch, do tại các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan Đảng, Nhà nước liên quan đến lĩnh vực biển và hải đảo có tầm nhìn đến năm 2045; tại Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác - sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 – 2030 cũng có tầm nhìn đến năm 2045, nhưng dự thảo Quy hoạch lại có tầm nhìn đến năm 2050 (phù hợp với kỳ quy hoạch theo quy định). Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ là quy hoạch cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể quốc gia,	Thanh tra Chính phủ	Đã tiếp thu và chỉnh lý thành “tầm nhìn đến năm 2045” để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng
28	Quy hoạch không gian biển quốc gia...nhưng hiện nay, Quy hoạch không gian biển quốc gia đang được thẩm định, trình phê duyệt; do vậy, cần có sự thống nhất về nội dung và thời điểm phê duyệt giữa Quy hoạch tổng thể khai thác - sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ với Quy hoạch không		Trong quá trình lập quy hoạch, đã tham khảo dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch không gian biển quốc gia để bảo đảm sự phù hợp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ

	gian biển quốc gia và các quy hoạch chuyên ngành khác.		Quốc hội khóa 14 và Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ, quy hoạch sẽ được điều chỉnh nếu có nội dung không phù hợp với 02 Quy hoạch nêu trên ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
29	Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa lại “tầm nhìn” của Quy hoạch đến năm 2050” thành “đến năm 2045” để phù hợp với Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đã tiếp thu và chỉnh lý thành “tầm nhìn đến năm 2045” để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
30	Đề nghị xác lập các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030, có thể đo lường được của các ngành, lĩnh vực có liên quan.	Thanh Hóa	Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, quy hoạch này chỉ tập trung phân bổ, sắp xếp lại không gian vùng bờ cho các ngành đảm bảo khai thác hợp lý, hiệu quả các tài nguyên mà xác lập các chỉ tiêu đo lường được cho các ngành, lĩnh vực. Các chỉ tiêu của ngành được thể hiện trong các quy hoạch ngành quốc gia liên quan
31	Tại nội dung mục tiêu về kinh tế: Đề nghị chuyển ý “hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050” sang nội dung “mục tiêu về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng”		Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục Tầm nhìn của Quy hoạch.
32	Tại nội dung mục tiêu về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: đề nghị xem xét bổ sung mục tiêu “- Quản lý, bảo vệ và sử dụng		Đã tiếp thu và bổ sung vào Mục C về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, mục tiêu “Quản lý, bảo vệ

	<p>rừng bền vững diện tích rừng vùng ven biển hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021 - 2030. Phát huy hiệu quả vai trò, chức năng của rừng vùng ven biển trong việc phòng hộ, bảo vệ môi trường và hệ thống kết cấu hạ tầng vùng ven biển; chống sa mạc hóa, suy thoái đất; bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính; tạo việc làm, thu nhập cho người dân vùng ven biển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng, an ninh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng”. Lý do: để phù hợp với mục tiêu cụ thể về phát triển rừng vùng ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng giai đoạn 2021-2030” tại Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021</p>		<p>hiệu quả các hệ sinh thái tự nhiên hiện hữu ở vùng bờ; phục hồi, tăng diện tích các khu bảo tồn trên các vùng đất ven biển và vùng biển ven” đã bao gồm cả hệ sinh thái rừng. Mục tiêu cần đảm bảo mang tính tổng quát, bao trùm mà không thể tách mục tiêu bảo vệ rừng độc lập với các hệ sinh thái khác.</p>
33	<p>Đề nghị xem xét cụm từ “Khai hoang” trong câu “Khai hoang, lấn biển, cải tạo, phục hồi đất bị suy thoái ở vùng ven biển để tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng ven biển” để cho phù hợp với thực tế.</p>	Hà Tĩnh	<p>Đã tiếp thu và bỏ từ “khai hoang” tại trang 286 Báo cáo tổng hợp, trang 38 Báo cáo tóm tắt, trang 9 Dự thảo tờ trình, trang 3 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
34	<p>Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: Đề nghị xem xét sửa cụm từ “Quản lý, bảo vệ hiệu quả các hệ sinh thái tự nhiên hiện hữu ở vùng bờ” thành “Quản lý, bảo vệ hiệu</p>		<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa thành “Quản lý, bảo vệ hiệu quả các hệ sinh thái hiện hữu ở vùng bờ” tại trang 286 Báo cáo tổng hợp, trang 39 Báo cáo tóm tắt, trang 10 Dự thảo tờ trình,</p>

	quả các hệ sinh thái tự nhiên, hệ sinh thái rừng hiện hữu ở vùng bờ”		trang 3 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
35	<p>Đề nghị điều chỉnh nội dung, số liệu tại mục Văn hóa, xã hội, điểm b “Mục tiêu cụ thể đến năm 2030” từ “giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn dải ven biển bình quân 1,5 - 2,0%/năm, phấn đấu có 30 - 40% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn” thành “phấn đấu đến năm 2025 giảm 50% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, không còn huyện nghèo trên địa bàn tỉnh và cơ bản không còn xã, thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn.”. Lý do: Theo quy định của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 – 2025; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó: “Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới từ 1,5-2% hộ nghèo/năm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách thu nhập với các vùng tỉnh; phấn đấu đến năm 2025 giảm 50% xã, thôn đặc biệt khó khăn, thu nhập bình quân đầu người tăng 2 lần so với năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm. Phấn</p>	Ninh Thuận	<p>Đã tiếp thu và bổ sung trong mục tiêu của Quy hoạch theo Nghị quyết 36-NQ/TW 2018 chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030. Trên thực tế, là mục của Quy hoạch là tiêu mang tính quốc gia tính cho toàn vùng bờ cả nước mà không tính riêng cho tỉnh Ninh Thuận.</p>

	đầu đến năm 2030, không còn huyện nghèo trên địa bàn tỉnh và cơ bản không còn xã, thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh bằng hoặc thấp hơn mức bình quân chung cả nước”		
36	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung các chỉ số mục tiêu về văn hóa, xã hội; số liệu, nội dung phần III “Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ”		Đã tiếp thu và giải trình vì mục tiêu trình bày trong dự thảo Quy hoạch là mục tiêu quốc gia tính cho toàn vùng bờ cả nước mà không tính riêng cho tỉnh. Mục tiêu của tỉnh có thể cao và đạt nhanh hơn so với mục tiêu của quốc gia
37	Đề nghị bổ sung cụm từ “An ninh” và cụm từ “Đảm bảo an ninh, trật tự phát triển kinh tế - xã hội” vào gạch đầu dòng thứ 2, phần nội dung “Hợp tác quốc tế và quốc phòng, an ninh” của phần “Mục tiêu”, trong mục “quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn” tại các dự thảo, thành: “Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; triển khai... các lợi ích hợp pháp của quốc gia, đảm bảo an ninh, trật tự phát triển kinh tế - xã hội”. Lý do: Tại khu vực vùng bờ ngoài việc đảm bảo quốc phòng còn phải đảm bảo an ninh, trật tự để phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời cần thực hiện đồng bộ với Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 16/9/2019 của	Bình Thuận	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại trang 290 trong Báo cáo tổng hợp, trang 39 trong Báo cáo tóm tắt, trang 7 trong Dự thảo tờ trình, trang 11 trong Dự thảo Quyết định TTgCP.

	Bộ Chính trị về kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng - an ninh.		
<b>III</b>	<b>Căn cứ, cơ sở lập quy hoạch</b>		
38	Bổ sung Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 trong phần căn cứ pháp lý lập quy hoạch; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 05/10/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững	Bộ Ngoại giao	Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3, 4 Báo cáo tổng hợp, trang 3, 4 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình
39	Đề nghị sắp xếp lại các văn bản, căn cứ trong báo cáo theo thứ tự các văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản khác liên quan;	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt
40	Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 108/NQ-CP của Chính phủ thực hiện quyết định số 61/2022/QH15 và một số văn bản pháp luật, chiến lược, quy hoạch có liên quan.		Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt
41	Đề nghị thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 do đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.		Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình.

42	Đề nghị Bộ TNMT bổ sung Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vào phần căn cứ lập Quy hoạch	Bộ Tài chính	Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình
43	Một trong những căn cứ pháp lý để lập Quy hoạch nêu tại Báo cáo quy hoạch là Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, tuy nhiên Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thay thế Luật số 55/2014/QH13 trên; vì vậy, đề nghị Bộ TNMT cập nhật thông tin, qua đó rà soát lại các nội dung tại dự thảo Quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Luật Bảo vệ môi trường 2020.		Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình
44	<p>Căn cứ pháp lý:</p> <p>Bổ sung một số căn cứ pháp lý có liên quan đến lĩnh vực phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đê điều; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.</li> <li>- Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>- Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 27/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.</li> </ul>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Đã tiếp thu và bổ sung trong phần Căn cứ pháp lý lập quy hoạch trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt

45	Thông tin, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch: đề nghị bổ sung mốc thời gian thông tin, dữ liệu,... được sử dụng phục vụ lập quy hoạch (ví dụ: trong khoảng 10 năm từ 2010 đến năm 2020).		Đã tiếp thu và bổ sung tại trang 8 trong Báo cáo tổng hợp
46	Cơ sở lập quy hoạch khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (mục 3, trang 289): đề nghị xem xét sự phù hợp của nội dung này khi đặt tại Phần V bởi toàn bộ nội dung ở Phần I, II, III, IV chính là cơ sở để lập quy hoạch cho Phần V.		Phần này chính là tóm tắt các ý chính của các Phần I, II, III, IV.
47	Về Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Về căn cứ: Đề nghị bỏ căn cứ là Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đã hết hiệu lực 16/6/2022); đồng thời, bổ sung Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kì 2021-2030.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 4 Báo cáo tổng hợp, trang 4 Báo cáo tóm tắt
48	Về căn cứ pháp lý lập quy hoạch: xem xét bổ sung một số văn bản sau: Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đã tiếp thu và bổ sung trong phần Căn cứ pháp lý lập quy hoạch trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt

49	<p>Đề nghị bổ sung căn cứ để xây dựng quy hoạch là Luật biển Việt Nam số 18/1012/QH13 ngày 21/6/2012; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các Luật có liên quan; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Các Nghị định, thông tư, quyết định, văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan làm cơ sở để làm căn cứ lập quy hoạch.</p>	Quảng Ninh	<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3 Báo cáo tổng hợp, trang 3 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình</p>
50	<p>Hiện tại, Dự thảo Quy hoạch đang căn cứ theo Quyết định số 158/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quản lý tổng hợp dải ven biển vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải trung bộ đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Quyết định này có tính cục bộ và đã hết hiệu lực, do vậy đề nghị bỏ</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và lược bỏ</p>
51	<p>Đôi với Dự thảo quyết định: Thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thành Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.</p>	Hải Phòng	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>

52	<p>Về căn cứ pháp lý lập quy hoạch (trang 1): Đề nghị bổ sung một số văn bản pháp lý, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;</li> <li>+ Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;</li> <li>+ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;</li> <li>+ Thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thành Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.</li> <li>+ Chính sửa Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 thành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.</li> </ul>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3, 4 Báo cáo tổng hợp, trang 4 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình</p>
----	---	--	--

53	<p>Bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; Sửa Luật Bảo vệ môi trường "số 55/2014/QH13" thành "số 72/2020/QH14" Luật Khí tượng thủy văn "số 60/2010/QH12" thành "số 90/2015/QH13". Đề nghị sắp xếp căn cứ pháp lý theo thứ tự tính pháp lý từ cao xuống thấp.</p>	Thái Bình	<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3, 4 Báo cáo tổng hợp, trang 3, 4 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình</p>
54	<p>Đề nghị bổ sung các Luật của Quốc hội: Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 01/5/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 01/7/2021; Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Sửa "Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13" thành "Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14", do Luật Bảo vệ môi trường số 55 đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2022.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3, 4 Báo cáo tổng hợp, trang 3, 4 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình</p>

55	Đề nghị bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 vào căn cứ pháp lý xây dựng Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tại báo cáo chính của Quy hoạch.	Nghệ An	Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3 Báo cáo tổng hợp, trang 3 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình
56	Bổ sung thêm vào căn cứ Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030; cập nhật Luật Bảo vệ môi trường 2020 thay cho Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã hết hiệu lực.	Hà Tĩnh	Đã tiếp thu và bổ sung không bổ sung Quyết định số 892/QĐ-TTg vào làm căn cứ để lập QH vì việc lập quy hoạch đã bám sát, đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng, mục tiêu của Nghị quyết số 36-NQ/TW. Bên cạnh đó, đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển được xem là tài liệu tham khảo để xem xét, lập quy hoạch
57	Tại mục 2. Căn cứ pháp lý lập quy hoạch, Phần MỞ ĐẦU (Trang 01) đề nghị xem xét rà soát, cập nhật lại các văn bản pháp luật đảm bảo hiệu lực thi hành. Ví dụ: Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Bình Định	Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 3, 4 Báo cáo tổng hợp, trang 3, 4 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình
58	Đề nghị cập nhật bổ sung Luật Bảo vệ môi trường 2020 và văn bản hợp nhất Luật Đa dạng sinh học số 32/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 vào phần căn cứ pháp lý lập Quy hoạch.	Khánh Hòa	Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt
<b>IV</b>	<b>Nguyên tắc, tiêu chí lập quy hoạch, phạm vi lập quy hoạch</b>		
59	Phạm vi quy hoạch chỉ bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển. Do đó, đề nghị làm rõ về	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đã tiếp thu, lược bỏ cụm từ “các vùng biển sâu, xa, vùng biển quốc tế”

	việc đưa giải pháp đẩy mạnh tham gia nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên tại các vùng biển sâu, xa, vùng biển quốc tế vào quy hoạch khai thác vùng bờ (Phần VI.1.6, trang 381)		
60	<p>Đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa ranh giới quy hoạch theo quy định tại Điều 8 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, theo đó: Phạm vi vùng bờ bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển; trong đó:</p> <p>+ Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố;</p> <p>+ Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển (ranh giới quy hoạch theo dự thảo quy hoạch bao gồm cả các huyện ven bờ và có thể mở rộng ra ngoài vùng bờ đối với một số khu vực)</p>	Quảng Ninh	Đã tiếp thu, rà soát. Phạm vi lập quy hoạch đã bám sát quy định tại Điều 8 của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045
<b>V</b>	<b>Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</b>		
61	Tại mục II. Tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên và biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến tài nguyên môi trường vùng bờ (Tr15) của Báo cáo tổng hợp quy hoạch đề nghị xem xét nghiên	Ủy ban Dân tộc	Đã tiếp thu và giải trình việc đã đánh giá đến tất cả cộng đồng dân cư ven biển, trong đó bao gồm cả đồng bào dân tộc thiểu. Quy

	cứu bổ sung tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên và biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến đồng bào dân tộc thiểu số vùng ven biển		hoạch này không đánh giá tác động đến từng dân tộc cụ thể ở vùng ven biển
62	Ngày 28/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP Ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nội dung “ <i>Xem đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ quan trọng để phát triển bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước và phải gắn liền với nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển</i> ”. Vì vậy, tại mục V của “Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050” (Tr36) đề nghị nghiên cứu bổ sung quan điểm phù hợp với quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.		Đã tiếp thu và giải trình vì Nghị quyết số 10/NQ-CP Ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 áp dụng cho toàn quốc, trong khi phạm vi của quy hoạch chỉ bao gồm vùng bờ là các xã, phường, thị trấn có biển và vùng biển ven bờ cách bờ khoảng 6 hải lý
<b>VI</b>	<b>Giải pháp thực hiện quy hoạch</b>		

63	<p>Tại khoản 6 Phần IV Tờ trình (trang 25), đề nghị điều chỉnh, bổ sung tiêu đề “Giải pháp về hợp tác quốc tế” thành “Giải pháp về quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế” và bổ sung 02 giải pháp sau:</p> <p>“a) Đối với quốc phòng, an ninh phải được quy hoạch các khu vực cụ thể để sử dụng vào mục đích quân sự, quốc phòng, do các cơ quan, đơn vị quân đội quản lý; ngoài các khu vực đã được quy hoạch để sử dụng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thì những khu vực được giao để kết hợp phát triển kinh tế phải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, đồng thời khi cần thiết sử dụng vào nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thì địa phương phối hợp với các bộ, ngành xem xét giải quyết những vấn đề phát sinh và giao cho các cơ quan, đơn vị quân đội để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhằm giữ vững độc lập, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp quốc gia”.</p> <p>“b) Để không làm ảnh hưởng đến hệ thống công trình quốc phòng và hoạt động quân sự, quốc phòng vùng bờ, đề nghị các Bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh ven biển khi thực hiện các dự án, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự các cấp xác định cụ thể phạm vi, mức độ ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng để điều chỉnh cho phù hợp, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ. Khi cấp phép thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội</p>	Bộ Quốc phòng	<p>Đã tiếp thu, rà soát. Tuy nhiên, đề nghị cho phép giữ nguyên, không bổ sung, vì quốc phòng, an ninh là lĩnh vực được ưu tiên đặc biệt, có quy hoạch riêng. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ cho mục đích dân sự, phát triển kinh tế sẽ phải tuân thủ theo các quy định về quốc phòng và được thu hồi khi có nhu cầu sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh</p>
----	---	---------------	--

	phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ và kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng và các quy định của pháp luật liên quan”.		
64	Đối với nội dung về nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan rà soát các quy định của pháp luật, nghiên cứu, đề xuất các phương án, giải pháp việc hoàn thiện cơ chế, chính sách khả thi để đảm bảo thực hiện Quy hoạch hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật.	Bộ Tư pháp	Đã tiếp thu, rà soát. Các giải pháp thực hiện quy hoạch trình bày trong dự thảo đã bám sát các chiến lược có liên quan
65	Đề nghị bỏ nội dung: “xây dựng các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên, môi trường biển như lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế	Bộ Tài chính	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
66	Đối với giải pháp về tài chính, đầu tư: + Đề nghị ghi rõ: “Bảo đảm nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính theo quy định của pháp luật để hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quy hoạch...”		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
67	Đề nghị bỏ nội dung “...sửa đổi, hoàn thiện các nội dung chi ngân sách, ưu tiên cho tăng cường năng lực quản lý, giải quyết các vấn đề tài nguyên, môi trường trọng điểm ở vùng bờ, trên các vùng biển và hải đảo của Việt Nam. Thiết lập cơ chế, xây dựng tiêu chí và quy trình lựa chọn các dự		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.

	án,... ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ,...		
68	Các nội dung về giải pháp thực hiện như: Cơ chế, chính sách quản lý tài nguyên vùng bờ; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức; Phát triển nguồn nhân lực; Huy động vốn;... tương tự như dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia cũng đang được Bộ TNMT lấy ý kiến các Bộ, ngành. Vì vậy, đề nghị Bộ TNMT trên cơ sở đánh giá thực trạng về việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ để làm rõ những tồn tại, hạn chế để đề xuất giải pháp thực hiện cụ thể gắn với Quy hoạch, đảm bảo tính khả thi.		Các giải pháp đề xuất thực hiện Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở các đánh giá thực trạng, nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ ở các phần trước. Ngoài ra, Bộ TN&MT cũng đã tổ chức tham vấn trong bộ và với các Bộ, ngành khác, cũng như các chuyên gia liên quan
69	Đối với giải pháp về quản lý: + Đối với chính sách về xã hội hóa, đề nghị Bộ TNMT nghiên cứu khung pháp lý hiện hành để đề xuất giải pháp cho phù hợp (Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2008/NĐ-CP;...).		Trong báo cáo chỉ nêu nhu cầu áp dụng giải pháp xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển và hải đảo; Những biện pháp cụ thể sẽ được áp dụng trong quá trình triển khai Quy hoạch, phù hợp với Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2008/NĐ-CP...

70	<p>Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (mục 6, trang 376):</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c, khoản 7, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Đã tiếp thu, đã bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
71	Bổ sung nội dung định hướng giải pháp công trình thủy lợi ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, bờ biển vùng bờ; cấp nước trên các đảo.		Quy hoạch tổng thể này chỉ đưa ra các giải pháp chung, chính, không đi sâu vào các giải pháp cụ thể, chi tiết đối với từng ngành
72	<p>Về các giải pháp tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch (Mục VI trang 65) đề nghị xem xét bổ sung nội dung: “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tất cả các khâu khai thác biển như phát triển nghề hải sản (đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản), phát triển ngành dầu khí, ngành Hàng hải, ngành du lịch biển, kinh tế đảo, ...” Lý do: Trong công tác tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch, một khối lượng khổng lồ thông tin, dữ liệu liên quan đến vùng bờ cần được thu thập như: hải văn biển, điều kiện tự nhiên vùng bờ, kinh tế - xã hội, hệ sinh thái vùng bờ, quy hoạch phát triển kinh tế... Điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế -</p>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<p>“Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số” đã được chỉnh sửa và đề cập trong 2 mục đầu của mục 1.2. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ:</p> <p>- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý và giao khu vực biển, cũng như trong các lĩnh vực khai thác, sử dụng biển và vùng bờ; phấn đấu đến năm 2025 hoàn thiện, kết nối liên thông hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển quốc gia tập trung, thống nhất, trong đó có dữ liệu về quy hoạch, công bố công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch.</p> <p>- Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc giám sát</p>

	xã hội, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về quốc phòng, an ninh.		thực hiện quy hoạch, trong điều tra, đánh giá, dự báo, cảnh báo, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ; ưu tiên đầu tư cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên ở vùng bờ, nghiên cứu khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực liên quan đến biển.
73	Giải pháp ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc giám sát thực hiện quy hoạch, đề nghị bổ sung ứng dụng giám sát, kiểm soát nạn đánh bắt hải sản trái phép.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đã tiếp thu và giải trình việc giám sát, kiểm soát nạn đánh bắt hải sản trái phép nằm trên các vùng biển quốc tế không thuộc phạm vi của quy hoạch
74	Giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đề nghị có các hình thức thông tin, tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại để tuyên truyền theo hướng đa dạng, hấp dẫn, có sức thuyết phục, phù hợp với trình độ, nhu cầu thông tin ở các phân vùng khác nhau vùng bờ.		Đã tiếp thu và đưa ra các giải pháp chung trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào từng nội dung tuyên truyền cụ thể sẽ áp dụng hình thức tuyên truyền phù hợp
75	Về giải pháp thực hiện quy hoạch: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải pháp về cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia, lao động có kỹ năng làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, đầu tư, nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo, các khoa trong cơ sở đào tạo có đào tạo nhân lực phục vụ cho lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành kinh tế biển.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Đã tiếp thu, bổ sung. Theo đó, bổ sung giải pháp dưới đây vào Mục giải pháp về quản lý: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng rút gọn các thủ tục hành chính liên quan đến giao khu vực biển; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch thông tin quy hoạch biển; tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền được phân cấp; thu hút các chuyên gia, lao động có kỹ năng làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến

			quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và vùng bờ, đầu tư, nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo liên quan đến lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ”
76	Điểm 1.2 (trang 379): Đề nghị bổ sung khoản e. Tích cực trồng mới, phục hồi, phát triển diện tích rừng ngập mặn tại các khu vực bờ biển để hạn chế sạt lở bờ biển và phòng, chống thiên tai.	Thái Bình	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 383 Báo cáo tổng hợp, trang 69 Báo cáo tóm tắt, trang 23 Dự thảo tờ trình, trang 11 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
77	“Giải pháp thực hiện quy hoạch” nên đề xuất các giải pháp theo những lợi thế và hạn chế đã chỉ ra theo mỗi vùng khai thác, sử dụng.	Nam Định	Đã tiếp thu và giải trình vì đây là quy hoạch cấp quốc gia, các giải pháp thực hiện quy hoạch đề xuất mang tính tổng thể mà không đề xuất chi tiết cho từng vùng, khu vực cụ thể
78	Về giải pháp quản lý (mục 1.1, phần VI trang 378): Đề nghị bổ sung nội dung định kỳ 2 năm/5 năm một lần, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch này để xem xét các kết quả đạt được, những mặt tồn tại, hạn chế đề xuất điều chỉnh quy hoạch, tiếp tục triển khai hay tạm dừng quy hoạch khi không đưa lại hiệu quả để tránh lãng phí ngân sách, vướng mắc, cản trở các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội khác của địa phương cũng như quốc gia	Hà Tĩnh	Đã tiếp thu và giải trình vì 02 năm đánh giá một lần kết quả thực hiện quy hoạch là quá ngắn, không đủ một kỳ quy hoạch theo luật Quy hoạch
79	Tại Mục 1. Giải pháp thực hiện quy hoạch, PHẦN VI. Giải pháp, tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch (trang 378), đề nghị xem xét một số nội dung sau: Đối với nội dung 1.1. Giải pháp về quản lý (trang 378) đề nghị bổ sung thêm giải pháp về	Bình Định	Đã tiếp thu, bổ sung trong Mục tổ chức, giám sát thực hiện hiện. Trong đó, tăng cường sự kiểm tra, giám sát thực hiện quy

	<i>“Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp, chính quyền trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát; tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng an ninh quá trình triển khai thực hiện quy hoạch”</i>		hoạch của Bộ TNMT và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển
<b>VII</b>	<b>Tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch</b>		
80	Tại phần Phụ lục danh mục các công trình, dự án nhiệm vụ ưu tiên thực hiện quy hoạch, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về thời gian thực hiện, hoàn thành các chương trình, dự án, nhiệm vụ	Bộ Công an	Đã tiếp thu và giải trình vì các chương trình, dự án ưu tiên đề xuất cho một kỳ quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030, đảm bảo tính chủ động bố trí kinh phí của các địa phương khi thực hiện trong kỳ của quy hoạch
81	Về danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện: Đề nghị xem xét, điều chỉnh bổ sung tên nhiệm vụ số 07 thành: “Nhiệm vụ thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tại 28 địa phương có biển”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
82	- Xác định và đề xuất các dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện.	Bộ Tài chính	Đã xác định và đề xuất các dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo Quyết định TTgCP.
83	Đề nghị Bộ TNMT rà soát, bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển về: trình Hội đồng nhân dân cung cấp bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc quy hoạch theo quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công		Đã tiếp thu, bổ sung trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.

84	<p>Đề có cơ sở xác định tính khả thi, phù hợp của các mục tiêu tại dự thảo Quy hoạch, đề nghị Bộ TN&amp;MT rà soát, báo cáo cụ thể lượng hóa tình hình thực tế của các nội dung liên quan đến các mục tiêu đề ra; đồng thời xác định số liệu về các mục tiêu cho giai đoạn đến năm 2030, năm 2050 làm cơ sở kiểm tra, giám sát, không đặt ra các mục tiêu chung chung, không có khả năng định lượng như dự thảo Quy hoạch hiện nay.</p>		<p>Đây là quy hoạch tổng thể cấp quốc gia, rất cần sự thông qua các nội dung quy hoạch và các hoạt động ưu tiên đề xuất. Sau khi Quy hoạch này được phê duyệt Bộ TN&amp;MT sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Bộ TN&amp;MT đề nghị khi đó các hoạt động đề xuất sẽ được thể hiện cụ thể hơn kèm theo kinh phí dự kiến cho mỗi hoạt động và cho cả Kế hoạch.</p>
85	<p>Về danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:</p> <p>Dự thảo Quy hoạch đưa ra danh mục gồm 17 chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021-2030; trong đó có nhiều dự án, đề án, nhiệm vụ do các Bộ ngành khác chủ trì (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,...) và liên quan đến nhiều địa phương, vì vậy cần xác định rõ nội dung công việc, nhiệm vụ chi tiết của từng cấp, chủ thể trong quy hoạch, căn cứ đề xuất.</p> <p>-Tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025, trong đó quy định: “Không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án mới khi không cân đối được nguồn”. Theo đó, để có cơ sở xác định các nhiệm vụ ưu tiên để thực hiện Quy hoạch, đề nghị Bộ TN&amp;MT phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương rà soát,</p>		<p>Danh mục dự án ưu tiên đề xuất đã được điều chỉnh lại, không bao gồm các dự án đã được phê duyệt. Do đó, nội dung của các dự án chưa được xác định cụ thể mà chỉ có mục tiêu được thể hiện qua tên của chúng. Sau khi Quy hoạch này được phê duyệt Bộ TN&amp;MT sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Bộ TN&amp;MT đề nghị khi đó các hoạt động đề xuất sẽ được thể hiện cụ thể kèm theo kinh phí dự kiến cho mỗi hoạt động.</p>

đảm bảo các nhiệm vụ có khả năng cân đối được nguồn kinh phí thực hiện, cụ thể:

+Thuyết minh, xác định cụ thể kinh phí từng nhiệm vụ trên cơ sở các quy định hiện hành, phân định nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật về NSNN (nguồn vốn chi đầu tư phát triển/ nguồn vốn chi thường xuyên; ngân sách trung ương/ ngân sách địa phương; các nguồn kinh phí khác nếu có).

+ Xác định, sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên cần triển khai, đảm bảo tính khả thi trên cơ sở khả năng bố trí ngân sách cho lĩnh vực quản lý khai thác tài nguyên vùng bờ của giai đoạn trước.

+Rà soát các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư công (nếu có) trong giai đoạn đến năm 2025 (nhiệm vụ thuộc danh mục dự án đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công). Đối với các nhiệm vụ dự kiến sử dụng vốn đầu tư công sau năm 2025, đề nghị xây dựng danh mục, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo pháp luật về đầu tư công.

+Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên:

(i) Đề nghị không đề xuất các nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ thường xuyên thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan trung ương làm phát sinh thêm NSNN và không phù hợp để xác định thành nhiệm vụ theo giai đoạn.

	<p>Trường hợp các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ là nội dung mới, cần bố trí ngân sách, đề nghị thuyết minh cụ thể mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ, sự cần thiết, tính cấp bách của nhiệm vụ cho giai đoạn đến năm 2030.</p>		
86	<p>Đề nghị chuẩn xác lại nhiệm vụ của Bộ Công thương “<i>Đề án phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; nghiên cứu mở rộng ứng dụng năng lượng tái tạo tại các khu vực ven biển, hải đảo</i>” (số thứ tự 14 Phụ lục Danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện quy hoạch giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030) theo đúng Nghị định số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	Bộ Công Thương	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện quy hoạch</p>
87	<p>Nhằm phù hợp với các giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ (điểm 2 trang 12 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) đề nghị chỉnh sửa lại nội dung số 13 của Phụ lục Danh mục các Chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện quy hoạch giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 như sau: “<i>Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ để khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên</i></p>	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>Đã tiếp thu, bổ sung vào Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện quy hoạch</p>

	<p>và bảo vệ môi trường vùng bờ và ứng phó với biến đổi khí hậu” do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì (đã được phê duyệt tại Đề án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ định hướng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong bối cảnh các thách thức mới nổi về an ninh môi trường biển tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ)</p>		
88	<p>Tại bảng 95 trang 382 về danh mục các chương trình, dự án nhiệm vụ ưu tiên giai đoạn 2021-2030, đề nghị phân chia các chương trình, đề án, nhiệm vụ thành các nhóm tương ứng với 06 nhóm giải pháp nêu trong phần giải pháp thực hiện quy hoạch, bổ sung mục tiêu, kết quả, sản phẩm có được và kinh phí dự kiến của mỗi chương trình, đề án, nhiệm vụ.</p>	Hà Tĩnh	<p>Đã tiếp thu và giải trình vì các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đề xuất là để thực hiện quy hoạch trong kỳ quy hoạch. Để thực hiện các chương trình, dự án này cần áp dụng nhiều giải pháp khác nhau để đạt được hiệu quả cao nhất. Mục tiêu, kết quả, sản phẩm có được và kinh phí dự kiến sẽ được xác định trong quá trình lập dự án chi tiết</p>
89	<p>Tại mục 1 Phần VI. Giải pháp, tổ chức, giám sát thực hiện quy hoạch (trang 376): Đề nghị xem xét bổ sung một số giải pháp: + Giải pháp về quản lý: Quản lý tổng hợp vùng bờ đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên. Nguyên tắc của quản lý tổng hợp đới bờ là đa ngành, đa mục tiêu và đa lợi ích với các bước cơ bản của một quá trình quản lý tổng hợp gồm: lập hồ sơ, lập kế hoạch và lựa chọn ưu tiên, thực thi các dự án, giám sát và đánh giá.</p>	Thừa Thiên Huế	<p>Đã tiếp thu và giải trình vì quy hoạch chỉ đưa ra các giải pháp mang tính tổng thể, định hướng, then chốt cần thực hiện trong kỳ quy hoạch mà không đề cập đến những giải pháp có tính chuyên ngành, cụ thể cho một vấn đề cần giải quyết ở vùng bờ. Mặt khác, quản lý tổng hợp vùng bờ là phương thức quản lý theo cách tiếp cận tổng hợp, mang tính đa ngành với điểm then chốt là tăng cường sự điều phối, phối hợp giữa các cấp, ngành với nhau. Dự thảo quy hoạch đã nhấn mạnh giải pháp này, bao gồm: “Đây</p>

	<p>+ Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ: Nghiên cứu đặc điểm, xu thế và dự báo để phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do tai biến môi trường cũng như khắc phục hậu quả do chúng để lại, từ đó có những định hướng hợp lý cho công tác quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Ngoài việc nghiên cứu bản thân tai biến, các công trình nghiên cứu cần chú ý nghiên cứu khả năng phòng chống tai biến các hệ sinh thái, của cộng đồng và các yếu tố kinh tế - xã hội khác ở trong và chung quanh.</p>		<p>manh xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ ở cấp địa phương và liên vùng, liên tỉnh” và “Dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ”</p>
90	<p>Đối với Bảng 95. Danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 (trang 382), theo Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoản 2 Điều 36 quy định “2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển tổ chức lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ trong phạm vi quản lý; lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi phê duyệt”, đồng thời khoản 2 Điều 38 quy định “2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển tổ chức thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ do mình phê duyệt”. Vì vậy, Bảng 95 đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nhiệm vụ số 7 (trang 383) từ “Nhiệm vụ thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tại 28 địa phương có biển” thành “Nhiệm vụ lập, điều chỉnh và thực hiện Chương</p>	<p>Bình Định</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa thành: “Lập, điều chỉnh và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tại 28 địa phương có biển”</p>

	trình quản lý tổng hợp vùng bờ tại 28 địa phương có biển”.		
91	- Cần nghiên cứu, rà soát, tích hợp dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.	Khánh Hòa	Các Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và một số quy hoạch của các ngành đã được tích hợp vào Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
92	Về danh mục các dự án, chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021-2030: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm xem xét bổ sung thêm dự án xây dựng kè biển bảo vệ bờ biển của các tỉnh vào danh mục các dự án, chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện.	Bình Thuận	Đã tiếp thu và giải trình các chương trình, dự án khác mang tính chuyên ngành, dự án kè biển bảo vệ bờ biển nên đưa vào các quy hoạch, chương trình, kế hoạch của ngành. Quy hoạch này chỉ tập trung giải quyết các xung đột, mâu thuẫn sử dụng thông qua việc phân bổ, sắp xếp lại không gian vùng bờ hợp lý cho mỗi ngành, lĩnh vực có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên ở vùng bờ
<b>VIII</b>	<b>Nội dung phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ</b>		
<b>1</b>	<b>Phân vùng đối với vùng đất ven biển</b>		
-	Về định hướng, bố trí, khai thác, sử dụng bền vững vùng bờ: Các nội dung đề xuất mang tính chất liệt	Bộ Tài chính	Quy hoạch này là quy hoạch tổng hợp, chủ yếu tập trung vào hài hòa nhu cầu phát triển

<p>kê, nguyên tắc chung; phần lớn đã và đang được cụ thể trong quy hoạch phát triển của địa phương, ngành (quy hoạch hệ thống cảng biển, quy chung xây dựng địa phương,...). Do vậy, đề nghị cân nhắc xác định lại các nội dung cụ thể cần đưa vào dự thảo Quy hoạch, tránh tính hình thức, không rõ tác dụng của Quy hoạch này.</p>		<p>các ngành, chú trọng vào các vấn đề bố trí và khai thác không gian vùng bờ ở cấp độ tổng thể, không chi tiết. Các nội dung cụ thể cần giải quyết sẽ được xem xét trong các quy hoạch ngành và địa phương liên quan. phù hợp với quy hoạch này.</p>
<p>- Về phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (phần III, mục 1, điểm c) đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ: xem xét bổ sung thêm cụm từ “Ưu tiên phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển thân thiện với môi trường...”.</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào mục Đối với vùng đất ven biển trong Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
<p>- Tiết b Điểm 5.1 (trang 303) đề nghị nghiên cứu, bổ sung: Phát triển liên kết, kết nối các địa điểm du lịch Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn với các địa điểm du lịch tại Thái Bình, như: Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen và Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Thụy Trường nhằm tận dụng các lợi thế về giao thông, sự khác biệt sản phẩm du lịch và tạo ra sản phẩm du lịch biển mới.</p>	<p>Thái Bình</p>	<p>Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được lập trên cơ sở các quy hoạch ngành quốc gia, trong đó Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được tích hợp vào nội dung của Quy hoạch này. Với các điểm du lịch chi tiết như Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen và Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Thụy Trường nên đưa vào quy hoạch cấp tỉnh.</p>
<p>- Hiện nay, tỉnh Thái Bình chủ trương phát triển kinh tế biển và quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019. Ngày 08/5/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm</p>		<p>Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung vào dự thảo Quy hoạch các khu vực lấn biển của tỉnh Thái Bình (diện tích khoảng 7.367ha). Vì các lý do như sau:</p>

<p>Minh Chính đã tham dự các hoạt động và có buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Bình. Tại điểm 3 Mục III Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 07/6/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Bình có nội dung về việc cho phép tỉnh Thái Bình nghiên cứu phương án lấn biển để mở rộng quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính bền vững của hệ sinh thái, hiệu quả và tầm nhìn xa, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và mục tiêu cụ thể về kinh tế đến năm 2030 của Dự thảo Quy hoạch. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị bổ sung vào Dự thảo Báo cáo khu vực lấn biển tỉnh Thái Bình có diện tích khoảng 7.367ha, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Khoảng 2.944 ha biển nằm trong Khu kinh tế Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019 trong đó có quy hoạch cảng, khu công nghiệp...</li><li>+ Khoảng 3.076 ha biển có thể lấn biển có vị trí: Phía Tây giáp Khu kinh tế Thái Bình; Phía Đông giáp điểm giới hạn mép trong tuyến vận tải ven biển đoạn qua Thái Bình theo Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT; phía Bắc giáp khu trú nhân tạo cho loài thủy sản; phía Nam giáp ranh giới vùng nước khu bến Ba Lạt và ranh giới hành chính trên biển giữa Thái Bình và Nam Định (trong đó có 06</li></ul>		<p>Hiện nay một số địa phương ven biển có nhu cầu lấn biển để đẩy mạnh phát triển kinh tế hướng ra biển và làm giàu từ biển. Đồng thời tập trung phát triển kinh tế biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Đã có những quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế tỉnh Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019, liên quan đến vấn đề lấn biển cũng đã được Thủ tướng nhấn mạnh trong buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Bình ngày 08/5/2022 cho phép tỉnh Thái Bình nghiên cứu phương án lấn biển để mở rộng quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính bền vững của hệ sinh thái, hiệu quả và tầm nhìn xa, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và mục tiêu cụ thể về kinh tế (Tại điểm 3 Mục III Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 07/6/2022 của Văn phòng Chính phủ). Tuy nhiên, các quá trình thủy thạch động lực ven bờ rất phức tạp, luôn tiềm ẩn những tác động bất lợi thậm chí không thể đảo ngược đối với những hoạt động làm thay đổi hình thái đường bờ biển và đáy biển.</p> <p>Do đó việc nghiên cứu xây dựng các tiêu chí và xác định các vùng tiềm năng phù hợp để</p>
---	--	---

<p>mỏ cát: TH07, TH08, TH09, TH10, TH11 và TH12 theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND; hiện mỏ cát TH11 và TH12 đang tổ chức bán hồ sơ mời đấu giá, thời gian dự kiến tổ chức đấu giá tháng 11/2022).</p> <p>+ Khoảng 1.347 ha biển nghiên cứu có thể lấn biển thuộc xã Đông Long, Đông Hoàng, Đông Minh có vị trí tiếp giáp với ranh giới ngoài phía Đông của Khu kinh tế, gần với khu đô thị, dịch vụ Đông Châu trong Khu kinh tế Thái Bình.</p>		<p>lấn biển là cần thiết, cần được xem xét trong quá trình triển khai Quy hoạch này.</p> <p>Đồng thời, việc đưa vào quy hoạch diện tích lấn biển phải được thực hiện theo các quy định của Pháp luật (Tại thời điểm này chưa có văn bản quy định về lấn biển).</p>
<p>- Về vùng đất ven biển chưa thống nhất với phần II và quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; nên nêu cụ thể vùng đất ven biển bao gồm diện tích đất tự nhiên đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm để thống nhất với Luật Đất đai (vì nếu ghi từ địa giới hành chính đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo luật đất đai là đất có mặt nước ven biển thuộc chỉ tiêu quan sát, nằm ngoài địa giới hành chính các xã, phường, thị trấn có biển).</p>		<p>Đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Phạm vi đối vùng đất ven biển và vùng biển ven bờ đã được xác định rõ và trình bày trong mục phạm vi quy hoạch và phân vùng sử dụng tài nguyên vùng bờ đối với vùng đất ven biển và vùng biển ven bờ của các Dự thảo tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các báo cáo kèm theo.</p>
<p>- Tại điểm c, Mục 5.1. Về đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 47) Báo cáo tóm tắt: Đề nghị bổ sung biển Hải Tiến (huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá) nhằm phù hợp với dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Thanh Hóa</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát. Biển Hải Tiến (huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá) là địa điểm tiềm năng phát triển du lịch quốc gia đã được thể hiện tại Hình 46, trang 368 Báo cáo tổng hợp; tại Hình 12, trang 64 Báo cáo tóm tắt và tại Hình 12, trang 42 Dự thảo tờ trình TTgCP.</p>

-	<p>Tại mục 5.1 - Đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ (trang 304) đề nghị xem xét bổ sung danh mục Khu đô thị du lịch Kỳ Ninh (du lịch văn hóa tâm linh gắn với du lịch biển) và Khu đô thị du lịch Kỳ Nam vào danh mục các khu du lịch để từng bước trở thành khu du lịch quốc gia gắn liền với bảo tồn các giá trị tự nhiên, văn hóa - lịch sử tại vùng bờ</p>	Hà Tĩnh	<p>Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì khu đô thị du lịch Kỳ Ninh, Kỳ Nam không có trong dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Tổng cục Du lịch nên việc xem xét quy hoạch các khu đô thị du lịch Kỳ Ninh (du lịch văn hóa tâm linh gắn với du lịch biển) và Khu đô thị du lịch Kỳ Nam vào quy hoạch tỉnh.</p>
-	<p>A. Vùng biển thuộc vịnh Đà Nẵng:          Thống nhất là khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (nhóm ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải). Tuy nhiên theo quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 về quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cảng Tiên Sa sau năm 2030 sẽ chuyển đổi thành bến cảng du lịch. Do đó, đề nghị điều chỉnh khu vực biển tại cảng Tiên Sa thành nhóm ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ</p>	Đà Nẵng	<p>Xin tiếp thu, nhưng đưa vào định hướng (cho tương lai sau 2030).          Đã bổ sung nội dung “Chuyển đổi Cảng Tiên Sa thành bến cảng du lịch” vào bullet d mục phân vùng đất ven biển trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
-	<p>B. Vùng biển quanh bán đảo Sơn Trà:          Tại điều 1, mục III.2.b, dự thảo quyết định trình thủ tướng quyết định phê duyệt, vùng biển quanh bán đảo Sơn Trà được phân loại là khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (nhóm ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ). Tuy nhiên, theo thuyết minh báo cáo đính kèm (hình 6-trang 57) thì vùng biển quanh bán đảo Sơn Trà</p>		<p>Các khu ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ hiện nay chưa xác định được ranh giới nên chưa thể thể hiện lên bản đồ. Khi có phạm vi, ranh giới khu du lịch sẽ giải quyết chồng lấn và có các quy định sử dụng cụ thể cho từng vùng.</p>

<p>được phân loại là khu vực hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ. Đề nghị cơ quan soạn thảo ra soát, điều chỉnh, thống nhất giữa 2 văn bản trên.</p>		
<p>- C. Đối với vùng biển đông giáp quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn: Theo thuyết minh báo cáo đính kèm (hình 6, trang 57), tại khu vực chân bán đảo Sơn Trà (bao gồm cả hòn Sụt) được đề xuất được ưu tiên cho hoạt động hàng hải (vùng K1). Khu vực này thành phố Đà Nẵng đang triển khai phục hồi rạn san hô, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh vùng này thành vùng hạn chế cho phục hồi hệ sinh thái (vùng H1)</p>		<p>Đây là vùng nước cảng theo quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 về quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vì vậy đề xuất ưu tiên cho hoạt động cảng biển.</p>
<p>- Hiện nay, có một số cách phân vùng khác nhau (ví dụ vùng khai thác phía Bắc...) hoặc trong báo cáo thể hiện các đảo, khu Du lịch quốc gia,... nhưng không nói rõ địa danh thuộc tỉnh thành nào. Vì vậy, cần bổ sung từng vùng gồm những tỉnh thành nào cụ thể để trong quá trình đọc, nghiên cứu thì dễ chia sẻ thông tin, phối hợp trong quá trình thực hiện.</p>		<p>Tên tỉnh, huyện của các địa danh được ghi rõ tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo nghị quyết của Chính phủ</p>
<p>- Đối với nội dung tại điểm a, khoản 5.1 (Mục V) Báo cáo tóm tắt Quy hoạch: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung "<i>Xác định khu vực ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng thuộc vùng đất ven biển của từng khu vực, từng địa</i></p>	<p>Quảng Ngãi</p>	<p>Tiếp thu và xem xét tại điểm a, khoản 5.1 đã đưa ra một số định hướng phát triển ở vùng ven biển nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Việc xác định các khu vực ưu tiên sẽ thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cấp tỉnh.</p>

	<i>phương. Nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị ven biển".</i>		
-	Đối với nội dung c) Đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, 5.1. Đối với vùng đất ven biển (trang 304) đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung nội dung <i>"Từng bước đầu tư xây dựng các khu du lịch Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Lệ Thủy Lãng Cô - Cảnh Dương, Sơn Trà, Hội An - Cù Lao Chàm, Mỹ Khê, Phương Mai, Vịnh Xuân Đài, Bắc Cam Ranh - Vân Phong, Ninh Chữ trở thành khu du lịch quốc gia gắn liền với bảo tồn các giá trị tự nhiên, văn hoá - lịch sử tại vùng bờ"</i> thành <i>"Từng bước đầu tư xây dựng các khu du lịch Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Lệ Thủy Lãng Cô - Cảnh Dương, Sơn Trà, Hội An - Cù Lao Chàm, Mỹ Khê, Nhơn Lý - Cát Tiến, Phương Mai, Quy Nhơn - Sông Cầu, Vịnh Xuân Đài, Bắc Cam Ranh - Vân Phong, Ninh Chữ trở thành khu du lịch quốc gia gắn liền với bảo tồn các giá trị tự nhiên, văn hoá - lịch sử tại vùng bờ"</i>	Bình Định	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 309 Báo cáo tổng hợp và trang 48 Báo cáo tóm tắt
<b>2</b>	<b>Đối với các vùng biển</b>		
-	Về phân vùng sử dụng vùng bờ Dự thảo Quy hoạch đề xuất 8 loại vùng với các mục đích sử dụng kết hợp khác nhau của khuyến khích, ưu tiên phát triển; quan tâm, chú trọng bảo tồn tại 04 vùng (phía Bắc, Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ).	Bộ Tài Chính	Ở đây là phân vùng sử dụng, dựa trên chức năng của các khu vực, đối tượng, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính, lãnh thổ. Tuy nhiên, đã xem xét phân vùng theo 4 vùng phát triển kinh tế biển (theo Nghị quyết 36) để có thể dễ liên hệ. Ngoài ra các vùng còn được nhận dạng đến cấp tỉnh, huyện.

<p>Việc phân vùng tại Quy hoạch bên cạnh đặc điểm, bản chất của riêng Quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành đề nghị có xem xét, kết hợp với phân vùng kinh tế - xã hội theo lãnh thổ để có sự kết nối nhất định giữa các quy hoạch.</p> <p>Nhìn chung các nội dung trên khá đặc thù song đề nghị có phân tích, đánh giá một cách khoa học hơn thể hiện được tính định hướng chuyên ngành và tính thực tiễn, lợi ích của quy hoạch</p>		<p>Đối tượng quan tâm chính là không gian tài nguyên tại vùng bờ, theo đó các ngành cụ thể có thể đi sâu và chuyên ngành của mình trong quá trình triển khai đảm bảo tính thực tiễn, lợi ích của quy hoạch</p>
<p>- Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ: - Bổ sung đầy đủ tên các tỉnh tại 04 vùng biển (trang 303).</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung tên các tỉnh thuộc 4 vùng biển tại trang 311 trong Báo cáo tổng hợp, trang 48 trong Báo cáo tóm tắt, trang 8 trong Dự thảo tờ trình, trang 4 trong Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
<p>- Mục 5.2.2 (trang 316): + Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên: bổ sung danh mục các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn biển theo “Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” đang được gửi đến thành viên Hội đồng thẩm định cấp quốc gia. + Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên: bổ sung danh mục các phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ-hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn biển đã được thành lập, các khu vực biển đã được khoanh vùng bảo vệ trong Vườn Quốc gia thuộc hệ thống rừng đặc dụng và phạm vi khu bảo tồn biển theo “Quy hoạch bảo vệ và</p>		<p>Danh mục các khu vực này được trình bày tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo nghị quyết của Chính phủ</p>

<p>khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” (không bao gồm các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt).</p>		
<p>- Việc xác định “... bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân vùng ven biển và các đảo thuộc vùng bờ khi bão lũ thông qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về phòng, chống thiên tai...” là chưa phù hợp, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tập trung xây dựng, củng cố nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn cồn cát ven biển, công trình phòng, chống thiên tai và phục vụ phòng, chống thiên tai khác; hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về phòng chống thiên tai bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch và khả thi; nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; năng lực cứu hộ, cứu nạn trên biển theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có đủ trang thiết bị và năng lực xử lý hiệu quả các tình huống khẩn cấp</p> <p>Việc xác định nội dung “...bảo đảm đến năm 2030 các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng bắt buộc” là chưa phù hợp với quy định pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn, vì vậy, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, đô thị xanh,</p>		<p>Đã tiếp thu và bổ sung tại trang 352 trong Báo cáo tổng hợp, trang 70 trong Báo cáo tóm tắt, trang 16 trong Dự thảo tờ trình, trang 12-13 trong Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>

<p>khu du lịch xanh làm cơ sở để <i>xây dựng, củng cố, nâng cấp các công trình ở vùng bờ, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và các tác động tiêu cực đến môi trường biển ven bờ</i>”.</p>		
<p>- Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên cho nuôi trồng thủy sản còn rất hạn chế so với tiềm năng và hiện trạng nuôi trồng thủy sản (ví dụ: khu vực nuôi tôm nước lợ vùng ven bờ trên cả nước hiện nay có diện tích khoảng 700.000ha, trong đó các tỉnh Tây Nam Bộ chiếm khoảng trên 80% diện tích, chưa kể diện tích nuôi các đối tượng khác như cá biển, nhuyễn thể và rong biển), đề nghị cập nhật, bổ sung.</p>		<p>Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên cho nuôi trồng thủy sản được xác định trên cơ sở hiện trạng và quy hoạch của ngành thủy sản, có lưu ý đến chồng lấn với các khu vực ưu tiên khác, đặc biệt là cho mục đích bảo tồn và quốc phòng an ninh. Ngoài những khu vực đã xác định khuyến khích cho NNTS, hoạt động nuôi trồng thủy sản còn được khuyến khích trong toàn bộ Khu vực khuyến khích sử dụng đa mục tiêu. Khu vực này rộng hơn rất nhiều so với khu vực khuyến khích cho NTTS.</p>
<p>- Tại Bảng 8.1. Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ phía Bắc (trang 319 - 328): Đề nghị bổ sung Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Cát Bà vào mục 1.1; Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ vào mục II.1; Khu bảo tồn biển Cát Bà vào mục II.2.</p>	<p>Hải Phòng</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung đối với khu dự trữ sinh quyển Thế giới Cát Bà Đối với khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ, đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì không thuộc phạm vi của quy hoạch này</p>
<p>- Tại mục II Bảng 8.2. Các khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ phía Bắc (trang 329): Bổ sung vị trí ưu tiên nuôi trồng hải sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể: Vị trí nuôi trồng thủy sản lồng bè tại 03 khu vực: Hòn Thoi Quýt - Gia Luận, Ghẹ Gầm - Gia Luận</p>		<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, do thông tin cung cấp thiếu dữ liệu về ranh giới tọa độ vùng/khu vực, nên không thể hiện được vùng cụ thể trên bản đồ mà chỉ đưa vào dự thảo quy hoạch dưới dạng định hướng,</p>

	<p>và Hang Vẹm - Vụng O thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải (đã được Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý chủ trương trong Đề án Nuôi trồng thủy sản lòng bè trên vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, hiện đang trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định phê duyệt)</p> <p>Vị trí khu vực nuôi nhuyễn thể vùng ven biển huyện Tiên Lãng, (đang được Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các ngành đề xuất hình thức phát hành văn bản)</p>		<p>khuyến khích phát triển trong vùng sử dụng đa mục tiêu</p>
-	<p>Tại mục c) Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên (trang 329): Bổ sung Cát Bà vào Khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ, cập nhật số liệu về diện tích tăng thêm do bổ sung Cát Bà vào Bảng 90. Tổng hợp các khu vực khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ Việt Nam tại trang 355-356</p>		<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, do thông tin cung cấp thiếu dữ liệu về ranh giới tọa độ vùng/khu vực, nên không thể hiện được vùng cụ thể trên bản đồ mà chỉ đưa vào dự thảo quy hoạch dưới dạng khuyến khích phát triển. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, khu vực/vùng ưu tiên phát triển du lịch đối với đảo Cát Bà sẽ được xác định cụ thể</p>
-	<p>Các Bảng 81 đến Bảng 89 nên đưa vào phần Phụ lục của Báo cáo để tiện tra cứu.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung. Theo đó, chỉnh sửa lại thành: “Thông tin cụ thể về các khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ phía Bắc được trình bày tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>

-	<p>Tại Bảng 94. Quy định sử dụng các khu vực khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ Việt Nam (trang 374): Làm rõ tại cột 9 hàng 3, tại sao loại hình hoạt động “Phát triển cảng, căn cứ, kho tàng quân sự” lại được phép sử dụng chung?</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa thành khu vực hạn chế khai thác</p>
-	<p>Khu vực vùng bờ tỉnh Thái Bình hiện nay trong dự thảo Quy hoạch phần lớn đều nằm trong Khu dự trữ sinh quyển Đồng bằng Châu thổ Sông Hồng (Khu dự trữ sinh quyển) và thuộc khu vực hạn chế khai thác, sử dụng để bảo tồn đa dạng sinh học. Về nội dung này, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét vì: Theo Quyết định số 466/QĐ-UBQG UNESCO ngày 26/7/2013 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam thì Khu dự trữ sinh quyển có tổng diện tích 105.557 ha trong đó tại tỉnh Thái Bình có 48.160 ha (gồm 29.631 ha nội địa (chiếm khoảng 59,5% tổng diện tích đất 2 huyện) và 18.529 ha biển (chiếm khoảng 38% vùng biển 06 hải lý tỉnh Thái Bình)) nhưng lại không có ranh giới, tọa độ cụ thể dẫn đến khó khăn trong việc quy hoạch, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tại tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc trực tiếp cũng như có văn bản đề nghị Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam cung cấp thông tin, tài liệu, bản đồ xác định ranh giới, tọa độ cụ thể của Khu dự trữ sinh quyển để làm căn cứ quản lý. Tuy nhiên, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt</p>	<p>Thái Bình</p>	<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, khu dự trữ sinh quyển được thiết lập nhằm mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo cung cấp dịch vụ hệ sinh thái cho phát triển bền vững. Do đó, việc hạn chế khai thác, sử dụng là điều cần thiết. Tuy nhiên cần lưu ý rằng “Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên” có thể được cụ thể hóa trong quá trình thực hiện quy hoạch, để xem chỗ nào trong khu vực đó và khi nào thì hạn chế gì, như thế nào, chứ không phải là hạn chế chung và tất cả. Các quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được đưa vào quy hoạch. Quyết định số 1486/QĐTTg ngày 28/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình không loại trừ nhu cầu bảo vệ Khu dự trữ sinh quyển, mà cần lưu ý đến phát triển kinh tế xanh</p>

<p>Nam chỉ cung cấp được Quyết định số 466/QĐ-UBQG UNESCO nêu trên).</p> <p>Mặt khác, Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại tỉnh Thái Bình gồm Vùng nước khu bến Diêm Điền và Trà Lý có diện tích khoảng 18.633,6 ha; vùng nước khu bến Ba Lạt có diện tích khoảng 1.592,8ha; theo Quyết định số 1486/QĐTTg ngày 28/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình thì phần lớn Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải nằm trong Khu Kinh tế Thái Bình; hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đang đề xuất giảm diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải từ 12.500 ha xuống còn 1.320 ha do chồng lấn với Khu kinh tế Thái Bình.</p> <p>Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó diện tích đất lúa tại 02 huyện Thái Thụy, Tiên Hải dự kiến phân khai trong Quy hoạch tỉnh khoảng 21.046 ha (chiếm 42% diện tích đất tự nhiên của 02 huyện).</p> <p>Vì vậy đưa Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng thuộc khu vực hạn chế khai thác, sử dụng để bảo tồn đa dạng sinh học sẽ mâu thuẫn với các</p>		
---	--	--

<p>quyết định ngành quốc gia đã được phê duyệt nêu trên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX đã đề ra; hạn chế không gian, dư địa phát triển kinh tế - xã hội của Thái Bình. Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét lại việc đưa Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng thuộc khu vực hạn chế khai thác, sử dụng để bảo tồn đa dạng sinh học; việc phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học cần phải hài hoà với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.</p>		
<p>- Hình 35 (trang 312) và trang 315: Cần xem xét lại việc đánh giá sự chồng lấn giữa Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng và vùng nước khu bến cảng Ba Lạt trong đó ưu tiên vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển vì vùng lõi 2 của Khu dự trữ sinh quyển là Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đang thực hiện các thủ tục để điều chỉnh giảm diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải từ 12.500 ha xuống còn 1.320 ha (có tọa độ trung tâm: X= 2247719; Y= 614011 (Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 1050 30', múi chiếu 3<sup>0</sup>) do chồng lấn với Khu kinh tế Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐTTg.</p>		<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu, rà soát. Tuy nhiên, sự chồng lấn giữa Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng và vùng nước khu bến cảng Ba Lạt được phân tích chỉ nhằm giúp các ngành địa phương xem xét giải quyết mâu thuẫn tiềm ẩn trong quá trình lập các quy hoạch cụ thể liên quan, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, chứ không cản trở, loại trừ quyết định của các ngành, các cấp trong việc điều quy hoạch của mình</p>

-	Đề nghị xem xét: Khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình không chồng lấn với Vùng nước khu bến cảng Diêm Điền; đề nghị sửa: "Vùng nước khu bến cảng Diêm Điền" thành "Vùng nước khu bến Diêm Điền và Trà Lý".		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tên Hình 28 (trang 313), sửa "Vùng nước khu bến Diêm Điền và Trà Lý" bảng trang 316 Báo cáo tổng hợp và dữ liệu bản đồ
-	Bảng 80. Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ phía Bắc (trang 317) đề nghị xem xét lại số thứ tự 6, 7 có nội dung trùng nhau.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Bảng 80 Báo cáo tổng hợp (tại trang 318)
-	Số thứ tự thứ 13, 14 Mục I.4. Hệ sinh thái rừng ngập mặn Bảng 81 (trang 327) đề nghị sửa diện tích rừng ngập mặn huyện Thái Thụy là 2.671 ha và huyện Tiền Hải là 1.441 ha.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Bảng 81 trang 328 của Báo cáo tổng hợp và Phụ lục về Danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
-	Số thứ tự 1 Mục III.1 Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bảng 81 (trang 328) đề nghị xem xét lại diện tích Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ Thái Bình có diện tích khoảng 10.468ha		Đã tiếp thu, rà soát. Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ thuộc vùng biển tỉnh Thái Bình có diện tích là 7.818 ha (theo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050).
1	Số thứ tự 1 Mục III.2 Khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản Bảng 81 (trang 328) diện tích Khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản khu vực Tiền Hải (Thái Bình) có diện tích khoảng 1.000 ha.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng 81 trang 328 của Báo cáo tổng hợp và Phụ lục về danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

-	<p>Khu vực ưu tiên phát triển điện gió (trang 328): Ngoài 600 ha quy hoạch phát triển điện gió nằm trong Khu kinh tế Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019; tỉnh Thái Bình đề xuất thêm khoảng 3.030 ha có ranh giới phía Tây giáp ranh giới ngoài của Khu kinh tế Thái Bình thuộc vùng biển xã Đông Trà đến xã Nam Cường, huyện Tiền Hải (phần lớn nằm trong vùng biển 03 hải lý).</p>		<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào mục Khu vực ưu tiên phát triển điện gió (trang 329), Bảng 82 (trang 333) của Báo cáo tổng hợp; Phụ lục danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và dữ liệu bản đồ</p>
-	<p>Số thứ tự 11 Mục I. Khu vực ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải Bảng 82 (trang 329) đề nghị xem xét lại diện tích Khu bến Ba Lạt, Thái Bình theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị bổ sung khu bến cảng cho tàu có trọng tải đến 50.000 tấn phía Bắc cửa sông Diêm Hộ theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg. Hiện nay, Bộ Giao thông Vận tải đang lập quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 1, Ủy ban nhân dân tỉnh đang lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó dự kiến quy hoạch các bến cảng ngoài cửa sông Diêm Điền và Trà Lý có bổ sung cảng nổi phục vụ Trung tâm Điện - Khí LNG Thái Bình và các nhu cầu khác thuộc vùng nước cảng biển trong vùng biển 06 hải lý của tỉnh Thái Bình.</p>		<p>Đã rà soát, chuẩn hoá dữ liệu. Tuy nhiên, có diện tích các khu bến không được đề cập trong Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ</p>

-	Đề nghị sửa nội dung tại số thứ tự 31 Mục II. Khu vực ưu tiên nuôi trồng hải sản Bảng 82 (trang 331) thành: "Khu vực ven bờ huyện Thái Thụy, Thái Bình; diện tích 1.400ha".		Đã tiếp thu, bổ sung vào Bảng 82 (trang 333) của Báo cáo tổng hợp; Phụ lục danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và dữ liệu bản đồ
-	Dự thảo Quy hoạch chưa đề cập đến tuyến đường vận tải ven biển theo các Quyết định: số 2495/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2014, số 3733/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải trong đó công bố tuyến vận tải ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận và việc xử lý chồng lấn các quy hoạch đối với tuyến vận tải ven biển này. Tại Thái Bình, tuyến vận tải ven biển theo Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2014 đoạn qua tỉnh Thái Bình, chiếm phần lớn diện tích khu vực biển trong vùng biển 06 hải lý của tỉnh Thái Bình. Do đó, kiến nghị xử lý chồng chéo đối với khu vực này trong đó đề xuất điều chỉnh dịch tuyến vận tải ven biển này ra ngoài vùng biển 06 hải lý để có không gian phát triển.		<p>Tại điểm a) mục phân vùng đối với vùng đất ven biển, dự thảo đã đề cập: “Phát triển đột phá, đồng bộ về kết cấu hạ tầng ven biển, đặc biệt là hệ thống đường giao thông để tạo đà, động lực thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển”. Theo định hướng này, tiếp tục phát triển hệ thống đường ven biển.</p> <p>Việc đề nghị điều chỉnh dịch tuyến vận tải ven biển ra ngoài vùng biển 06 hải lý để có không gian phát triển của tỉnh là không phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển các ngành kinh tế biển và liên quan đến biển, trong đó có tỉnh Thái Bình. Theo Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT, tuyến vận tải ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình giữa các cảng, bến thủy nội địa, cảng biển thuộc các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.</p>
-	Ngày 19/01/2022, UBND tỉnh Nam Định đã có văn bản số 06/UBNDVP5 về việc thống nhất kết quả xác định khu quân sự và tập hợp phần Quy	Nam Định	Đề nghị cho giữ nguyên để xin ý kiến Bộ Quốc phòng nhằm đảm bảo sự thống nhất. Các khu vực quân sự hiện đang được tích

	<p>hoạch khu vực địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Nam Định, theo đó khu vực Cồn Lu, huyện Giao Thủy là khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng với diện tích khoảng 400ha. Đề nghị đưa nội dung này vào dự thảo quy hoạch.</p>		<p>hợp trên cơ sở thông tin, dữ liệu do Bộ Quốc phòng cung cấp</p>
<p>-</p>	<p>“Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” đề nghị bổ sung phân tích sự hợp lý của việc phân chia thành 4 vùng khai thác, sử dụng, những lợi thế và hạn chế tương đồng</p>		<p>Tại Mục phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, dự thảo đã trình bày rõ: “Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ Việt Nam được xác định theo 4 vùng, phù hợp với định hướng phát triển các vùng kinh tế biển và ven biển đã xác định trong Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>
<p>-</p>	<p>Về phân vùng ven biển phía Bắc thành các khu cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên: Đề nghị bổ sung danh mục chi tiết các khu cấm khai thác, sử dụng tài nguyên; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên; khu vực khuyến khích khai thác sử dụng tài nguyên. Lý do: các khu vực nêu trên là quan trọng và cần thiết</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên theo 4 vùng tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính ph</p>

	phải chi tiết cụ thể nhằm đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và khai thác hiệu quả bền vững.		
-	Đề nghị bổ sung tỉnh Nam Định vào khu vực ưu tiên phát triển đô thị - du lịch và dịch vụ biển để thống nhất nội dung chú trọng phát triển 4 nhóm ngành.		Đã tiếp thu và giải trình vì những nội dung này đã được đề cập ở điểm a) và b) mục phân vùng đối với vùng đất ven biển của dự thảo
-	Đề nghị bổ sung Khu vực ưu tiên phát triển điện gió tại vùng biển ven bờ Nam Định		Đã tiếp thu và đưa vào mục khuyến khích phát triển trong phần phân vùng đối với vùng biển ven bờ
-	Đề nghị bổ sung thêm cảng biển Nghĩa Hưng: diện tích vùng đất (sau khi san lấp, lấn biển) khoảng 537,3ha; diện tích vùng nước 18.346 ha (do ngày 13/6/2022, UBND tỉnh Nam Định đã có văn bản số 422/UBND-VP5 đề nghị bổ sung bến cảng biển chuyên dùng Xuân Thiện Nam Định vào quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển phía Bắc (nhóm 1) thời kỳ 2021-2030 gửi Bộ Giao thông vận tải). (Tại trang 54 của Báo cáo tóm tắt, Hình 3. Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ phía Bắc (khu vực Thái Bình - Ninh Bình)		Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nam Định chỉ có khu bến Hải Thịnh, Bến phao, khu neo đậu chuyên tải tại Ninh Cơ và khu neo tránh, trú bão tại khu vực Hải Thịnh. Đồng thời, các diện tích san lấp, lấn biển chưa được cấp phép để thực hiện lấn biển theo quy định của pháp luật
-	Đề nghị bổ sung khu vực ưu tiên phát triển đô thị-du lịch và dịch vụ biển; quy hoạch một số cụm công nghiệp (CCN) như CCN Thịnh Long, Hải Đông huyện Hải Hậu, CCN Thịnh Lâm, Giao Thiện, Giao Hải, Giao Xuân, Giao Lạc huyện Giao Thủy. (Tại trang 54 của Báo cáo tóm tắt,		Đã tiếp thu, rà soát và đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì việc quy hoạch phát triển các đô thị, dịch vụ biển và cụm công nghiệp này sẽ thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cấp tỉnh. Quy hoạch này chỉ đưa ra các định hướng phát

	<p>Hình 3. Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ phía Bắc (khu vực Thái Bình - Ninh Bình)</p>		<p>triển nhằm giảm thiểu các tác động từ đất liền xuống biển</p>
<p>-</p>	<p>Tại Mục 5.2. Về Đối với vùng biển ven bờ Báo cáo tóm tắt Quy hoạch: Tại nội dung “khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên” (trang 50), đề nghị bổ sung biển Nghi Sơn và Quảng Xương vào khu vực ưu tiên phát triển du lịch nhằm phát triển du lịch biển trở thành sản phẩm du lịch mũi nhọn của tỉnh Thanh Hoá.</p>	<p>Thanh Hóa</p>	<p>Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung để đảm bảo phù hợp với định hướng của dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các điểm du lịch Nghi Sơn và Quảng Xương đề nghị đưa vào xem xét trong quy hoạch cấp tỉnh</p>
<p>-</p>	<p>Phân vùng khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ (trang 303-354): Đề nghị bổ sung các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ đê biển vào danh mục khu vực cấm khai thác sử dụng, tài nguyên vùng ven bờ. Lý do: Theo quy định tại khoản 10 Điều 7 Luật Đê điều, nghiêm cấm các hoạt động khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác trong phạm vi bảo vệ đê điều.</p>		<p>Đã tiếp thu và giải trình vì việc bảo vệ đê biển đã được thực hiện theo Luật Đê điều mà không cần phải đưa vào thành vùng cấm khai thác quy định trong quy hoạch này</p>
<p>-</p>	<p>Các khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 330 - 331) và Bảng 84. Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 338), có nội dung đảo Hòn Mê thuộc khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên, là khu bảo tồn biển. Tuy nhiên, theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn, đảo Hòn Mê được quy</p>		<p>Đề nghị cho giữ nguyên, vì sau khi Quy hoạch này được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tỉnh Thanh Hoá sẽ lập quy hoạch chi tiết đối với đảo Hòn Mê, trong đó, phân thành các vùng cấm khai thác, hạn chế khai thác và khuyến khích phát triển. Vùng cấm khai thác và hạn chế khai thác được đề cập trong dự thảo quy hoạch được xác định trên cơ sở dữ liệu do Bộ Quốc phòng và Bộ NN&amp;PTNT cung cấp</p>

	<p>hoạch là khu vui chơi giải trí cao cấp. Đồng thời, theo hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đã được UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa thông qua) đang trình Hội đồng thẩm định quy hoạch, không đưa khu vực đảo Hòn Mê thành khu bảo tồn biển. Do đó, để phù hợp với quy định và định hướng phát triển của tỉnh, đề nghị không đưa khu vực đảo Hòn Mê thành khu bảo tồn biển Hòn Mê như trong Quy hoạch.</p>		
<p>-</p>	<p>Tại Bảng 85 Báo cáo tổng hợp: Các khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 341): Tại mục khu vực ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải đề nghị bổ sung thêm vị trí khu bến cảng Quảng Nham - Hải Châu với diện tích 739,8ha. Lý do, Để phù hợp với Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có bến cảng Quảng Nham nhưng không có tọa độ ranh giới của vùng nước cảng. Bến cảng Quảng Nham đã được thể hiện trên bản đồ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dưới dạng điểm</p>
<p>-</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa diện tích các vị trí, cụ thể: Khu bến cảng Lạch Sung diện tích 11.045,5ha, Khu bến cảng Lệ Môn, Quảng Châu diện tích 6.670,1ha; Khu bến Nam, Bắc Nghi Sơn, Hòn Mê diện tích 63.508,4ha.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa Bảng 85 (trang 344) của Báo cáo tổng hợp; Phụ lục danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>

-	<p>Tại điểm c mục 1 phần III đối với vùng đất ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, đề nghị xem xét bổ sung vùng biển ven bờ Xuân Thành, Xuân Hải (Thạch Bằng) vào khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên (Tại tỉnh Hà Tĩnh dự thảo đưa vào chỉ có khu du lịch Thiên Cầm).</p>	Hà Tĩnh	<p>Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 không có các điểm du lịch Xuân Thành, Xuân Hải (Thạch Bằng)</p>
-	<p>Tại trang 8, Mục III, tiểu mục 2, Tiết b. Vùng ven bờ Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ; Nội dung khu vực ưu tiên phát triển điện gió: đề nghị bổ sung tỉnh Quảng Bình.</p>	Quảng Bình	<p>Đã tiếp thu, đưa vào mục khuyến khích phát triển trong phần phân vùng đối với vùng biển ven bờ</p>
-	<p>Tại Bảng 84 (trang 333). Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ: Đề nghị chỉnh sửa và thống nhất tên đảo của tỉnh Thừa Thiên Huế là “đảo Sơn Chà”. Đây là hòn đảo duy nhất của tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc địa bàn thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>	Thừa Thiên Huế	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 336 trong Báo cáo tổng hợp</p>
-	<p>Tại Hình 39. (trang 358) Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (khu vực Quảng Bình - Thừa Thiên Huế): Đề nghị bổ sung chú thích Khu vực ưu tiên phát triển Du lịch và Dịch vụ vào bản đồ. Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế, khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương thuộc khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa. Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương đã được thể hiện ở Hình 1 Địa điểm khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ tại trang 368 trong Báo cáo tổng hợp</p>

-	Phân vùng khai thác, sử dụng vùng bờ tại huyện Lý Sơn trong đó lưu quan tâm khu vực hạn chế cho khu bảo tồn biển Lý Sơn.	Quảng Ngãi	Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chưa lập quy hoạch đối với vùng bờ của các đảo, trong đó có đảo Lý Sơn nên không thực hiện phân vùng đối với đảo
-	Tại Mục 5. Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, PHẦN V. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trang 303) đề nghị xem xét một số nội dung sau: Đối với Mục 5, vùng bờ tỉnh Bình Định có tiềm năng phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản, điện gió, cảng biển nên đề nghị không đưa vùng bờ của tỉnh vào khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên nhằm đảm bảo cho nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương trong tương lai. Bên cạnh đó, hiện nay, trên địa bàn tỉnh thường xuyên diễn ra các hoạt động nạo vét khu nước trước các bến cảng và nạo vét, duy tu luồng hàng hải Quy Nhơn nên đề nghị bổ sung khu vực biển sử dụng để nhận chìm cho tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: “c) Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; khu vực biển sử dụng để nhận chìm theo nguyên tắc quy định tại Điều 33 của Luật này”, đồng thời bổ sung khu vực biển sử dụng để nhận chìm vào Hình 47. Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải	Bình Định	Đã tiếp thu, rà soát và đề nghị cho giữ nguyên, vì vùng cấm khai thác được xác định trên cơ sở các quy hoạch của Bộ Quốc phòng và Bộ NN&PTNT (theo dự thảo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Trong quá trình thực hiện, tỉnh Bình Định sẽ tiếp tục phân vùng chi tiết đối với vùng bờ thuộc tỉnh để xác định các khu vực ưu tiên cho phát triển đối với mỗi ngành, lĩnh vực cụ thể

	Trung Bộ (khu vực Bình Định - Phú Yên) (trang 362)		
-	Tại nội dung b) Vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, 5.2.2. Kết quả phân vùng vùng biển ven bờ, 5.2. Đối với vùng biển ven bờ (trang 332), đối với Bảng 83. Các khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ thuộc nội dung “Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên” (trang 333) đề nghị chỉnh sửa các nội dung liên quan vì Nhơn Châu là thuộc tỉnh Bình Định và thuộc Khu vực hạn chế để giảm thiểu tác động lên khu vực cần bảo vệ, bảo tồn, không phải Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên. Bên cạnh đó, đối với nội dung “Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên” (trang 343) đề nghị bổ sung toàn bộ vùng biển ven bờ của Bình Định vào các khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ, kinh tế hàng hải, nuôi trồng hải sản, điện gió và thể hiện trên bản đồ		<p>Đã tiếp thu, rà soát và đề nghị cho giữ nguyên, vì Nhơn Châu là khu vực quy hoạch của Bộ Quốc phòng.</p> <p>Dự thảo đã đưa ra một số định hướng cho phát triển trong vùng sử dụng đa mục tiêu để làm căn cứ cho các địa phương có biển, trong đó có tỉnh Bình Định tiếp tục phân vùng chi tiết đối với vùng bờ thuộc tỉnh để xác định các khu vực ưu tiên cho phát triển đối với mỗi ngành, lĩnh vực cụ thể</p>
-	Rà soát thống nhất với thông tin, số liệu của dự thảo Báo cáo với dự thảo báo cáo Quy hoạch không gian biển quốc gia để thống nhất về thông tin, số liệu.	Phú Yên	Đã rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo thống nhất
-	- Tại bảng 83, bảng 84: đề nghị kiểm tra lại tên các địa danh như: đảo Nhơn Châu (Khánh Hòa), hòn Dụng, hòn Miều, hòn Mọt, hòn Tầm	Khánh Hòa	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP: xã Nhơn Châu

			(Khánh Hòa), hòn Dung, hòn Miếu, hòn Một, hòn Tằm
-	- Tại mục xử lý chông lán đối với vùng biển ven bờ: + Đề nghị nêu giải pháp xử lý đối với chông lán giữa phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang với khu du lịch.		Theo quy định, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang không được triển khai các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, có nghĩa là không cho phép triển khai hoạt động du lịch
-	+ Đối với giải pháp xử lý Chông lán giữa khu bảo tồn biển Vịnh Vân Phong và khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản với vùng nước khu bến cảng Vân Phong đề nghị xem xét lại vì hiện nay Khu kinh tế Vân Phong đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Nhiệm vụ Quy hoạch trên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. Đồ án điều chỉnh Quy hoạch đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 19/7/2022. Hiện nay, UBND tỉnh đã trình Bộ Xây dựng thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Tờ trình 10124/TTr-UBND ngày 18/10/2022.		Trong nguyên tắc xử lý chông lán, ngoài tính ưu tiên về chức năng sử dụng còn có mức độ pháp lý cần tuân thủ tại thời điểm này. Theo đó, những khu vực đã được quy hoạch có sự ưu tiên cao hơn khu vực định hướng quy hoạch. Ngoài ra, Quy hoạch sẽ được rà soát và điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với các yêu cầu mới, nên tính ưu tiên có thể được thay đổi khi điều chỉnh quy hoạch Khu kinh tế Vân Phong được phê duyệt.
-	Tại Bảng 83 - Các khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 333-334) và Bảng 84-Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 335): đề nghị chỉnh sửa số liệu tọa độ và	Ninh Thuận	Đã tiếp thu và chỉnh sửa Bảng 83 (trang 334) và Bảng 84 (trang 336) Báo cáo tổng hợp và Phụ lục về danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ

<p>diện tích, bổ sung khu Khu dịch vụ - hành chính của Khu bảo tồn biển Vườn Quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận (theo Phụ lục II đính kèm). Lý do: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về việc ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận, trong đó đã xác định các khu vực quản lý của Khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa.</p>		<p>trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ Khu dịch vụ - hành chính của khu BTB Vườn Quốc gia Núi Chúa đã được trình bày tại Bảng 84 (trang 341)</p>
<p>- Tại Bảng 84-Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (trang 336), đề nghị đưa các khu vực của huyện Ninh Hải, huyện Thuận Nam, ven bờ vịnh Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận ra khỏi Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để bảo tồn đa dạng sinh học, Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Lý do: Để thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế biển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, hiện nay tỉnh đã bố trí nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực trên</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và đề nghị cho giữ nguyên, vì khu bảo tồn biển Núi Chúa đã được thành lập nên vùng này thuộc Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để bảo tồn đa dạng sinh học. Theo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, vùng bờ khu vực phía Nam của tỉnh Ninh Thuận được quy hoạch là khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>

	<p>trong dự thảo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p>		
<p>-</p>	<p>Tại trang 343-344: Đề nghị bổ sung khu vực quy hoạch nuôi trồng thủy sản biển ven bờ của tỉnh Ninh Thuận, diện tích 1.360 ha; diện tích ven biển, diện tích 13.042,74 ha; diện tích, tọa độ cụ thể (theo phụ lục III, IV đính kèm) vào mục Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên. Lý do: Tỉnh đã bố trí khu vực trên vào dự thảo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung vào mục Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên (trang 344), Bảng 85 (trang 346) Báo cáo tổng hợp; Phụ lục danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên của Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và dữ liệu bản đồ</p>
<p>-</p>	<p>Đối với bản đồ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ: Đề nghị rà soát, đối chiếu việc phân vùng sử dụng giữa bản đồ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và bản đồ phân vùng sử dụng không gian biển để đảm tính đồng bộ, thống nhất trong việc phân vùng sử dụng. Bên cạnh đó, đề nghị chỉnh sửa việc phân vùng khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ khu vực phía Nam của tỉnh từ Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên (H4 Khu vực hạn chế để bảo vệ nguồn lợi thủy sản) thành Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên (K4 Khu vực khai thác sử dụng đa mục tiêu). Lý do: Để thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định</p>		<p>Đã rà soát, đối chiếu và điều chỉnh để đảm bảo phù hợp, thống nhất về vùng trong phạm vi vùng</p>

<p>hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế biển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p>		
<p>- Đối với riêng khu vực Bình Thuận, đề nghị không quy hoạch phát triển điện gió vùng bờ, chỉ phát triển điện gió ngoài khơi. Lý do: Bình Thuận có lợi thế phát triển du lịch vùng bờ, nhất là du lịch thể thao biển, do đó, đề xuất chỉ phát triển điện gió ngoài khơi, dành không gian vùng bờ phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế xã hội khác.</p>	<p>Bình Thuận</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 không quy hoạch, phân vùng cho phát triển điện gió gần bờ mà chỉ đưa ra định hướng để làm cơ sở cho các địa phương có biển điều tra, khảo sát và xác định vùng cụ thể nếu thấy có tiềm năng và có nhu cầu phát triển trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và không ảnh hưởng, cản trở sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác</p>
<p>- Đề nghị gia tăng các khu vực sử dụng đa mục tiêu để tăng hiệu quả khai thác tài nguyên vùng ven biển hoặc các khu vực ưu tiên phát triển có thể nhiều lĩnh vực khác nhau. Lý do: đối với một số khu vực phát triển du lịch có thể kết hợp đa mục tiêu mà không ảnh hưởng đến với các lĩnh vực khác như hàng hải, phát triển ngành nghề khai thác hải sản...</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và bổ sung định hướng phát triển trong vùng sử dụng đa mục tiêu</p>

-	Hiện nay trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có 2 nhà máy điện gió (nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 đã khánh thành và đưa vào sử dụng; nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 đang khởi công). Để tạo điều kiện cho việc phát triển điện gió vùng ven biển tỉnh Tiền Giang phù hợp với Quy hoạch sau khi được phê duyệt, đề nghị Bộ TN&MT nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm các khu vực ưu tiên phát triển điện gió tại vùng ven bờ tỉnh Tiền Giang (nội dung dự thảo trang 51 chỉ xác định 23 khu vực và thể hiện cụ thể tại hình 10, trong đó Tiền Giang dù có 2 nhà máy điện gió nhưng lại không có khu vực ưu tiên phát triển điện gió như các tỉnh lân cận)	Tiền Giang	Đã tiếp thu và đưa vào mục khuyến khích phát triển trong phần phân vùng đối với vùng biển ven bờ
-	Đề nghị rà soát lại bảng 88 (trang 349). Các khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên vùng ven bờ Tây Nam Bộ. Trong đó Hệ sinh thái thảm cỏ biển tại 02 vị trí của Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và hệ sinh thái rừng ngập mặn tại địa bàn 06 huyện ven biển tỉnh Cà Mau cho phù hợp với diện tích rừng phòng hộ ven biển với hiện trạng cuối năm 2021 như sau: huyện Đầm Dơi 4.645 ha, Năm Căn 5.282 ha, Ngọc Hiển 18.620 ha, Phú Tân 1.963 ha, Trần Văn Thời 799 ha và U Minh 413 ha.	Cà Mau	Đã tiếp thu, bổ sung và cập nhật số liệu về diện tích rừng ngập mặn
-	Khu vực Nam Bộ, từ TP. Hồ Chí Minh đến Kiên Giang hiện có các khu dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận: Khu dự trữ sinh quyển thế giới Rừng ngập mặn Cần Giờ, Khu dự trữ sinh		Đã tiếp thu, bổ sung và cập nhật trong các bảng dữ liệu và trên bản đồ

<p>quyền thế giới Mũi Cà Mau, Khu dự trữ sinh quyển thế giới biển đảo Kiên Giang. Tuy nhiên, dự thảo quy hoạch không có đề cập đến các vị trí, hiện trạng các khu dự trữ sinh quyển tại dự thảo Quy hoạch này. Đề nghị bổ sung vào bản đồ, xác định vị trí của từng Khu sinh quyển nằm trên phạm vi Quy hoạch này để nhằm quản lý, bảo vệ khai thác có hiệu quả tài nguyên khu vực này.</p>		
<p>- Khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ (Hình 12. Địa điểm khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ) có phạm vi là vùng đất liền của tỉnh Kiên Giang, không có phạm vi của vùng biển ven bờ của tỉnh. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh phạm vi quy hoạch cho phù hợp</p>	<p>Kiên Giang</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát. Tuy nhiên, các khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ chủ yếu tập trung trên đất liền và được quy hoạch theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cấp tỉnh. Phần nước biển ven bờ gắn liền với các khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ sẽ được xác định trong quá trình thực hiện quy hoạch thông qua phân vùng sử dụng tài nguyên vùng bờ do cấp tỉnh chủ trì thực hiện</p>
<p>- Căn cứ vào hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; nhu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là kinh tế biển, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh phạm vi Khu vực H2 (Khu vực hạn chế cho bảo tồn đa dạng sinh học) và Khu vực H4 (Khu vực hạn chế để bảo vệ nguồn lợi thủy sản). Lý do, các khu vực hạn chế cho Bảo tồn đa dạng sinh học, Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã được xác</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang vào khu vực H2, nhưng do thiếu dữ liệu về không gian nên chưa xác định được quy mô diện tích cụ thể.</p> <p>Đối với khu vực H4, đề nghị cho giữ nguyên, vì đây là khu vực hạn chế để bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã được xác định trong Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ NN&amp;PTNT cung cấp</p>

	<p>định trong dự thảo quy hoạch không gian biển quốc gia.</p>		
<p>-</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy mô về diện tích và vị trí tọa độ cụ thể các khu vực quy hoạch.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Phụ lục Danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên trong Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
<p>-</p>	<p>Đề nghị bổ sung khu vực K2: Khu vực ưu tiên nuôi trồng thủy sản. Lý do, hiện nay, Đề án phát triển nuôi biển tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 đã được phê duyệt. Trong đó. Có sơ đồ các khu vực biển phát triển nuôi biển, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bổ sung vào sơ đồ kèm theo dự thảo Quy hoạch.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung</p>
<p>-</p>	<p>Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bổ sung quy mô diện tích và vị trí các khu vực biển ((1) Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên, (2) Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên) cho phù hợp với thực tại địa phương.</p> <p>Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thười kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu quy hoạch của ngành nông nghiệp cũng như các ngành khác có liên quan để thực hiện phân vùng các khu vực biển (và cả vùng</p>		<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu. Trong quá trình lập quy hoạch, các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan (đã được phê duyệt và dự thảo) đều đã được thu thập, nghiên cứu để lập quy hoạch, đảm bảo sự phù hợp</p>

	đất liền) nhằm tránh chồng chéo với Quy hoạch của các ngành.		
<b>IX</b>	<b>Bản đồ</b>		
1	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ phương án phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các địa phương có biển theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” (Dự án 513) và danh mục các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và một số đối tượng địa lý khác trên vùng biển Việt Nam để lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.	Bộ Nội vụ	Đã tiếp thu và giải trình vì Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ là quyết định phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” mà không phải là quyết định phê duyệt Kết quả thực hiện của dự án nêu trên. Do vậy, kết quả phân định ranh giới trên bản đồ của dự án nêu trên chỉ có tính chất tham khảo, không đủ cơ sở pháp lý để thực hiện phân định ranh giới giữa các tỉnh
2	Đối với các sản phẩm của Quy hoạch cần bổ sung hệ thống các bản đồ với tỷ lệ phù hợp để thể hiện các nội dung quy hoạch lên bản đồ theo từng vùng và các lớp bản đồ, trong đó xác định cụ thể ranh giới, tọa độ định vị từng khu vực, để thuận tiện trong quản lý, cập nhật trong các QHXD cũng như đồng bộ với các quy hoạch khác.	Quảng Ninh	Đã tiếp thu để xem xét. Bản đồ quy hoạch và các bản đồ chuyên đề đã được thực hiện theo đúng quy định của Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tỷ lệ là 1:100.000. Các bản đồ trình bày trong các báo cáo chỉ là hình ảnh mang tính minh họa

3	<p>Hệ thống bản đồ dự thảo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đối với nội dung Hệ thống bản đồ đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung theo các nội dung góp ý đã trình bày đối với Báo cáo tổng hợp. Bên cạnh đó, vị trí khu kinh tế Nhơn Hội trong Hệ thống bản đồ dự thảo Quy hoạch không đúng vị trí nên đề nghị xem xét chỉnh sửa cho chính xác.</p>	Bình Định	Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa
<b>X</b>	<b>Các ý kiến khác</b>		
1	<p>Về cơ sở dữ liệu tài nguyên vùng bờ hiện đang có lưu giữ tại các bộ ngành liên quan, đề nghị cần được thu thập, lưu giữ, quản lý và xây dựng thành cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối liên thông bằng cách số hóa. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thêm dữ liệu về năng lực giao thông thủy từ các cảng sông lớn ra biển.</p> <p>Đề nghị nhấn mạnh cụ thể hơn nội dung quyền tiếp cận của người dân đối với các cơ sở dữ liệu trên</p>	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	<p>Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã thu thập dữ liệu của các ngành có liên quan.</p> <p>Việc thành lập CSDL đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng trong phạm vi nhiệm vụ khác và sẽ được khai thác khi Quy hoạch này được phê duyệt</p>
2	<p>Đề nghị căn cứ đặc điểm khác nhau về địa lý, địa chất của mỗi vùng ven bờ để lập quy hoạch khi xây dựng các khu du lịch, khu đô thị dân cư ven bờ, các khu vực sản xuất công nghiệp như nhà máy đóng tàu, sửa chữa tàu, phát triển điện gió,...</p>		Hoạt động xây dựng công trình ven biển được định hướng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch các ngành.
3	<p>Đề nghị có các nghiên cứu khoa học về dự báo, kịch bản, mô phỏng, ảnh hưởng của biến đổi khí</p>		Các nghiên cứu này được Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện và đã được sử dụng

	hậu, nước biển dâng cho các vùng ven bờ có nguy cơ cao một cách thường xuyên		trong Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngoài ra trong các hoạt động ưu tiên để thực hiện Quy hoạch này đã đề xuất nhiệm vụ số 9: Dự án tăng cường năng lực và trang thiết bị dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
4	Các mục có tiêu đề “Hợp tác quốc tế và quốc phòng, an ninh” trong Quyết định, Tờ trình, Báo cáo tóm tắt và Báo cáo Tổng hợp, đề nghị chính sửa thành: “Về quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế”.	Bộ Quốc phòng	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 388 Báo cáo tổng hợp, trang 72-73 Báo cáo tóm tắt, trang 19-20 Dự thảo tờ trình, trang 14-15 Dự thảo quyết định TTgCP
5	Tại điểm c khoản 2 Phần II Tờ trình (trang 5), khổ thứ nhất “Đối với quốc phòng, an ninh, ...” đề nghị viết lại là: “Đối với quốc phòng, an ninh xem xét đưa vào quy hoạch các khu vực do các cơ quan, đơn vị Quân đội quản lý, chỉ sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, cấm tuyệt đối các hoạt động dân sự, khu vực ưu tiên cao cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng do các cơ quan, đơn vị Quân đội quản lý, có thể kết hợp phát triển kinh tế, phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; khu vực ưu tiên cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được giao để kết hợp phát triển kinh tế, phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, sẵn sàng huy động sử dụng cho mục đích quốc phòng khi cần thiết”. Đề nghị điều		Đã tiếp thu, chỉnh sửa

	chỉnh, bổ sung nội dung này vào dự thảo Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng hợp.		
6	Tại điểm 4.4 khoản 4 Phần V Báo cáo Tổng hợp 9 trang 302), đề nghị bổ sung cụm từ “Phòng thủ dân sự” sau cụm từ “Phòng thủ quân sự” và viết lại thành “Phòng thủ quân sự, Phòng thủ dân sự” để đảm bảo đầy đủ các vấn đề an ninh phi truyền thống; nhiệm vụ ứng phó sự cố, thảm họa và hoạt động tìm kiếm cứu nạn.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 307 Báo cáo tổng hợp, trang 46 Báo cáo tóm tắt, trang 32 Dự thảo tờ trình.
7	Tại điểm 6.2 khoản 6 Phần V Báo cáo tổng hợp (trang 375), đề nghị bổ sung thêm cụm từ “Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” sau cụm từ “...gây ra” và viết lại thành “Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, dự báo, cảnh báo thiên tai và các tác động do biến đổi khí hậu gây ra. Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội gắn với nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 384 Báo cáo tổng hợp, trang 69 Báo cáo tóm tắt, trang 16 Dự thảo tờ trình, trang 11 Dự thảo quyết định TTgCP
8	Tại mục 3, Phần III, dự thảo báo cáo tóm tắt quy hoạch ( <i>thực trạng công tác quy hoạch liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ</i>	Bộ Công an	Đã tiếp thu, rà soát. Đến nay, hầu hết các ngành kinh tế biển đều đã có quy hoạch ở thời kỳ trước và đang đồng thời lập quy

	<i>môi trường vùng bờ</i> ), đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung đánh giá chi tiết thực trạng của công tác quy hoạch các ngành kinh tế biển, trong đó nêu rõ ngành nào đã có quy hoạch, chất lượng quy hoạch...		hoạch cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong quá trình lập quy hoạch này, dự thảo quy hoạch của các ngành kinh tế biển đã được tập hợp, xem xét để tích hợp vào quy hoạch này. Những tồn tại, hạn chế của quy hoạch này cũng là những hạn chế tồn tại của các quy hoạch ngành quốc gia đã được trình bày trong Dự thảo tờ trình về những tồn tại, hạn chế
9	Đối với hệ thống cảng biển, đề nghị nghiên cứu bổ sung quỹ đất an ninh để bố trí trụ sở làm việc cho lực lượng bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các khu bến, cảng biển với diện tích tối thiểu là 2,5ha cho mỗi khu bến, cảng biển ( <i>Theo quyết định số 7978/QĐ-BCN-H02 ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành quy định về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân</i> ).		Đã tiếp thu để rà soát. Tuy nhiên, quỹ đất an ninh để bố trí trụ sở làm việc cho lực lượng bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các khu bến, cảng biển được thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cấp tỉnh. Quy hoạch này chỉ đưa ra các định hướng phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực nhằm giảm thiểu các tác động từ đất liền xuống biển
10	Về khuôn khổ pháp luật về vùng bờ (Phần III.2, trang 241), đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đề nghị rà soát và liệt kê các Hiệp định vùng nước lịch sử với Campuchia năm 1982 và Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc năm 2000; các điều ước quốc tế về biển quan trọng mà Việt Nam là thành viên liên quan đến quản lý vùng bờ, như Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982; Công ước quốc	Bộ Ngoại giao	Đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung tại trang 244 Báo cáo tổng hợp

	<p>tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển năm 1973/1978; Công ước về Đa dạng sinh học năm 1992; Hiệp định về các biện pháp của Quốc gia cảng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc, ... Hiện nay, ta đã ký 04 hiệp định phân định và 01 thỏa thuận hợp tác (đã được nêu tại Công văn số 2713/BNG-UBBG ngày 05/7/2022 gửi Quý Bộ)</p>		
11	<p>Đối với phụ lục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên kèm theo Dự thảo quyết định Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát để sử dụng sản phẩm của các dự án, đề án... được cấp có thẩm quyền phê duyệt phục vụ cho công tác lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tiết kiệm chi phí ngân sách nhà nước. Trong đó: Thực hiện Dự án 513, Bộ Nội vụ đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án phân định ranh giới quản lý hành chính giữa 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển. Theo đó, đề nghị sử dụng sản phẩm của Dự án này để thực hiện nhiệm vụ phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh. Bộ Tài nguyên và Môi trường đang được giao nhiệm vụ ban hành Thông tư về thống nhất tên gọi bằng tiếng Việt các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và một số đối tượng địa</p>	Bộ Nội vụ	Đã tiếp thu, bổ sung

	lý khác trên vùng biển Việt Nam. Theo đó, đề nghị sử dụng tập danh mục này để thực hiện nhiệm vụ lập danh mục phân loại hải đảo.		
12	Hồ sơ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến đã cơ bản đầy đủ thành phần theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Tuy nhiên, Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, tầm nhìn đến năm 2045, trong khi đó tầm nhìn Quy hoạch này đến năm 2050 là có sự khác nhau về thời hạn của Quy hoạch. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, thuyết minh rõ căn cứ pháp lý, các nội dung thay đổi so với Nhiệm vụ lập quy hoạch để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	Đã tiếp, chỉnh sửa thành: “Tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ
13	Đối với các hồ sơ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của		Đã nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung

	Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 25 Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		theo yêu cầu tại Điều 25 Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
14	Nội dung Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đối với các nội dung chi tiết khác của hồ sơ Quy hoạch là những vấn đề chuyên môn sâu mang tính kỹ thuật, chuyên ngành; không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp, tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong quy hoạch, đảm bảo sự liên kết tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và sự phù hợp của Quy hoạch ngành quốc gia với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.		Đã tiếp thu. Trong quá trình lập quy hoạch, đã tham khảo, lấy ý kiến chuyên gia và các nhà quản lý từ các Bộ, ngành liên quan và địa phương có biển để đảm bảo sự phù hợp giữa các quy hoạch
15	Về sự cần thiết lập quy hoạch:	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sự phù hợp giữa quy hoạch vùng bờ với các quy hoạch cấp quốc gia, các nghị quyết,

	<p>Bổ sung đánh giá sự phù hợp giữa quy hoạch vùng bờ với các quy hoạch cấp quốc gia, các nghị quyết, chiến lược phát triển đất nước hiện nay;</p> <p>Bổ sung thực trạng quản lý, sử dụng tài nguyên vùng bờ, từ đó phân tích, đánh giá tầm quan trọng, sự cần thiết và ý nghĩa của quy hoạch vùng bờ.</p>		<p>chiến lược phát triển đất nước là yêu cầu, đã được đề cập đến nhiều trong báo cáo; tuy nhiên, quy hoạch vùng bờ đang được lập nên không đặt ra việc phải đánh giá sự phù hợp của nó với các quy hoạch cấp quốc gia, các nghị quyết, chiến lược phát triển đất nước nói trên.</p> <p>Mục Sự cần thiết lập quy hoạch chỉ nêu ngắn gọn lý do của việc lập quy hoạch này nên không đi sâu vào thực trạng quản lý, sử dụng tài nguyên vùng bờ, được đề cập rất chi tiết tại phần I và II. Tuy vậy trong mục Sự cần thiết lập quy hoạch cũng đã nhắc tới nhu cầu hoàn thiện quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường vùng bờ: “Những bất cập từ sự thiếu phối hợp cần thiết giữa các ngành và các bên liên quan trong lập, triển khai quy hoạch, kế hoạch hiện nay đã đặt ra yêu cầu hoàn thiện các công cụ, mô hình quản lý vùng bờ cả về lý luận và thực tiễn”</p>
16	<p>Về điều kiện tự nhiên, công tác điều tra, khảo sát thăm dò và hiện trạng, sử dụng tài nguyên vùng bờ:</p> <p>Đề nghị sửa lại nội dung tiêu đề thành “Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục III Nghị định số 37/2019/ NĐ-CP ngày 07/5/2019</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt.</p>

	<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP).</p>		
17	<p>Về công tác điều tra, khảo sát, thăm dò các dạng tài nguyên vùng bờ:</p> <p>Báo cáo quy hoạch vùng bờ dẫn chiếu các kết quả của Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên, môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Tuy nhiên, chỉ một số đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Đề án, Chương trình trên thuộc phạm vi vùng bờ. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo trích dẫn kết quả của dự án, nhiệm vụ, dữ liệu công tác điều tra, khảo sát, thăm dò các dạng tài nguyên của đề án, dự án, chương trình nằm trong phạm vi Quy hoạch vùng bờ.</p> <p>Theo báo cáo, phạm vi quy hoạch bao gồm vùng đất ven biển là các xã, phường, thị trấn giáp biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung điều tra, khảo sát các dạng tài nguyên tại các xã, phường, thị trấn giáp biển thuộc 28 tỉnh, thành phố có biển.</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt.</p>
18	<p>Về sự cố môi trường:</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm các nội dung về sự cố môi trường khác (<i>Các loại hình ô nhiễm trong khu công nghiệp, ô nhiễm nguồn nước từ nội địa xả ra biển...</i>) ngoài sự cố về tràn dầu đã được nêu trong báo cáo.</p>		<p>Đã chỉnh sửa, bổ sung tại mục 1.3.5. Sự cố môi trường thuộc mục 1.3. Môi trường vùng bờ trong Phần I</p>

19	<p>Về cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ:          Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ cần được xây dựng, hoàn thiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, sau khi được hoàn thành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với Hồ sơ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 sẽ cung cấp, cập nhật và hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại điều 41 của Luật Quy hoạch và Chương V của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>		<p>Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng không nằm trọng nhiệm vụ lập Quy hoạch này; do đó không được đề cập trong báo cáo.</p>
20	<p>Về yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển:          Bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng công tác bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển tại các địa phương, đặc biệt tại các địa phương có công trình xây dựng sát biển phục vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản gần bờ.</p>		<p>Đã chỉnh sửa, hoàn thiện các mục 4. Yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển và 5. Hành lang bảo vệ bờ biển của Phần I</p>
21	<p>Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung “phân tích, đánh giá các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” theo quy định tại điểm e khoản 1 mục I phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>		<p>Nội dung “phân tích, đánh giá các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” đã được đề cập theo quy định tại điểm e khoản 1 mục I phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP trong một số phần liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ và tập trung vào một số mục, như: 3.3. Nguyên tắc xử lý</p>

			chồng lẩn, mâu thuẫn, xung đột sử dụng và 4.2.1. Xử lý chồng lẩn.
22	<p>Về xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ:</p> <p>Đề nghị bổ sung xu thế biến động chất thải rắn, rác thải nhựa đại dương nhằm làm rõ tác động tiêu cực của chất thải đến tài nguyên và môi trường vùng bờ.</p>		<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào báo cáo ở phần xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ Tuy nhiên, trong mục tiêu cụ thể của báo cáo Quy hoạch đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa ở vùng bờ được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%.</p>
23	<p>Về dự báo tiến bộ khoa học công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ:</p> <p>Đề nghị rà soát bổ sung nội dung “phân tích, dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển” theo quy định tại điểm b khoản 4 mục I Phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p> <p>Đề nghị rà soát bổ sung nội dung “Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái môi trường vùng bờ do khai thác, sử dụng tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các rủi ro thiên tai khác, sử dụng tài nguyên” theo quy định tại điểm b, c khoản 7 mục I phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung “đề xuất các giải pháp về khoa học, công nghệ, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu của việc khai thác tài nguyên</p>		<p>Đã rà soát, chỉnh sửa Mục 2. Dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển; phân tích lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ với 4 nội dung cụ thể: 2.1 Bối cảnh phát triển; 2.2. Kịch bản phát triển; 2.3. Lợi thế cạnh tranh; 2.4. Các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; 2.5. Những khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế ven biển Việt Nam</p> <p>Đã rà soát, bổ sung nội dung Mục 5.1. Ngăn ngừa nguy cơ suy thoái tài nguyên, môi trường vùng bờ do khai thác, sử dụng tài nguyên và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu thuộc Mục 5. Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, (Phần IV).</p>

	đến môi trường vùng bờ” theo quy định tại điểm d khoản 6 mục I phụ lục III Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		
24	Về kinh phí thực hiện Quy hoạch: Nội dung này Bộ Tài chính đã có ý kiến tại văn bản số 2345/BTC-ĐT ngày 10/3/2022. Đề nghị Bộ TN&MT bổ sung nội dung dự kiến kinh phí thực hiện Quy hoạch theo từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương; vốn xã hội hóa,...) và phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn quy hoạch cụ thể làm căn cứ để bố trí và huy động vốn đảm bảo tính khả thi.	Bộ Tài chính	Sau khi Quy hoạch này được phê duyệt Bộ TN&MT sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Bộ TN&MT đề nghị khi đó các hoạt động đề xuất sẽ được thể hiện cụ thể hơn kèm theo kinh phí dự kiến cho mỗi hoạt động và cho cả Kế hoạch
25	Về danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Dự thảo Quy hoạch mới chỉ dừng lại ở việc định hướng các dự án đầu tư và đưa ra các tiêu chí để xác định dự án ưu tiên đầu tư mà chưa xây dựng danh mục dự án cụ thể. Do đó, trên cơ sở các tiêu chí đánh giá, lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên, Quy hoạch cần đề xuất danh mục các dự án cụ thể gắn với thứ tự ưu tiên và phân kỳ đầu tư thực hiện làm cơ sở để bố trí vốn để đảm bảo tính khả thi trong triển khai		Sau khi Quy hoạch này được phê duyệt Bộ TN&MT sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Bộ TN&MT đề nghị khi đó các hoạt động đề xuất sẽ được thể hiện cụ thể hơn kèm theo kinh phí dự kiến cho mỗi hoạt động và cho cả Kế hoạch
26	Về Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đề nghị làm rõ lý do, sự cần thiết của Quy hoạch với các nội dung và giải pháp chính của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII	Bộ Xây dựng	Đã tiếp thu, nghiên cứu. Nghị quyết số 36-NQ/TW là văn bản định hướng cho phát triển các ngành kinh tế biển và cũng là căn cứ pháp lý quan trọng, định hướng để lập quy hoạch này. Nội dung quy hoạch đã bám sát chủ trương, định hướng và cụ thể hoá các mục tiêu của Nghị quyết. Nội dung, giải

	về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.		pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW mang tính tổng thể, định hướng và chủ yếu tập trung vào phát triển bền vững kinh tế biển, còn nội dung, giải pháp của quy hoạch tập trung vào triển khai thực hiện quy hoạch trên thực tế sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
27	Cần phân tích, đánh giá rõ hơn về hiện trạng những vấn đề đã đạt được và những tồn tại cần khắc phục và những thách thức trong giai đoạn tiếp theo		Đã tiếp thu và trình bày trong các nội dung về hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; thực trạng về thể chế, chính sách quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ
28	Đề nghị bổ sung nội dung phân tích các ảnh hưởng của tác động biến đổi khí hậu với phạm vi quy hoạch để thống nhất với các chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển đô thị bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.		Đã tiếp thu, bổ sung và trình bày trong mục: “Tác động của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ”
29	Đề nghị bổ sung thực trạng công tác quy hoạch đô thị và nông thôn trong phần III.3 Thực trạng công tác quy hoạch liên quan đến việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Trong đó, bổ sung nghiên cứu về định hướng về phát triển đô thị tại các vùng đất ven biển đảm bảo yếu tố phát triển kinh tế xã hội gắn với an ninh quốc phòng và phù hợp với hệ thống Quy hoạch đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đang được tổ chức lập theo nhiệm vụ lập quy hoạch		Đã tiếp thu, bổ sung và trình bày trong mục: “5.1. Đối với vùng đất ven biển trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt”

	được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020.		
30	Trên cơ sở phân tích ảnh hưởng ngày càng nặng nề của thiên tai, biến đổi khí hậu thì những công tác quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ cần tập trung những vấn đề gì ?		Đã tiếp thu và giải trình như sau: Một trong các mục tiêu cụ thể của Quy hoạch là “Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; hoàn chỉnh hệ thống đê, kè và các hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng ven biển nhằm tăng khả năng chống chịu, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng”. Nhu cầu ứng phó BĐKH cũng được trình bày trong định hướng và giải pháp thực hiện quy hoạch. Tuy vậy, quy hoạch này không tập trung quá cụ thể, chi tiết vào giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu
31	Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng 4.0 hiện nay thì công tác quản lý tài nguyên vùng bờ sẽ tiếp cận thế nào và tương lai cần phát triển những vấn đề gì để đáp ứng việc sử dụng công nghệ, tự động hóa trong công tác quản lý nhà nước.		Đã tiếp thu và giải trình như sau: “Công nghệ tiên tiến, tự động hóa được đề xuất áp dụng để phát triển các ngành kinh tế trụ cột như công nghiệp, cảng biển và dịch vụ vận tải - logistics, du lịch trong phần phân vùng các vùng đất ven biển. Trong phần giải pháp thực hiện quy hoạch, dự thảo đã đưa ra một số giải pháp có liên quan đến việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.
32	Về Dự thảo tờ trình về Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ sở thực tiễn: Bổ sung về quy hoạch xây dựng, đặc biệt là		Đã tiếp thu, bổ sung. Tuy nhiên, trong phần Cơ sở thực tiễn của dự thảo Quy hoạch đã trình bày: “Quy hoạch được xây dựng dựa trên các kết quả phân tích, đánh giá về điều

	kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các dân cư vùng ven biển.		kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội, thể chế, chính sách về khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ...”. Trong đó, có xem xét đến quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các dân cư vùng ven biển
33	Số liệu về đô thị, phát triển du lịch biển, biển đảo đề nghị cập nhật bổ sung số liệu đến năm 2020.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa, cập nhật
34	Bổ sung dự trù kinh phí cho các giai đoạn thực hiện Quy hoạch và kế hoạch huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch, đặc biệt là nguồn kinh phí thực hiện Quy hoạch trong giai đoạn 2021-2025		Đã tiếp thu và giải trình: vì không thể dự trù được lượng kinh phí để thực hiện quy hoạch mà sẽ xác định trong quá trình thực hiện quy hoạch trên cơ sở lập dự toán chi tiết đối với từng chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đề xuất
35	Về Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Cần xem xét mục tiêu cụ thể đến năm 2030: 100% các khu bảo tồn biển không còn rác thải nhựa trong phạm vi vùng bờ, 100% chất thải nguy hại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa ở vùng bờ thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và đô thị ở vùng bờ có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường. Các mục tiêu đặt ra là rất tốt, tuy nhiên cần cân nhắc so với khả năng đáp ứng về nguồn lực để thực hiện đạt mục tiêu này.		Đã tiếp thu và giải trình, các mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch để đảm bảo phù hợp với mục tiêu đã đề ra của Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 mà Bộ TN&MT đang trình Chính phủ phê duyệt

36	<p>Phạm vi của Quy hoạch bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển. Trong đó, vùng biển ven bờ có khoáng sản là dầu khí đang được khai thác; khoáng sản khác đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường điều tra, đánh giá, chưa khai thác. Vùng đất ven biển (bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển) có đa dạng nhiều loại khoáng sản, nhiều mỏ khoáng sản quan trọng đã được điều tra, đánh giá, thăm dò và huy động vào khai thác, chế biến và sử dụng tại các Quy hoạch các loại khoáng sản, Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng và Quy hoạch năng lượng, đề nghị cơ quan soạn thảo cập nhật, bổ sung đầy đủ khi tích hợp vào Quy hoạch này</p>	<p>Bộ Công Thương</p>	<p>Đã tiếp thu đề rà soát. Tuy nhiên, trong phạm vi 06 hải lý tính từ đường bờ trở ra biển, không có hoạt động khai thác dầu khí. Quy hoạch này không phân vùng cho khai thác, khoáng sản mà chỉ đưa ra định hướng tiếp tục điều tra cơ bản tài nguyên biển trong phạm vi quy hoạch, trong đó có các khoáng sản biển.</p>
37	<p>Tại Báo cáo quy hoạch (1.3 Tài nguyên phi sinh vật, trang 9) có xác định “trên 300 mỏ và điểm quặng, điểm khoáng có hóa sắt, trên 59 mỏ điểm quặng titan. Trữ lượng titan -ilementit (bao gồm cả zircon, monazite...) khoảng 600 triệu tấn, trữ lượng cát thủy tinh của 13 mỏ đã được thăm dò khoảng 144 triệu m<sup>3</sup>”, đề nghị bổ sung số liệu thống kê cụ thể những mỏ/điểm quặng thuộc ranh giới tài nguyên khoáng sản vùng bờ.</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và cập nhật thông tin, dữ liệu</p>
38	<p>Đề nghị liệt kê rõ danh mục các vùng biển ven bờ cấm khai thác, sử dụng tài nguyên và hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên do đây là các khu vực quan trọng, liên quan trực tiếp tới định hướng</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Phụ lục về danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên trong Báo cáo</p>

	phân vùng môi trường được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Đồng thời, cần rà soát và đánh giá sự tương quan giữa các vùng này với các phân vùng môi trường quốc gia đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng.		tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
39	Các nội dung liên quan đến khoáng sản được trình bày trong Báo cáo tóm tắt Quy hoạch khá sơ lược, chưa đầy đủ thực trạng tài nguyên, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vùng bờ, chưa thể hiện sự tích hợp và điều chỉnh các Quy hoạch ngành khoáng sản (Quy hoạch năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045 chưa trình Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch khoáng sản là vật liệu xây dựng được Bộ Xây dựng triển khai xây dựng). Đề nghị nghiên cứu, bổ sung và làm rõ những nội dung này.		<p>Đã tiếp thu và bổ sung. Trong quá trình lập quy hoạch đã tập hợp và xem xét các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đặc biệt là dự thảo Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Trên cơ sở tích hợp hai quy hoạch nêu trên, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đưa ra một số định hướng và chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện trong quy hoạch này là phân vùng sử dụng cho phát triển điện gió và tiếp tục đẩy mạnh điều tra cơ bản tài nguyên biển trong phạm vi quy hoạch.</p>
40	Thay thế một số thuật ngữ sử dụng trong Quy hoạch: “nguồn lợi hải sản” thay bằng “nguồn lợi thủy sản”; “bãi giống, bãi đẻ, bãi con non, bãi ương dưỡng các loài thủy sản” thay bằng “khu vực	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Đã tiếp thu và sửa chữa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình và Dự thảo Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ

	tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống”; “đánh bắt hải sản” thay bằng “khai thác thủy sản”; “nuôi trồng thủy, hải sản” thay bằng “nuôi trồng thủy sản” (theo quy định tại Luật Thủy sản 2017); thống nhất thuật ngữ nuôi trồng thủy sản ven bờ trong toàn bộ văn bản.		
41	Rà soát trích dẫn hình, bảng phù hợp với nội dung phân tích tại báo cáo Quy hoạch.		Đã tiếp thu và rà soát trích dẫn hình, bảng.
42	Đối với tình hình thiên tai tại điểm 1.1.4, mục 1 (trang 22): bổ sung, cập nhật số liệu bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) ảnh hưởng đến vùng biển và ven bờ Việt Nam, nhất là những năm xuất hiện bão mạnh, siêu bão và số lượng bão, ATNĐ kỷ lục (năm 2017 với 16 cơn bão và 06 ATNĐ, trong đó 03 cơn bão có rủi ro thiên tai cấp độ 4);		Đã tiếp thu và bổ sung tại trang 23 trong Báo cáo tổng hợp
43	Bổ sung, cập nhật loại hình thiên tai gió mạnh trên biển ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ		Gió mạnh, thường phát sinh trong bão, áp thấp nhiệt đới, giông lốc, đã được đề cập trong mục 1.1.3. Khí hậu và 1.1.4. Thiên tai
44	Mục 6.3 (trang 72): bổ sung nội dung phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành nông, lâm, diêm nghiệp theo quy định tại điểm e, khoản 1, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		Quy hoạch chú trọng quan tâm đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng bờ, có hoặc tiềm ẩn mâu thuẫn, xung đột với nhau và với môi trường tự nhiên. Đối với ngành nông – lâm – thủy sản thì khai thác, nuôi trồng thủy sản là đối tượng quan tâm của quy hoạch.

45	Mục 7.3 (trang 110): bổ sung nội dung dự báo nhu cầu, triển vọng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đối với lĩnh vực lâm nghiệp		Quy hoạch chú trọng quan tâm đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng bờ, có hoặc tiềm ẩn mâu thuẫn, xung đột với nhau và với môi trường tự nhiên. Đối với ngành nông – lâm – thủy sản thì khai thác, nuôi trồng thủy sản là đối tượng quan tâm của quy hoạch.
46	<p>Đối với tác động của việc khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ (mục 1, trang 124): bổ sung phân tích, đánh giá tác động của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ ảnh hưởng đến ổn định đường bờ biển, khu vực cửa sông thuộc phạm vi quy hoạch; bổ sung thông tin về lâm nghiệp, diêm nghiệp.</p> <p>- Điểm a, mục 1.3 (trang 136): bổ sung số liệu tác động đối với sự thay đổi diện tích nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Điểm c, mục 1.3 (trang 139): bổ sung nội dung tác động tới hệ sinh thái rừng ngập mặn.- Đối với nội dung “tác động của xói lở bờ biển đến tài nguyên và các hoạt động ở vùng bờ” (tại điểm 4.4, mục 4, trang 183): bổ sung, cập nhật số liệu về xói lở bờ biển đến năm 2022 (dự thảo báo cáo mới đề cập số liệu đến năm 2018).</p> <p>- Nội dung đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến phát triển kinh tế-xã hội; quốc phòng, an ninh; môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; phòng, chống thiên</p>		<p>Sự ổn định của bờ biển, đặc biệt là xói lở bờ biển được phân tích dựa trên thông tin, dữ liệu thu thập được và các tính toán liên quan có được đến nay ở quy mô quốc gia và mang tính thường xuyên.</p> <p>Quy hoạch chú trọng quan tâm đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng bờ, có hoặc tiềm ẩn mâu thuẫn, xung đột với nhau và với môi trường tự nhiên. Đối với ngành nông – lâm – thủy sản thì khai thác, nuôi trồng thủy sản là đối tượng quan tâm của quy hoạch, không đi sâu và hoạt động lâm nghiệp, diêm nghiệp.</p> <p>Các tác động được xem xét chủ yếu để đánh giá các bất cập trong sử dụng không gian và tài nguyên vùng bờ về tổng thể, nhằm tìm ra những yêu cầu chính phục vụ quy hoạch tổng thể cấp quốc gia, không đi vào chi tiết đối với mỗi một đối tượng, yếu tố.</p>

	<p>tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng theo quy định tại điểm a, khoản 2, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đề nghị nêu rõ tác động tích cực, tiêu cực đối với từng lĩnh vực và bổ sung số liệu chứng minh cho những đánh giá đó.</p>		
47	<p>- Đối với nội dung “dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ” và “phân tích lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” đề nghị phân tích cụ thể từng lĩnh vực theo 06 lĩnh vực được dự báo nhu cầu, triển vọng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (mục 7, Phần I).</p>		<p>Quy hoạch này quan tâm đến việc khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ trong mối tương tác giữa các ngành, các bên ở mức độ tổng thể, không đi sâu vào từng lĩnh vực, từng ngành cụ thể. Do đó, khi đề cập đến tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ, chỉ đưa ra những tác động chính và chung, mang tính định tính. Bên cạnh đó, thông tin, dữ liệu đánh giá khía cạnh này của các ngành, các lĩnh vực hầu như còn thiếu. Tương tự, lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ cũng chỉ phân tích ở mức độ chung, tổng thể, thể hiện ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế, biến đổi khí hậu và những vấn đề môi trường xuyên biên giới đối với hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ trong một số lĩnh vực quan trọng như du lịch, hàng hải, khai thác khoáng sản và thủy sản.</p>

48	<p>Nội dung “phân tích, dự báo tác động của phát triển kinh tế-xã hội tới hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ” (mục 2, trang 274): đề nghị rà soát, làm rõ dự báo tác động của phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2021-2030 tới khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.</p>		<p>Phát triển kinh tế xã hội được đề cập trong Quy hoạch này tập trung vào các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ. Do đó, việc dự báo tác động của phát triển kinh tế xã hội tới khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ không cần phân tích chi tiết. Những ý chính đã được đề cập đến ở Mục 3. Dự báo tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ của Phần IV.</p>
49	<p>Phần III “Chủ trương, định hướng phát triển kinh tế, xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường - Bổ sung cụm từ “và các quy hoạch có liên quan” để phù hợp với nội dung và quy định tại khoản 3, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung vào tên của Phần III trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt</p>
50	<p>Rà soát, điều chỉnh nội dung tại mục 1.2.3 (trang 214) và mục 1.2.8 (trang 229) phù hợp với yêu cầu tại điểm a, khoản 3, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>		<p>Các phân tích đánh giá không đi sâu vào từng ngành mà tập trung vào khía cạnh khai thác, sử dụng tài nguyên về mặt không gian vùng ven bờ, nhằm giải quyết các bất cập về mặt sử dụng không gian, đảm bảo phát triển bền vững.</p>
51	<p>Thuật ngữ “phát triển nghề hải sản” (trang 232) đề nghị đổi thành “phát triển ngành thủy sản” và bổ sung nội dung phân tích, đánh giá thực trạng về thể chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng tài</p>		<p>Các phân tích đánh giá không đi sâu vào từng ngành mà tập trung vào khía cạnh khai thác, sử dụng tài nguyên về mặt không gian vùng ven bờ, nhằm giải quyết các bất cập về</p>

	nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ đối với phát triển ngành thủy sản, bao gồm: bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, khu dịch vụ hậu cần cho tàu cá.		mặt sử dụng không gian, đảm bảo phát triển bền vững.
52	Mục 2.3 (trang 241): bổ sung nội dung phân tích hiệu quả, sự phù hợp của hiện trạng tổ chức bộ máy đối với quản lý tài nguyên vùng bờ.		Đã tiếp thu và bổ sung phần Đánh giá chung trang 251-252 trong Báo cáo tổng hợp và trang 31 trong Báo cáo tóm tắt
53	Mục 3.4.1 (trang 256): bổ sung nội dung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch ngành thủy sản liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.		Các phân tích đánh giá không đi sâu vào từng ngành mà tập trung vào khía cạnh khai thác, sử dụng tài nguyên về mặt không gian vùng ven bờ, nhằm giải quyết các bất cập về mặt sử dụng không gian, đảm bảo phát triển bền vững.
54	Phần IV “Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế-xã hội tác động tới việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.Bổ sung cụm từ “trong thời kỳ quy hoạch” để phù hợp với quy định tại khoản 4, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		Đã tiếp thu, bổ sung vào tên của Phần IV trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt
55	Mục 1 (trang 265): đề nghị tách thành 02 mục tương ứng với quy định tại điểm a, điểm b, khoản 4, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		Đã tiếp thu và tách thành 2 mục tương ứng trong phần IV trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt
56	Bổ sung nội dung “phân tích, dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” theo quy định tại điểm		Đã tiếp thu và bổ sung nội dung “Dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển; phân tích lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong

	b, khoản 4, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” trong phần IV trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt
57	Đề nghị xem xét, quy định chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển tương thích với tiêu chí rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển và rừng phòng hộ chắn, chắn cát bay theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 7 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.		QH không đi cụ thể vào vấn đề hành lang bảo vệ bờ biển mà chỉ đưa ra mối quan tâm về nó trong giới mối quan hệ với các đối tượng, yếu tố khác tại vùng bờ để ngành TN&MT cũng như các ngành liên quan xem xét trong quá trình thiết lập và thực hiện
58	Bổ sung bản đồ khoanh vùng các khu vực cấm khai thác, khu vực hạn chế khai thác và khu vực khuyến khích khai thác.		Các khu vực cấm khai thác, khu vực hạn chế khai thác và khu vực khuyến khích khai thác đã được thể hiện trên các bản đồ về phân vùng. Do một số vùng nhỏ nên khó nhận diện trên các ảnh đưa vào trang A4 của báo cáo. Tuy nhiên khi trình chiếu có thể phóng to các hình pdf có độ phân giải cao để nhận diện chúng rõ hơn
59	Bổ sung nội dung “đề xuất các điều kiện cho phép khai thác và giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên vùng bờ”; “đề xuất các giải pháp về khoa học, công nghệ, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu của việc khai thác tài nguyên đến môi trường vùng bờ” theo quy định tại điểm d, điểm d, khoản 6, mục I, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.		Các điều kiện cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên trong các vùng hạn chế và khuyến khích khai thác được đề cập trong ma trận quy định sử dụng đối với các loại vùng; giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên vùng bờ và về khoa học, công nghệ, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu của việc khai thác tài nguyên đến môi trường vùng bờ được đề cập trong các mục 1.1 và 1.2 phần Giải pháp thực hiện quy hoạch.

60	Bổ sung “Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ” theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.		Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ” không còn cần thiết nữa theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường
61	Nội dung Quy hoạch được xác định theo Nghị quyết số 36-NQ/TW với 06 lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: (1) du lịch dịch vụ, (2) hàng hải, (3) dầu khí và tài nguyên khoáng sản, (4) nuôi trồng và khai thác hải sản, (5) công nghiệp ven biển, (6) năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; và 04 phân vùng, bao gồm: (1) vùng biển và ven biển phía bắc (các tỉnh từ Quảng Ninh đến Ninh Bình), (2) vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ (các tỉnh từ Thanh Hoá đến Bình Thuận), (3) vùng biển và ven biển Đông Nam Bộ (Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh), (4) vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ (Tiền Giang, Cà Mau, Kiên Giang), nên để bảo đảm tính đồng bộ của Quy hoạch đề nghị nội dung tại các Phần I, II, III được phân tích, đánh giá theo 06 lĩnh vực ở 04 vùng biển, ven biển.		Đồng ý với nhận xét và đã có những chỉnh sửa, bổ sung trong các phần I, II, II. Tuy nhiên, thông tin, dữ liệu và đánh giá của các ngành liên quan còn rất hạn chế về việc sử dụng tài nguyên theo không gian. Do đó một số loại hình khai thác, sử dụng vùng bờ khó thể hiện rõ về phân bố theo không gian cụ thể
62	- Báo cáo Quy hoạch cần phân tích, đánh giá chi tiết về hiện trạng mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ từ đó xác định được quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch thời kỳ		Trong các phần phân tích đánh giá hiện trạng, cũng như nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đã đề cập đến các mâu thuẫn, xung đột sử dụng; đặc biệt, trong

	2021-2030 giải quyết cơ bản các mâu thuẫn, chồng chéo.		phần phân vùng đã chỉ ra những khu vực chồng lấn giữa các vùng đã và dự kiến lập quy hoạch của các ngành. Trong mục tiêu có đề cập đến “phát triển bền vững vùng bờ”, “áp dụng cách tiếp cận quản lý tổng hợp”, trong đó đã bao hàm mục tiêu giải quyết mâu thuẫn, xung đột sử dụng tài nguyên hài hòa sự phát triển của các ngành.
63	- Bổ sung nội dung liên quan đến các vùng đất ngập nước ven biển, đặc biệt là các khu bảo tồn đất ngập nước ven biển, đó cũng là phần diện tích quan trọng góp phần tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia tại NQ số 36-NQ/TW năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương.		Đã bổ sung ý này vào trong nội dung phân vùng (đối với đất ven biển) như sau: b) Khuyến khích lấn biển tại một số vùng, khu vực thích hợp, không thuộc vùng hay khu vực cấm, hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để tăng không gian, quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố có biển nhưng không làm suy thoái, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, tính đa dạng sinh học, giá trị của hệ sinh thái và giá trị văn hóa - lịch sử tại vùng bờ. Song song, bảo vệ các vùng đất ngập nước ven biển quan trọng, đặc biệt là các khu bảo tồn đất ngập nước ven biển, góp phần đạt mục tiêu tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển
64	Về đặc điểm xã hội (trang 27): đề nghị bổ sung đánh giá về tình hình lực lượng lao động theo ngành/thành phần kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng với đánh giá về chuyển dịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đã tiếp thu và bổ sung vào mục a) Đặc điểm dân cư (đổi thành Đặc điểm dân số và lao động) của mục 1.1.2. Xã hội/1.1 Đặc điểm

	<p> cơ cấu kinh tế để trên cơ sở đó xác định nhu cầu đào tạo cũng như điều chỉnh cơ cấu đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển (2010-2020); bổ sung đánh giá về chất lượng và cơ cấu ngành nghề và trình độ nguồn nhân lực so với nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội của các địa phương, các vùng và cả nước.</p>		<p>kinh tế, xã hội, thuộc mục 1 phần I trong Báo cáo tổng hợp</p>
65	<p>Góp phần vào việc hoàn thành 17 chỉ tiêu đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030 quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ; theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững...;</p>	<p>Ủy ban Dân tộc</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát. Tuy nhiên, các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường đều hướng đến và góp phần vào phát triển bền vững nhưng không cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực theo 17 chỉ tiêu đề ra</p>
66	<p>Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần quan tâm, tích hợp các vấn đề sau: Hiện nay trên cả nước có 53 dân tộc thiểu số với hơn 14 triệu người chiếm khoảng 14,67% tổng dân số. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo 22,2% và hộ cận nghèo 13,2%. Vì vậy quy hoạch chung cần bổ sung đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu</p>		<p>Đã tiếp thu để xem xét, rà soát. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia và đảm bảo phù hợp với các định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển các ngành kinh tế biển</p>

	phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường		
67	Hiện nay các ngành, vùng và các tỉnh thành trên toàn quốc cũng đang trong quá trình lập quy hoạch, vì vậy đề nghị công tác lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần hoàn thành sớm để các ngành, vùng và các tỉnh thành làm căn cứ xây dựng quy hoạch		Đã tiếp thu để đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch. Tuy nhiên, trong bối cảnh các quy hoạch được lập đồng thời thì Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 cho phép: “Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”
68	Bổ sung Biểu so sánh tăng, giảm các chỉ tiêu quy hoạch 2021-2030 so với Quy hoạch giai đoạn cũ 2010-2020 (kèm theo thuyết minh, cơ sở tính toán) làm căn cứ đánh giá tính khả thi của đề xuất Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050		Đã tiếp thu, tuy nhiên, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 lần đầu tiên được lập ở Việt Nam, nên không có quy hoạch ở giai đoạn trước đánh giá so sánh
69	Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của dự thảo Quy hoạch, cụ thể như sau: “ <i>Các giá trị tự nhiên, sinh thái cần tăng cường bảo tồn ở đây bao gồm: Vườn quốc gia Bái Tử Long, Khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần, Khu bảo tồn đất ngập nước Đồng Rui - Tiên Yên, Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Cát Bà (Hải Phòng)...</i> ”	Quảng Ninh	Đã tiếp thu, rà soát. Nội dung này đã được trình bày trong khu vực cấm khai thác và hạn chế khai thác

70	<p>Tại Mục: Định hướng cho quốc phòng, an ninh đã đề cập: Với nhu cầu phát triển kinh tế biển, công tác quốc phòng, an ninh... Hiện các vùng kinh tế quốc phòng đang được quy hoạch, sẽ được cập nhật, giúp làm rõ hơn bức tranh sử dụng biển cho các mục đích này; Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dự thảo và thời gian tới sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định về kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh và an ninh với kinh tế - xã hội. Theo đó, khi thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các dự án lớn liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ có yếu tố nhạy cảm về an ninh, quốc phòng cần phải có ý kiến thẩm định của Bộ Công an. Do vậy, dự thảo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ cần phải được bổ sung định hướng này vào dự thảo Quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất, hoàn thiện của hệ thống chính sách pháp luật với Quy hoạch sau khi được phê duyệt.</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát. Các nội dung này thuộc dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia đã gửi xin ý kiến của tỉnh Quảng Ninh, không thuộc phạm vi, nội dung của Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
71	<p>Đối với di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long: Đề nghị bổ sung nội dung quản lý về di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long trong dự thảo quy hoạch, nguồn lực thực hiện quy hoạch và hiệu quả thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng</p>		<p>Quy hoạch này chỉ phân bổ, sắp xếp lại không gian vùng bờ cho các ngành đảm bảo khai thác hợp lý, hiệu quả các tài nguyên. Việc quản lý các di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long được thực hiện theo Luật Di sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan</p>

	bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050		
72	Đề nghị chuyển cụm từ “Công viên địa chất Hạ Long” thành Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long do vịnh Hạ Long không phải là “Công viên địa chất”		Đã tiếp thu, chỉnh sửa
73	Tại Mục: Phát triển cảng biển và hàng hải, đề nghị bổ sung nội dung ghi rõ: Phát triển hệ thống cảng biển theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2010-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021, với tổng nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 khoảng 33.600 ha và tổng nhu cầu sử dụng nước mặt khoảng 606.000 ha cụ thể như sau: (phần tiếp theo như trong dự thảo).		Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 105 Báo cáo Tổng hợp
74	Trang 66: Đối với nội dung về khoáng sản nhiên liệu: nội dung quy hoạch mới đề cập đến trữ lượng, cần xác định rõ trữ lượng khoáng sản nhiên liệu trong vùng quy hoạch là bao nhiêu để làm cơ sở quy hoạch. Đối với nội dung về khoáng chất công nghiệp: “Kaolin pirophilit trữ lượng khoảng 58 triệu tấn ở Quảng Ninh”, đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch, vì trữ lượng Kaolin pirophilit này nằm ở ngoài vùng bờ; đối với nội dung: “thạch anh tinh thể tập trung ở Hoàn Bồ, Quảng Ninh” đề nghị xác định cụ thể căn cứ, tài liệu để đưa ra nhận định này và rà soát lại vị trí có thuộc ranh giới Quy		Đã tiếp thu, rà soát và hiệu chỉnh

	hoạch vùng bờ không? Về trữ lượng và địa điểm phân bố, đồng thời sửa lại thông tin vì huyện Hoành Bồ hiện đã được sát nhập vào thành phố Hạ Long		
75	Các trang từ 259-262: Từ ranh giới quy hoạch vùng bờ, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành khai thác khoáng sản ven biển gồm: khai thác than, khoáng chất công nghiệp phù hợp với ranh giới quy hoạch; đồng thời bổ sung quy hoạch vùng khai thác cát trên biển đối với các mỏ cát khu vực Vân Đồn - Quảng Ninh		Đã tiếp thu, giải trình vì quy hoạch này chỉ tập trung phân bố, sắp xếp lại không gian đối với các vùng biển ven bờ trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia mà không thay thế các quy hoạch ngành quốc gia
76	Đề nghị bổ sung nội dung quy hoạch về phát triển năng lượng bền vững, thân thiện với môi trường (điện gió, năng lượng thủy triều...) trên vùng biển Cô Tô của tỉnh Quảng Ninh		Đã tiếp thu và đưa ra các định hướng phát triển trong các vùng sử dụng đa mục tiêu
77	Đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp: Một số khái niệm (trang x): Bổ sung khái niệm “Vùng bờ” theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015	Hải Phòng	Đã tiếp thu, xem xét. Tuy nhiên, vùng bờ đã được định nghĩa trong Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015 nên không đưa ra bất kì khái niệm nào khác với quy định của Luật
78	Tại tiêu mục 6.2. Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành hàng hải (trang 66): Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-TTg ngày 08/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về công bố danh mục cảng biển Việt Nam, đề nghị điều chỉnh nội dung về phân loại cảng biển theo quy mô, chức năng, bao gồm: 02 cảng loại đặc biệt (cảng biển		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 67 Báo cáo tổng hợp

	Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu), 11 cảng loại I, 7 cảng loại II, 14 cảng loại III.		
79	Tại tiểu mục b. Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành nông nghiệp (trang 112): Các dự báo chỉ mang tính định tính, chưa có con số định lượng do vậy cơ sở để hoạch định quy hoạch chưa chắc chắn; chưa đưa được bản đồ đề xuất các khu vực nuôi trồng và khai thác thủy sản vùng bờ.		Khu vực ưu tiên nuôi trồng hải sản đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch là loại Khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên. Ngoài ra trong bản đồ quy hoạch cũng chỉ rõ các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc loại Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để bảo vệ nguồn lợi thủy sản
80	Tại Bảng 3.8. Nhu cầu giá trị sản xuất công nghiệp vùng bờ (trang 117): Mục 1 trùng lặp với mục 4, 7; mục 5 trùng lặp với mục 8. Đề nghị lược bỏ nội dung bị trùng lặp. Trong bảng này, nên liệt kê tách riêng một số ngành công nghiệp ven biển đặc trưng như đóng mới và sửa chữa tàu biển, chế biến thủy sản, không nên để chung vào mục các dịch vụ khác.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Bảng 38 tại trang 121 Báo cáo tổng hợp
81	Tại tiểu mục d. Tác động đến kinh tế hàng hải (trang 129): Nội dung phân tích sơ sài, các lĩnh vực đề cập không tương thích với tiêu đề. Đề nghị viết lại nội dung này, tập trung chỉ rõ các tác động đến kinh tế hàng hải bao gồm các lĩnh vực vận tải biển, dịch vụ cảng biển, logistics, đóng mới và sửa chữa tàu biển...		Đã tiếp thu, bổ sung

82	Tại Bảng 50. Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển (trang 187-188): Đề nghị ghi rõ năm thống kê dữ liệu.		
83	Tại Hình 19. Quy mô dân số các xã ven biển (trang 205): Lỗi đồ thị, đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Hình 19 tại trang 210 Báo cáo tổng hợp
84	Đối với định hướng phát triển công nghiệp theo vùng ở vùng biển phía Bắc (trang 226): Đề nghị bổ sung phát triển ngành công nghiệp dệt may, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu tập trung ở Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định theo như định hướng trong Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 231-232 Báo cáo tổng hợp
85	Tại tiểu mục đ) Bộ máy quản lý nhà nước về môi trường được tổ chức phân cấp từ trung ương xuống địa phương (trang 244); tiểu mục a. Bộ máy quản lý tổng hợp biển (trang 247): Đề nghị cập nhật cơ cấu tổ chức hai lĩnh vực này ở cấp trung ương theo Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/11/2022.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa
86	Tại dòng 6-10 từ trên xuống (trang 247): Đề nghị cập nhật lại thông tin 25/28 tỉnh, thành phố ven		Đã tiếp thu, chỉnh sửa

	biển đã thành lập Chi cục Biển và Hải đảo phù hợp với thực tế hiện tại do nhiều tỉnh, thành phố ven biển đã chuyển Chi cục Biển và Hải đảo về Phòng trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.		
87	Tại mục b) Tổ chức chỉ đạo liên ngành (trang 247): Đề nghị chỉnh sửa tên gọi “Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Thực hiện Chương trình phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” thành “Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 252 Báo cáo tổng hợp
88	Tại dòng 1-15 từ dưới lên trang 296: Bổ sung thêm một số lớp thông tin, dữ liệu về các khu vực cấm (sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng); khu vực cần bảo tồn giá trị tự nhiên và sinh thái (bao gồm các di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn biển, hệ sinh thái nhạy cảm, rừng ngập mặn, vùng hạn chế gây ô nhiễm trên biển...) dùng để quy hoạch, phân vùng sử dụng vùng bờ.		Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, các thông tin về quốc phòng thuộc tài liệu bí mật nhà nước nên không được thể hiện rõ trong dự thảo quy hoạch này khi tham vấn, lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan
89	Tại Hình 24. Chồng lấn giữa vùng QS với khu bảo tồn biển Vịnh Hạ Long (trang 307): Hình vẽ bị ngược, đề nghị chỉnh sửa lại		Đã tiếp thu, chỉnh sửa
90	Đối với dự thảo Báo cáo tóm tắt: Một số khái niệm (trang ii): Đề nghị bổ sung khái niệm “Vùng bờ” theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015.		Đã tiếp thu, bổ sung

91	<p>Tại dòng 14 từ dưới lên trang 17: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ "...thông qua việc cấp hạn ngạch khai thác theo Luật Thủy sản 2017." thành "...thông qua việc cấp hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản trên biển theo Luật Thủy sản 2017."</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 116 Báo cáo tổng hợp và trang 15 Báo cáo tóm tắt</p>
92	<p>Tại dòng 4-6 từ dưới lên trang 36: Chỉnh sửa cụm từ "Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045" thành "Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050".</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 37 Báo cáo tóm tắt</p>
93	<p>Tại trang 40: Phương án tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ được đánh giá dựa trên mức tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, cả Phương án I và Phương án II đưa ra để lựa chọn đều có mức tăng trưởng không thống nhất với mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (tại dòng 3 từ dưới lên trang 40) là "tăng trưởng kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển đạt trên 7,5%/năm". Đề nghị làm rõ nội dung này, cập nhật vào báo cáo tổng hợp.</p>		<p>Phương án lựa chọn là Phương án II đã trình bày trong dự thảo Quy hoạch. Tuy nhiên, có sự khác nhau về mục tiêu kinh tế, vì Mục tiêu đề cập trong dự thảo Quy hoạch chỉ là: "góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển đạt trên 7,5%/năm" mà không phải là mục tiêu cần phải đạt được của Quy hoạch này</p>
94	<p>Tại đoạn 2-3 từ dưới lên trang 42: Không gian vùng bờ ngoài phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển còn có các khu vực cấm (sử dụng cho an ninh quốc phòng); khu vực cần được bảo tồn các giá trị tự nhiên và sinh thái (di sản thiên nhiên, dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn biển, vườn quốc gia có biển, rừng ngập mặn ven bờ...), do vậy cần bổ</p>		<p>Dự thảo quy hoạch đã xác định các vùng cấm khai thác vùng hạn chế khai thác. Tuy nhiên, các vùng cấm cho mục đích quốc phòng thuộc tài liệu bí mật nhà nước nên không được thể hiện rõ trong dự thảo quy hoạch này khi tham vấn, lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan</p>

	<p>sung thêm các lớp thông tin, dữ liệu trên để quy hoạch, phân vùng sử dụng vùng bờ.</p>		
95	<p>Tại tiểu mục b. Đối với vùng ven biển phía Bắc (trang 47): Đề nghị bổ sung thêm nội dung “Khuyến khích nuôi trồng thủy sản mặn, lợ tại các vùng có điều kiện sinh thái, cơ sở hạ tầng phù hợp của thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.”</p>		<p>Đã tiếp thu và giải trình vì phân vùng sử dụng đối với các vùng đất ven biển, trong đó có nuôi trồng thủy sản mặn, lợ tại các vùng có điều kiện sinh thái, cơ sở hạ tầng phù hợp của thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh sẽ thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cấp tỉnh. Quy hoạch này chỉ đưa ra một số định hướng chính, mang tính đột phá cho phát triển</p>
96	<p>Đề nghị bổ sung: Phụ lục các vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ (Phụ lục 2 của Dự thảo tờ trình); Phụ lục quy định sử dụng các vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng biển ven bờ (Phụ lục 3 của Dự thảo tờ trình).</p>		<p>Đã tiếp thu và bổ sung trong Báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp của bộ phận thuộc Hồ sơ quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ</p>
97	<p>Đề nghị bổ sung vào hồ sơ dự thảo phần Phụ lục chi tiết, cụ thể về các khu vực được khoanh vùng sử dụng cho từng mục đích khác nhau. Ví dụ: Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên; khu vực ưu tiên nuôi trồng thủy sản; khu vực khai thác khoáng sản; khu vực bảo tồn.... Trong đó, thể hiện rõ các thông tin về tên khu vực, diện tích, và một số thông tin cần thiết khác.</p>		<p>Danh mục các vùng đã được trình bày trong Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng hợp tại các phần phụ lục đính kèm báo cáo</p>
98	<p>Hồ sơ dự thảo còn mắc một số lỗi chính tả, đề nghị rà soát và chỉnh sửa.</p>		<p>Đã rà soát, chỉnh sửa</p>

99	<p>Hiện nay thành phố Hải Phòng đã xây dựng dự thảo Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2030, tầm nhìn tới năm 2050 (dự thảo Quy hoạch thành phố), trong đó có tích hợp nội dung Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (bao gồm tài nguyên thiên nhiên ở vùng bờ như khoáng sản cát...); Phương án phát triển kinh tế biển và sử dụng không gian biển thành phố; Phương án quy hoạch cảng.... Do vậy, đề nghị tích hợp các nội dung có liên quan trong dự thảo Quy hoạch thành phố Hải Phòng vào dự thảo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>		<p>Nguyên tắc lập quy hoạch này là: “Quy hoạch được lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành có liên quan trong phạm vi vùng bờ, nhưng có sự điều chỉnh, xử lý đối với các vùng chồng lấn về sử dụng không gian vùng bờ; bảo đảm sự hài hoà trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vùng bờ; bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh”, không tích hợp các quy hoạch cấp tỉnh.</p> <p>Tuy nhiên, trong quá trình lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch đã xem xét, nghiên cứu dự thảo Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2030, tầm nhìn tới năm 2050</p>
100	<p>Mục 4 Báo cáo tổng hợp: Yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển (trang 56) đề nghị sửa: “Xác định khoảng cách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư 26/2016/TT-BTNMT” thành “Xác định khoảng cách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT”.</p>	Thái Bình	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 57 Báo cáo tổng hợp</p>
101	<p>Báo cáo tổng hợp: Mục 5. Hành lang bảo vệ bờ biển (trang 56) đề nghị sửa: “Hiện nay, theo Nghị định 11/2021/NĐ-CP; hướng dẫn, đôn đốc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 57 Báo cáo tổng hợp</p>

	<p>thực hiện việc thiết lập và công bố hành lang bảo vệ bờ biển...” thành “Hiện nay, theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; hướng dẫn, đôn đốc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển thực hiện việc thiết lập và công bố hành lang bảo vệ bờ biển...”.</p>		
102	<p>Báo cáo tổng hợp: Tiết b Điểm 7.2. Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành hàng hải (trang 102) đề nghị sửa: “Theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ- TTg...” thành “Theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050...”; đề nghị cập nhật nội dung và số liệu (mục tiêu, nhu cầu) theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 104 - 105 Báo cáo tổng hợp</p>
103	<p>Báo cáo tổng hợp: Điểm 4.2. Các tác động chung của biến đổi khí hậu (BĐKH) đối với tài nguyên, môi trường và các hoạt động ở vùng ven biển: Nội dung về Diêm nghiệp (trang 177) đề nghị sửa: “Diêm Điền (Thái Bình)” thành “Thụy Hải (Thái Bình)”.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 179 Báo cáo tổng hợp</p>
104	<p>Báo cáo tổng hợp: Tiết b Điểm 4.3. Tác động của sự gia tăng xâm nhập mặn và ngập lụt do mực nước biển dâng tới vùng ven biển: Nội dung Vùng</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 182 - 183 Báo cáo tổng hợp</p>

	có mức độ thiệt hại lớn (trang 180) đề nghị sửa: “tập trung ở khu vực cửa Ba Lạt (các xã Nam Hưng, Nam Phú, huyện Tiên Lãng, tỉnh Thái Bình)” thành “tập trung ở khu vực cửa Ba Lạt (các xã Nam Hưng, Nam Phú, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình”.		
105	Báo cáo tổng hợp: Bảng 50. Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển (trang 187) đề nghị sửa số xã ven biển tỉnh Thái Bình tại cột thứ 4 số thứ tự thứ 3 thành 14 xã, thị trấn.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng 50 trang 190 Báo cáo tổng hợp
106	Đề nghị xem xét lại tọa độ trung tâm các vùng trên địa bàn tỉnh Thái Bình cho phù hợp với các quyết định quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.		Đã tiếp thu, rà soát và hiệu chỉnh
107	Hình 43. Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ phía Bắc (khu vực Thái Bình - Ninh Bình) (trang 358) trên cơ sở nội dung đã góp ý ở trên đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Hình 37 (trang 360) của Báo cáo tổng hợp; Hình 3 (trang 56) của Báo cáo tóm tắt và Hình 3 (trang 34) Dự thảo tờ trình
108	Đề nghị bổ sung dự thảo Quy hoạch vùng khai thác khoáng sản biển (cát biển) thuộc vùng biển 06 hải lý tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 03/2020/QĐUBND ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình		Đã nghiên cứu và đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia; các quy hoạch cấp tỉnh có được xem xét, tích hợp nhưng chỉ đưa vào định hướng để làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết ở cấp tỉnh do đó Quy hoạch vùng khai thác khoáng sản biển

			(cát biển) sẽ được đề xuất trong quy hoạch ngành và quy hoạch tỉnh.
109	Trang 1 mục 1 “Sự cần thiết lập quy hoạch” đề nghị bổ sung một số số liệu điển hình cho thấy sự suy thoái tài nguyên vùng bờ trong thời gian gần đây	Nam Định	Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung
110	Tại trang 47 báo cáo tóm tắt; trang 5 Dự thảo quyết định, trang 15 Dự thảo tờ trình: Chính sửa đoạn đối với vùng ven biển phía Bắc “Xây dựng và phát triển kinh tế vùng ven biển của các tỉnh Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình đồng bộ theo hướng hiện đại, có sức mạnh cạnh tranh cao, trong đó chú trọng phát triển 4 nhóm ngành: công nghiệp ven biển; du lịch biển; kinh tế hàng hải; nuôi trồng và khai thác hải sản” thành Xây dựng và phát triển kinh tế vùng ven biển của các tỉnh Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình đồng bộ theo hướng hiện đại, có sức mạnh cạnh tranh cao, trong đó chú trọng phát triển nhóm ngành: công nghiệp ven biển; đô thị du lịch biển; dịch vụ du lịch sinh thái; kinh tế hàng hải; nuôi trồng và khai thác hải sản”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 308 Báo cáo tổng hợp, trang 48 Báo cáo tóm tắt, trang 15 Dự thảo tờ trình, trang 5 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
111	Tại trang 54 của Báo cáo tóm tắt, Hình 3. Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ phía Bắc (khu vực Thái Bình - Ninh Bình): Màu sắc khu vực ưu tiên trên bản đồ chưa khớp với phần ghi chú (ví dụ như K3).		Đã tiếp thu, chỉnh sửa các bản đồ đảm bảo sự phù hợp
112	Tại trang 282, đề nghị điều chỉnh nội dung, số liệu tại mục Văn hóa, xã hội, điểm b “Mục tiêu cụ thể		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 286 Báo cáo tổng hợp, trang 39 Báo cáo tóm tắt, trang 10

<p>đến năm 2030” từ “giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn dải ven biển bình quân 1,5 - 2,0%/năm, phần đầu có 30 - 40% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn” thành “phần đầu đến năm 2025 giảm 50% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm. Phần đầu đến năm 2030, không còn huyện nghèo trên địa bàn tỉnh và cơ bản không còn xã, thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn.”. Lý do: Theo quy định của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 – 2025; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó: “Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới từ 1,5-2% hộ nghèo/năm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách thu nhập với các vùng tỉnh; phần đầu đến năm 2025 giảm 50% xã, thôn đặc biệt khó khăn, thu nhập bình quân đầu người tăng 2 lần so với năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm. Phần đầu đến năm 2030, không còn huyện nghèo trên địa bàn tỉnh và cơ bản không còn xã, thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ</p>		<p>Dự thảo tờ trình, trang 3 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>
--	--	---

	nghèo của tỉnh bằng hoặc thấp hơn mức bình quân chung cả nước.”		
113	Đề nghị thống nhất giữa từ “vùng biển ven bờ” trong bản Dự thảo và từ “vùng ven bờ” quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản năm 2017.	Ninh Bình	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và thống nhất sử dụng cụm từ “Vùng đất ven biển” để chỉ phần đất liền và “Vùng biển ven bờ” để chỉ vùng biển trong phạm vi Quy hoạch
114	Về Dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch: Đối với các khu vực cấm khai thác, sử dụng và cấm khai thác, sử dụng có thời hạn tài nguyên, khu vực hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên: đề nghị bổ sung danh mục các khu vực cùng với thông tin về địa điểm và tọa độ để đảm bảo không chồng chéo với các quy hoạch khác.	Thanh Hóa	Đã tiếp thu, bổ sung danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên theo 04 vùng tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
115	Tại mục 2, phần III. Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (trang 6), đề nghị: Chỉnh sửa cụm từ: “Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên” thành “Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên và khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn”. Lý do: để phù hợp với các quy định chuyên ngành thủy sản được quy định tại Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản.		Đã tiếp thu và bổ sung với cụm từ sử dụng chung là: “Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên” để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 37/2017/NĐ-CP và Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn khu vực hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên trong dự thảo Quy hoạch này
116	Báo cáo tổng hợp: Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thành lập trên cơ sở huyện Tĩnh Gia theo Nghị quyết số 993/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 187, 337 Báo cáo tổng hợp

	nhiên, trong dự thảo Quy hoạch vẫn còn để huyện Tĩnh Gia (trang 77, 138, 334). Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại cho chính xác.		
117	Đối với các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì về phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh và chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ đề nghị ghi rõ thời gian thực hiện để địa phương chủ động triển khai thực hiện.	Nghệ An	Đã tiếp thu và đề nghị kinh phí cấp tỉnh nên để đảm bảo tính chủ động bố trí kinh phí của các địa phương khi thực hiện trong kỳ của quy hoạch
118	Cần thống nhất thuật ngữ vùng bờ hay vùng ven biển cho đảm bảo tính logic của Quy hoạch.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa và thống nhất sử dụng cụm từ “Vùng đất ven biển” để chỉ phần đất liền và “Vùng biển ven bờ” để chỉ vùng biển trong phạm vi Quy hoạch
119	Dự thảo Quyết định: Tại gạch đầu dòng thứ 3, đoạn b, mục 2, phần I, Điều 1 đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo; nâng cao cơ hội cho nhóm dân số có thu nhập thấp; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn dải ven biển bình quân từ 4-5%/ năm, phấn đấu có 30-40 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn”	Hà Tĩnh	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 3 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
120	Dự thảo Quyết định bổ sung thêm bản đồ cho các “khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên”, “khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên”, “khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng” tại phần III trong Dự thảo quyết định phê duyệt		Đã tiếp thu để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, vì khi trình phê duyệt tài liệu kèm theo sẽ bao gồm một bộ hồ sơ hoàn chỉnh, trong đó có các bản đồ số và tài liệu khác

121	<p>Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại mục 5. Thông tin, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch (trang 7): Đề nghị xem xét thu thập, bổ sung nội dung bản đồ số quy hoạch lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Phụ lục 5 về Danh mục bản đồ sử dụng cho quy hoạch tại trang 428 Báo cáo tổng hợp, trong đó ghi rõ dự án đã sử dụng Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam và Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến 2050 do Bộ NN&amp;PTNT xây dựng</p>
122	<p>Tại mục 1.2. Tài nguyên vùng bờ (trang 24): Trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch, mới chỉ nghiên cứu mô tả tài nguyên vùng bờ đối với rừng ngập mặn. Tuy vậy, vùng ven bờ ngoài diện tích rừng ngập mặn còn có diện tích rừng ven biển (không ngập mặn), đề nghị xem xét, nghiên cứu mô tả đầy đủ về rừng ven biển.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát của Việt Nam khoảng 40,3 nghìn ha và chắn sóng lấn biển khoảng 143 nghìn ha theo Báo cáo thuyết minh quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
123	<p>Tại điểm a, mục 1.2.5 phần III, về định hướng phát triển công nghiệp (ý 2 trang 222), đề nghị sửa lại như sau: “Hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu cụm công nghiệp nhằm thu hút đầu tư các ngành công nghiệp ven biển, đặc biệt đối với các ngành nghề chế biến thủy, hải sản và hậu cần nghề cá; chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị sinh thái”.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 225 Báo cáo tổng hợp, trang 29 Báo cáo tóm tắt</p>
124	<p>Về định hướng phát triển ngành năng lượng tái tạo (trang 228), cụ thể là phát triển điện gió vùng bờ, đề nghị bổ sung nội dung chi tiết hơn vào báo cáo tổng hợp quy hoạch để thống nhất với nội dung</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung tình hình đầu tư nghiên cứu, khảo sát dự án nhà máy điện gió tại Hà Tĩnh tại trang 97 Báo cáo tổng hợp và dữ liệu bản đồ</p>

	<p>thể hiện tại bản đồ (cụ thể đối với tỉnh Hà Tĩnh: Hiện nay một số nhà đầu tư đã đề xuất nghiên cứu tại vùng biển Kỳ Anh nhưng trong dự thảo báo cáo tổng hợp chưa đề cập diện tích vùng bờ thuộc thị xã Kỳ Anh và huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong bản vẽ thì có thể hiện 02 vùng tuy nhiên lại thuộc vùng bờ huyện Cẩm Xuyên), vì vậy đề nghị bổ sung, điều chỉnh phù hợp hơn.</p>		
125	<p>Tại điểm d, mục 2 phần VI, trang 386: quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với quy hoạch” tuy nhiên hiện nay, quy hoạch tỉnh như ở Hà Tĩnh đã được xây dựng, hoàn thiện và trình Chính phủ xem xét phê duyệt (có một số tỉnh, thành phố đã được phê duyệt), vì vậy đề nghị tham khảo nội dung của Quy hoạch các tỉnh và có giải pháp lồng ghép điều chỉnh, bổ sung? để thống nhất phù hợp (vì việc trình điều chỉnh quy hoạch tỉnh cũng phải có thời điểm, không phải khi nào cũng điều chỉnh ngay được).</p>		<p>Trong quá trình lập quy hoạch, dự thảo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh đã được xem xét, tham khảo và bổ sung vào dự thảo Quy hoạch này. Tuy nhiên, có một số nội dung chỉ có trong quy hoạch ngành quốc gia mà không có trong quy hoạch tỉnh, nên không đưa vào xem xét trong quy hoạch này.</p> <p>Theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 cho phép: “Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”. Do vậy, các quy hoạch cấp tỉnh sẽ phải điều chỉnh theo quy hoạch này nếu có nội dung không phù hợp.</p>
126	<p>Tại trang 5, Mục III, tiểu mục 1, Tiết c. Đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung</p>	<p>Quảng Bình</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 308 Báo cáo tổng hợp, trang 48 Báo cáo tóm tắt, trang 16</p>

	bộ: Đề nghị bổ sung cụm từ “Vũng Chùa - Đảo Yên, Nhật Lệ - Bảo Ninh, Hải Ninh” sau cụm từ “Từng bước đầu tư xây dựng các khu du lịch Sâm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, ...		Dự thảo tờ trình, trang 5 Dự thảo quyết định TTgCP
127	Tại trang 10, Mục IV, tiểu mục 1, Tiết b. đề nghị bổ sung thêm cụm từ “quản lý rác thải nhựa” và đoạn này được viết lại là “duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường ở vùng bờ theo hướng tăng cường kiểm soát ô nhiễm, quản lý rác thải nhựa, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và xử lý nước thải”.		Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 380 Báo cáo tổng hợp, trang 67 Báo cáo tóm tắt, trang 21 Dự thảo tờ trình, trang 10 Dự thảo quyết định TTgCP
128	Tại trang 11, Mục V, tiểu mục 1, Tiết a. đề nghị bổ sung cụm từ “lấn biển” và đoạn này được viết lại là “tiếp tục hoàn thiện pháp luật về lấn biển, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, ...”		Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 382 Báo cáo tổng hợp, trang 68 Báo cáo tóm tắt, trang 22 Dự thảo tờ trình, trang 11 Dự thảo quyết định TTgCP
129	Phụ lục: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung phần bản đồ khu vực phát triển điện gió tại Phụ lục 2 của Dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		Đã tiếp thu, nghiên cứu. Tuy nhiên, các vùng/khu vực phát triển điện gió do các địa phương đề xuất, cung cấp mới chỉ là thông tin dạng điểm, không có dữ liệu dạng vùng nên không thể phân vùng không gian cho hoạt động này trên bản đồ quy hoạch. Do vậy, để có cơ sở cho các ngành và địa phương triển khai trong quá trình thực hiện quy hoạch, dự thảo đã đưa ra định hướng phát triển trong các vùng sử dụng đa mục tiêu

130	Bổ sung thêm Phụ lục các vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ vào phần phụ lục kèm theo Dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch của Thủ tướng Chính Phủ.		Đã tiếp thu, bổ sung danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên theo 4 vùng tại Phụ lục 6 trong Báo cáo tổng hợp, Phụ lục 3 trong Báo cáo tóm tắt, Phụ lục 4 trong Dự thảo tờ trình, Phụ lục 3 trong Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
131	Tại Mục Hệ sinh thái đầm, phá ven biển (trang 29): Đề nghị chỉnh sửa thông tin Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế: Chiều dài hơn 70km, diện tích 22.000ha (theo Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt Tư liệu hiện trạng kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, môi trường, khí hậu, thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2013).	Thừa Thiên Huế	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 30 Báo cáo tổng hợp
132	Tại Mục 4. Yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển (trang 55): Đề nghị chỉnh sửa lại thông tin: Việc xác định khoảng cách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 57 Báo cáo tổng hợp
132	Tại Mục 5. Hành lang bảo vệ bờ biển (trang 56): Đề nghị bỏ căn cứ “theo Nghị định 11/2021/NĐ-CP”, bổ sung căn cứ “theo Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 57 Báo cáo tổng hợp

133	<p>Tại Bảng 50 (trang 187). Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển: Đề nghị chỉnh sửa số xã, phường, thị trấn ven biển của tỉnh Thừa Thiên Huế là 21 xã, phường, thị trấn.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng 50 trang 190 Báo cáo tổng hợp</p>
134	<p>Việc đánh giá tiềm năng, lợi thế ven bờ của biển là đầy đủ, tuy nhiên cần thống nhất về số liệu chiều dài bờ biển nước ta (có nội dung hơn 3200km, có nội dung là 3260km, ...). Mặt khác ngoài tài nguyên về thủy hải sản, dầu khí,... cần bổ sung các tài nguyên khoáng sản khác (khoáng sản dưới đáy biển nếu có), tài nguyên về khả năng khai thác năng lượng tái tạo (như điện gió,...)</p>	<p>Đà Nẵng</p>	<p>Đã rà soát và chỉnh sửa số liệu chiều dài bờ biển nước ta.</p>
135	<p>Tại trang 12 (về các giải pháp): đề nghị bổ sung giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đối với tàu đánh bắt xa bờ để quản lý, kêu gọi tàu thuyền tránh trú bão, đảm bảo an toàn trên biển, ứng dụng các giải pháp về điện gió, năng lượng mặt trời tại các vùng ven bờ và các đảo gần bờ để phục vụ cho chiếu sáng, chuyển đổi thành nước ngọt phục vụ cho đời sống.</p>		<p>Trong mục 1.2. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ của Phần VI đã đề xuất ” Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý và giao khu vực biển, cũng như các lĩnh vực khai thác, sử dụng biển có liên quan...” và “Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc giám sát thực hiện quy hoạch; dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ...” ở mức độ tổng quát cho các hoạt động quản lý khai thác, sử dụng TN&amp;MT vùng bờ, còn các đề xuất chi tiết trong từng lĩnh vực cụ thể sẽ được đề xuất trong quy hoạch, kế hoạch của mỗi ngành liên quan.</p>

136	<p>Trang 15: quy định các tỉnh, thành phố phải hoàn thành việc cấm biển, cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển nhưng không quy định rõ thời gian hoàn thành, do vậy khi triển khai sẽ không có sự thống nhất, có thể chậm trễ, hiệu quả không cao.</p>		<p>Yếu điểm này đã được phân tích, nhận dạng, do vậy, Quy hoạch có đặt ra mục tiêu “Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển”; trong định hướng phân vùng: “Sớm hoàn thành việc công bố, cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và thực hiện quản lý hành lang” và trong giải pháp thực hiện Quy hoạch: “tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển”</p>
137	<p>Trang 34: Về dự báo tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ: được biết Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có các kịch bản về nước biển dâng, đề nghị bổ sung các nội dung có liên quan (các kịch bản ưu tiên) để xem như một kênh dự báo quan trọng cần nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch.</p>		<p>Kịch bản biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng cho Việt Nam năm 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố đã được đề cập đến ở phần Tác động của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt</p>
138	<p>Về phương án tăng trưởng GRDP vùng bờ (trang 46):          Phạm vi quy hoạch là vùng bờ bao gồm vùng biển ven bờ và các xã, phường, thị trấn ven biển. Tuy nhiên, tại mục đặc điểm kinh tế vùng bờ (trang 26) báo cáo chỉ thống kê các chỉ tiêu kinh tế của các tỉnh ven biển, không thống kê các chỉ tiêu kinh tế của các đơn vị hành chính cấp xã ven biển. Do đó, báo cáo chưa đánh giá được hiện trạng phát triển</p>		<p>Số liệu về GRDP không có đối với cấp xã phường và chỉ được thống kê đầy đủ ở cấp tỉnh. Tuy nhiên, chúng có thể được tham khảo đối để xem xét mức độ phát triển của vùng bờ mng tính định tính và so sánh.</p>

	kinh tế của vùng bờ, nên chưa đủ căn cứ đề xuất phương án tăng trưởng GRDP vùng bờ. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đánh giá lại hiện trạng kinh tế của vùng bờ để làm cơ sở đưa ra phương án tăng trưởng GRDP vùng bờ phù hợp với điều kiện thực tế.		
139	Tại điểm c khoản 1 phần III Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Trang 7) đề nghị bổ sung chú thích thêm tên tỉnh kèm theo địa danh các khu du lịch được định hướng từng bước đầu tư tại vùng ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, vì vùng này có một số bãi biển, vùng biển trùng tên thuộc các tỉnh khác nhau.	Quảng Ngãi	Đã tiếp thu, bổ sung Bảng 1 (Khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ) tại trang 369 Báo cáo tổng hợp
140	Đối với toàn bộ nội dung Báo cáo, đề nghị xem xét thống nhất sử dụng cụm từ “Khoa học và công nghệ” thay thế cho các cụm từ “Khoa học - công nghệ”	Bình Định	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong các Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
141	Tại Phần 1: Điều kiện tự nhiên, công tác điều tra, khảo sát thăm dò và hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (trang 08) đề nghị xem xét một số nội dung sau: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung tên tiêu đề PHẦN I thành “PHẦN I. Điều kiện tự nhiên, công tác điều tra, khảo sát thăm dò, hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” cho phù hợp với nội dung được trình bày		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 9 Báo cáo tổng hợp, trang 7 Báo cáo tóm tắt.
142	Tại nội dung 1.3. Môi trường vùng bờ, Mục 1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường vùng bờ (trang 39), đối với nội dung 1.3.3.		Đã tiếp thu, bổ sung

	Chất lượng môi trường không khí (trang 47) đề nghị bổ sung nguồn lấy số liệu đánh giá “tổng bụi lơ lửng” của một số địa phương bị vượt quy chuẩn		
143	Tại nội dung 1.3.5. Sự cố môi trường (trang 48) đề nghị lược bỏ sự cố môi trường số 9 “Công ty TNHH Delta Galil Việt Nam (Công ty Delta Galil Việt Nam) xả thải vào mương Đồng Đê, thôn Phú Kim, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát có chứa các thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép quy định tại giấy phép xả thải số 12/GP-UBND ngày 21/03/2017 của UBND tỉnh Bình Định” trong Bảng 6. Một số sự cố môi trường tại vùng bờ (trang 50) vì xã Cát Trinh không phải là xã ven biển (do đó không thuộc phạm vi Quy hoạch này);		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 51 Báo cáo tổng hợp
144	Đối với nội dung “Nhu cầu xây dựng cảng biển”, mục b) Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành hàng hải, Mục 7.2. Dự báo nhu cầu, triển vọng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của ngành hàng hải, Mục 7. Nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ (trang 102) đề nghị cập nhật các nội dung liên quan Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển tại Bình Định được trình bày theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 bằng các nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg		Đã tiếp thu, chỉnh sửa và cập nhật. Đối với khu bến Nhơn Hội, do Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa xác định được phạm vi của bến nên không có đủ cơ sở dữ liệu thể hiện trên Bản đồ dưới dạng vùng không gian

	<p>ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, tại Hình 11. Quy hoạch vùng nước cảng (trang 103) đề nghị bổ sung “Khu bến Nhon Hội”;</p>		
145	<p>Tại nội dung b) Định hướng đối với các ngành sử dụng tài nguyên vùng bờ, 1.2. Chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ, Mục 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ, PHẦN III. Chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường (trang 211) đề nghị xem xét một số nội dung sau: Đối với nội dung “Vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ”, “Trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi hải sản gắn với dịch vụ hậu cần”, c) Những định hướng lớn và phương án phát triển và tổ chức không gian, sử dụng không gian vùng ven bờ của ngành/lĩnh vực, 1.2.3. Thủy sản (trang 217) đề nghị chỉnh sửa nội dung “Khuyến khích các cơ sở chế biến thủy sản đầu tư khoa học công nghệ tiên tiến nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị sản phẩm cá ngừ đại dương, tôm hùm, nhuyễn thể,...” thành “Khuyến khích các cơ sở chế biến thủy sản đầu tư công nghệ tiên tiến nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị sản phẩm cá ngừ đại dương, tôm hùm, nhuyễn thể,...”</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 221 Báo cáo tổng hợp</p>

146	<p>Tại nội dung 1.2.5. Công nghiệp ven biển (trang 221), đối với nội dung “<i>Công nghiệp luyện kim</i>”, b) Định hướng phát triển các ngành công nghiệp quan trọng (trang 224) đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến dự án Khu liên hợp gang thép và dự án Cảng chuyên dùng Khu liên hợp gang thép của Công ty Cổ phần Gang thép Long Sơn Phù Mỹ sắp triển khai trên địa bàn tỉnh Bình Định. Bên cạnh đó, đối với nội dung “<i>Vùng biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ</i>”, c) Định hướng phát triển theo vùng (trang 226) đề nghị bổ sung Bình Định vào định hướng phát triển công nghiệp luyện kim vì có 02 dự án liên quan sắp triển khai của Công ty Cổ phần Gang thép Long Sơn Phù Mỹ.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 228, 231 Báo cáo tổng hợp</p>
147	<p>Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đối với nội dung Báo cáo tóm tắt đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung theo các nội dung góp ý đã trình bày đối với Báo cáo tổng hợp</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo tóm tắt theo Báo cáo tổng hợp</p>
148	<p>Dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đối với nội dung Dự thảo tờ trình đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung theo các nội dung góp ý đã trình bày đối với Báo cáo tổng hợp.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo tờ trình theo Báo cáo tổng hợp</p>

149	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đối với nội dung Dự thảo quyết định đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung theo các nội dung góp ý đã trình bày đối với Báo cáo tổng hợp.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo Báo cáo tổng hợp
150	Tại mục số 7, Nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ (từ trang 96 đến 121) của dự thảo: Đề nghị bổ sung bảng số liệu về nhu cầu diện tích sử dụng đất vùng bờ biển của các nhóm ngành (mục 7.1 đến 7.6) gồm các dự án mang tính động lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đã có Quyết định chủ trương đầu tư, Chương trình hành động phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở đánh giá đề xuất, cập nhật, định hướng khai thác tài nguyên, phát triển theo ngành, chuỗi ngành, liên vùng...	Phú Yên	Đã tiếp thu và giải trình vì các số liệu về nhu cầu sử dụng đất vùng bờ sẽ thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch cấp tỉnh, vì Quy hoạch này không phân vùng sử dụng đối với vùng đất ven biển mà: “Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên trên vùng đất ven biển thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật về đất đai, phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia liên quan và quy hoạch các tỉnh, thành phố có biển. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động từ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên trên các vùng ven biển đến tài nguyên, môi trường biển và hỗ trợ hiệu quả cho phát triển nền kinh tế biển xanh, các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên trên các vùng đất ven biển cần được tổ chức theo hướng sau”.
151	Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã có nhiều Nhà đầu tư đề xuất nghiên cứu phát triển các dự án điện gió ngoài khơi và UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ Công Thương cập nhật 10 dự án		Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì dự thảo Quy hoạch điện VIII chưa xác định được vùng ưu tiên cho phát triển điện gió trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Đồng thời, khu

	<p>điện gió ngoài khơi, tổng công suất 2.000 MW với diện tích nghiên cứu khảo sát khoảng 19.883 ha vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Tuy nhiên, qua nghiên cứu nội dung về Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đối với vùng biển ven bờ Duyên hải Trung Bộ (tại mục b trang 8 của Dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) thì không có khu vực ưu tiên phát triển điện gió thuộc tỉnh Phú Yên. Do đó đề nghị xem xét bổ sung, cập nhật khu vực ưu tiên phát triển điện gió tại vùng biển ven bờ thuộc tỉnh Phú Yên vào Quy hoạch để làm cơ sở triển khai thực hiện.</p>		<p>vực biển và ven biển thuộc vùng duyên hải miền Trung phần lớn không ưu tiên cho phát triển điện gió do liên quan đến các yếu tố quốc phòng, an ninh. Do vậy, quy hoạch này chỉ đưa ra định hướng phát triển điện gió trong các vùng sử dụng đa mục tiêu để làm cơ sở cho các địa phương tiến hành phân vùng phù hợp trong quá trình thực hiện quy hoạch này</p>
152	<p>Đề nghị chỉnh sửa các lỗi chính tả, câu văn ngắn gọn, súc tích và thể hiện đúng văn phong hành chính, cần thống nhất việc đánh số thứ tự nội dung tiêu đề trong bản dự thảo, đề nghị đánh số trang vào dự thảo.</p>	Khánh Hòa	<p>Đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả, câu văn,... vào Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP</p>
153	<p>Đề nghị rà soát, bổ sung các chữ viết tắt trong toàn bộ nội dung báo cáo như: MICE, KTTĐ, ĐNB, NNPTNN, BTB</p>		<p>Đã tiếp thu, rà soát và bổ sung trong Báo cáo tổng hợp.</p>
154	<p>- Đề nghị chỉnh sửa địa danh “Văn Phong” thành “Vân Phong” trong toàn nội dung báo cáo.</p>		<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.</p>
155	<p>- Dự thảo chủ yếu tập trung vào các vấn đề quốc phòng, an ninh trên biển, đảo và vùng biển xa bờ;</p>		<p>Đất quốc phòng, an ninh trên vùng đất ven biển được xác định theo quy hoạch sử dụng</p>

	do đó cần thiết phải bổ sung các nội dung quốc phòng, an ninh tại vùng đất ven biển để gắn liền với các nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ (du lịch; nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản; khai thác khoáng sản; công nghiệp ven biển; phát triển đô thị...) cho phù hợp với chiến lược quốc phòng, an ninh bao gồm cả đất liền và biển đảo theo nguyên tắc bảo vệ từ xa, từ sớm.		đất quốc gia đã được phê duyệt, cùng với các loại đất sử dụng cho du lịch, nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản, khai thác khoáng sản; công nghiệp ven biển; phát triển đô thị...); do đó không phải đối tượng cần chú trọng trong Quy hoạch này.
156	- Tại mục 1.3. Tác động đến môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học đề nghị nêu rõ nguồn tài liệu minh chứng, số liệu cập nhật quá cũ (từ năm 2014), đề nghị cập nhật lại.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt.
157	- Tại mục 4.2. Các tác động chung của BĐKH đối với tài nguyên, môi trường và các hoạt động ở vùng ven biển (trang 173): đề nghị chỉnh sửa Vĩnh Ninh Vân thành xã Ninh Vân.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp
158	- Tại mục 1.1. Đặc điểm kinh tế, xã hội: + Tại bảng 50. Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển: đề nghị kiểm tra lại các xã, phường, thị trấn ven biển của Tỉnh Khánh Hòa vì hiện nay Khánh Hòa có 51 xã, phường, thị trấn ven biển.		Phạm vi Quy hoạch vùng bờ bao gồm các xã ven biển, không bao gồm các xã ven sông. Khánh Hòa có 42 xã ven biển
159	+ Tại hình 19. Quy mô dân số các xã ven biển (trang 205): đề nghị kiểm tra lại.		Quy mô dân số xã ven biển là phải theo điều tra 10 năm 1 lần. Hiện nay chỉ có số liệu thống kê năm 2019. Đã bổ sung năm thống kê dữ liệu vào tên hình.

160	- Tại mục 2.3.2. Cơ quan quản lý tổng hợp biển (trang 246): đề nghị đổi tên Tổng cục Biển và Hải đảo thành Cục Biển và Hải đảo theo Quyết định 2988/QĐ-BTNMT ngày 04/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Biển và Hải đảo.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt.
162	<b>III. Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch:</b> Tại trang 2, cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày nội dung Mục tiêu thành mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 như trong phần Mục tiêu của Dự thảo tờ trình tại trang 9.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Dự thảo quyết định TTgCP
163	Tại trang 3, gạch đầu dòng thứ 2 đề nghị bổ sung thành “Khai hoang, lấn biển, cải tạo, phục hồi đất bị suy thoái ở vùng ven biển để tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng ven biển gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
164	Tại Mục III.1.c (trang 6), trong đó định hướng Khu du lịch Bắc Cam Ranh – Vân Phong là khu du lịch quốc gia gắn liền với bảo tồn các giá trị tự nhiên, văn hóa lịch sử tại vùng bờ. Đề nghị xem xét, lập nhiệm vụ Khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh là Khu du lịch quốc gia.		Trong danh mục các hoạt động ưu tiên đã đề xuất nhiệm vụ số 5: “Đề án phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2030”. Nhiệm vụ lập Khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh thành Khu du lịch quốc gia sẽ được xem xét trong Đề án này.

165	Về khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ trang 7, trong đó, Bắc Vịnh Vân Phong và Bắc Cam Ranh theo định hướng phát triển ngành du lịch là phù hợp với Dự thảo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tuy nhiên, đề nghị điều chỉnh từ “Bắc Vịnh Vân Phong” thành “Bắc Vân Phong” để thống nhất sử dụng thuật ngữ.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định TTgCP.
166	Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản trình bày số thứ tự, khoản, điểm theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Dự thảo quyết định TTgCP
167	Tại điểm b mục 2 Phần mở đầu của dự thảo Quy hoạch: Đề nghị rà soát, thay thế căn cứ “Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13” thành “Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14”. Lý do: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022, thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13.	Ninh Thuận	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 3 Báo cáo tổng hợp, trang 3 Báo cáo tóm tắt, trang 2 Dự thảo tờ trình
168	Tại trang 12, đề nghị chỉnh sửa tên sông “sông Dinh (Ninh Thuận) thành “sông Cái (Ninh Thuận)”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 20 Báo cáo tổng hợp
169	Tại trang 19, đề nghị xem lại địa danh “Hàm Thuận Tân”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 13 Báo cáo tổng hợp

170	Tại trang 27, đề nghị bổ sung Rạn san hô ven biển huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào Vùng san hô ven biển miền Trung và các đảo Đông Nam Bộ (vì ở đây có Khu bảo tồn biển Vườn Quốc gia Núi Chúa).		Đã tiếp thu, bổ sung rạn san hô ven biển huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tại trang 28 Báo cáo tổng hợp
171	Tại trang 32, đề nghị chỉnh sửa địa danh “Ninh Hai (Ninh Thuận)” thành “Ninh Hải (Ninh Thuận)”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 32 Báo cáo tổng hợp.
172	Tại trang 56, đề nghị chỉnh sửa Thông tư 26/2016/TT-BTNMT thành Thông tư 29/2016/TT-BTNMT.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 57 Báo cáo tổng hợp
173	Tại trang 57, đề nghị chỉnh sửa “228 tỉnh, thành phố” thành “28 tỉnh, thành phố”.		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 59 Báo cáo tổng hợp
174	Tại trang 96, đề nghị chỉnh sửa “Đến cuối 31 tháng 5 năm 2019, bảy nhà máy điện gió (với tổng công suất là 331 MW) đã được đưa vào hoạt động. Ví dụ như dự án tổ hợp năng lượng tái tạo Trung Nam tại tỉnh Ninh Thuận, khánh thành vào tháng 4 năm 2019, với công suất điện gió là 40 MW (sẽ được mở rộng thành 112 MW trong giai đoạn 2) và điện mặt trời là 204 MW” thành “Nổi bật, hiện nay đã khánh thành dự án điện mặt trời lớn nhất Đông Nam Á tại Ninh Thuận (Trung Nam Thuận Nam 450 MW). Cũng tại Ninh Thuận có 11 dự án điện gió trên đất liền với tổng công suất 574,95 MW đã được vận hành thương mại (COD), trong đó có dự án đã khánh thành là Nhà máy điện gió		Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 97 Báo cáo tổng hợp

	<p>Trung Nam, tạo thành tổ hợp năng lượng tái tạo Trung Nam bao gồm trang trại điện gió và trang trại điện mặt trời được đấu nối trực tiếp với hệ thống lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 220kV Tháp Chàm. Tổng sản lượng khai thác hàng năm của tổ hợp năng lượng điện gió, điện mặt trời Trung Nam đạt 950 triệu kWh.” Lý do: Đề phù hợp với dự thảo Quy hoạch không gian biển Quốc gia và tình hình thực tế tại tỉnh Ninh Thuận.</p>		
175	<p>Tại trang 100, đề nghị bổ sung: (1) Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa. Lý do: Căn cứ Kết quả kỳ họp lần thứ 33 Hội đồng Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB/ICC - International Coordinating Council of the Man and the Biosphere Programme) diễn ra từ ngày 13-17/9/2021 tại Abuja, Nigeria, hồ sơ đề cử Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận đã được thông qua và chính thức được Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. (2) bãi biển Ninh Chữ (Ninh Thuận) vào nội dung các bãi biển tốt nhất của nước ta. Lý do: Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tổ chức lập Quy hoạch khu du lịch quốc gia Ninh Chữ, trong đó xác định Ninh Chữ là trung tâm và bổ sung các khu du lịch Bình Tiên – Vĩnh Hy, Cà Ná – Mũi Dinh là các vệ tinh thuộc khu du lịch quốc gia tại Nghị quyết số</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa và bãi biển Ninh Chữ (Ninh Thuận) tại trang 102 Báo cáo tổng hợp</p>

	115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống Nhân dân giai đoạn 2018-2023.	
176	Tại trang 187, điểm 1.1 mục 1 Phần III; đề nghị chỉnh sửa số liệu Bảng số 50 “Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển”, số thứ tự 18 tỉnh Ninh Thuận (theo phụ lục I đính kèm). Lý do: Đề phù hợp với số liệu Niên giám thống kê năm 2021.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa số thứ tự 18 tại Bảng 50 trang 191 Báo cáo tổng hợp
177	Tại trang 226, điểm c nội dung Vùng biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ: Đề nghị bổ sung Khu kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh Ninh Thuận vào định hướng phát triển công nghiệp ven biển gắn với thu hút đầu tư, phát triển các khu kinh tế ven biển và các khu công nghiệp ở các huyện ven biển. Lý do: Để Tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận tại Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và thực hiện thành công Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế biển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, tập trung ưu tiên phát triển	Đã tiếp thu, bổ sung Khu kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh Ninh Thuận tại trang 230 Báo cáo tổng hợp và dữ liệu bản đồ

	<p>năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Cảng và dịch vụ Cảng; Nông nghiệp công nghệ cao; phát triển các ngành công nghiệp thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường (các ngành công nghiệp: lắp ráp điện tử, tin học, các ngành nghề công nghệ cao, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí; sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất thiết bị phục vụ các ngành năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, công nghệ cơ khí, chế tạo, phát triển công nghiệp và các ngành chế biến muối và sản phẩm sau muối, hóa dược thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường...).</p>		
178	<p>Tại trang 235, nội dung “Phát triển ngành hàng hải”, đề nghị bổ sung Cảng biển tổng hợp Cà Ná. Lý do: Cảng biển tổng hợp Cà Ná đã được đưa vào dự thảo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: dự kiến đến năm 2030, hoàn thành đưa vào khai thác cảng biển nước sâu Cà Ná có trọng tải đến 300.000 DWT.</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung Cụm cảng Cà Ná - Vĩnh Tân (Ninh Thuận) tại trang 238 Báo cáo tổng hợp</p>
179	<p>Về dự thảo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại trang 271, điểm d “Về phát triển du lịch”, đề nghị bổ sung Vịnh Vĩnh Hy. Lý do: Ngày 07/01/2022 Bộ Văn hóa Thể thao và</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung vịnh Vĩnh Hy tại trang 275 Báo cáo tổng hợp</p>

	Du lịch đã ban hành Quyết định số 44/QĐ-BVHTTDL về việc công bố Vịnh Vĩnh Hy (xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận) là di tích cấp quốc gia, loại hình danh lam thắng cảnh.		
180	Tài liệu đính kèm: Phụ lục I. Thống kê dân số các xã, phường, thị trấn ven biển Ninh Thuận; Phụ lục II. Phạm vi và phân khu chức năng của Khu bảo tồn biển Vườn Quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận; Phụ lục III. Vị trí, tọa độ, diện tích, quy mô công suất các vùng phát triển điện gió ven bờ tỉnh Ninh Thuận; Phụ lục IV. Vị trí, tọa độ, diện tích và đối tượng nuôi hải sản trên vùng biển tỉnh Ninh Thuận.		Đã tiếp thu, cập nhật các thông tin từ Phụ lục I, II, III, IV vào Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo tờ trình, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật thông tin từ Phụ lục III và IV vào dữ liệu bản đồ
181	Về mục tiêu trong bố trí không gian phát triển ngành thủy sản đối với Bảo vệ và khai thác nguồn lợi hải sản trong phạm vi 6 hải lý: Các dự thảo báo cáo nêu: "...Tổng số tàu thuyền đánh bắt hải sản giảm ... xuống còn 83.000 tàu năm 2030..., trong đó tàu cá khai thác vùng ven bờ giảm .... xuống còn 37.200 chiếc năm 2030, tốc độ giảm bình quân là 1,9%/năm...". Tuy nhiên, đối chiếu với dự thảo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, đang lấy ý kiến góp ý các Bộ, ngành và địa phương thì đưa ra mục tiêu ra đến năm 2030 là "Tổng số tàu cá giảm xuống còn 83.600 chiếc, trong đó vùng bờ là 39.000 chiếc, giảm bình quân 1,4%/năm". Do	Bình Thuận	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại trang 221 Báo cáo tổng hợp

	đó, đề nghị tham khảo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đảm bảo đồng bộ.		
182	Đề nghị bổ sung thêm nội dung về giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường biển do rác thải nhựa vì đây là vấn đề cấp bách đối với môi trường biển.		Đã tiếp thu, xem xét và bổ sung vào Mục 6.1. Định hướng về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học tại Mục V: “Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường ở vùng bờ theo hướng tăng cường kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và xử lý nước thải; giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường biển do rác thải nhựa; đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước ở vùng bờ và các lưu vực sông; xử lý triệt để ô nhiễm môi trường làng nghề, cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người ở vùng bờ”.
183	Đề nghị dự thảo báo cáo Quy hoạch bổ sung thêm nội dung đánh giá thực trạng các công trình kè biển của các tỉnh được xây dựng trong thời gian qua để thấy được hiệu quả của các công trình này trong việc hạn chế tác động xói lở bờ biển do triều cường, nước biển dâng cũng như các yếu tố biến đổi khí hậu gây ra để có giải pháp đầu tư bảo vệ bờ biển của các tỉnh có biển trong thời gian tới.		Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung, vì đánh giá thực trạng các công trình kè biển của các tỉnh thuộc ngành nông nghiệp. Quy hoạch chỉ xem xét, đánh giá tổng thể để đưa ra những định hướng phục vụ phân vùng

184	<p>Tại trang 50 Vùng biển ven bờ Đông Nam bộ của báo cáo Tóm tắt, mục “Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên để bảo vệ nguồn lợi thủy sản: bao gồm 02 khu cư trú thả rạn nhân tạo tại Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng diện tích là 2.048 ha” và hình 9 Bản đồ Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven biển Đông Nam Bộ cho thấy 02 khu vực này gắn với Quy hoạch nhận chìm bùn nạo vét của tỉnh (Phê duyệt tại Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011, hiện tại đã tiếp nhận được hơn 35 triệu khối bùn nạo vét và đang chuẩn bị tiếp nhận) và Khu phục vụ thao trường bắn biển của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (tọa độ quân sự; Điểm A (X:69.500; Y: 80.500), điểm B: (X:54.000; Y: 80.500), điểm C: (X: 690500;Y:82.000), điểm D: (X:69.500; Y:82.000). Hình 9 Bản đồ Phân vùng khai thác, sử dụng vùng ven biển Đông Nam Bộ chưa có thể hiện khu Quy hoạch nhận chìm bùn nạo vét của tỉnh. Do đó đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét cập nhật khu Quy hoạch nhận chìm bùn nạo vét của tỉnh để phục vụ đáp ứng nhu cầu nạo vét của các luồng, vùng nước bến cảng trên địa bàn tỉnh và rà soát lại các vùng khai thác, sử dụng 02 khu vực hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên để bảo vệ nguồn lợi thủy sản nêu trên cho phù hợp với khu vực biển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p>	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung
185	<p>Tại trang 51, mục “Khu vực ưu tiên phát triển điện gió: bao gồm 03 khu với tổng diện tích 231ha”.</p>		Đề nghị cho giữ nguyên, không bổ sung. Tương tự như các địa phương có biển khác,

	Tuy nhiên hiện tại thực tế trên địa bàn tỉnh có khoảng 05 doanh nghiệp đã, đang và xin khảo sát đo gió, địa chất ngoài khơi với tổng diện tích khu vực biển hơn 90.000 ha để đầu tư điện gió ngoài khơi. Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét thông tin số liệu trên để phân vùng khai thác, sử dụng khu vực ưu tiên phát triển điện gió trên vùng biển Bà Rịa- Vũng Tàu cho phù hợp.		dự thảo Quy hoạch điện VIII chưa xác định được vùng ưu tiên cho phát triển điện gió trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong khi, quy hoạch này được lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia trong đó có Quy hoạch điện VIII. Do vậy, quy hoạch chỉ đưa ra định hướng phát triển điện gió trong các vùng sử dụng đa mục tiêu để làm cơ sở cho các địa phương tiến hành phân vùng phù hợp trong quá trình thực hiện quy hoạch này
186	Vấn đề quốc phòng, đảm bảo an toàn tuyến đi cho các khu quân sự trên địa bàn tỉnh, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, tăng cường công tác quản lý nhà nước và thực hiện các giải pháp về mặt quốc phòng. Trong đó, cần tập trung thực hiện Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính Phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.		Đã tiếp thu và phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, trực tiếp là Bộ Tổng tham mưu để xác định các vùng thuộc về quy hoạch cho mục đích quốc phòng để loại trừ, đảm bảo phân vùng cho các mục đích phát triển kinh tế và các ngành kinh tế biển không mâu thuẫn, chồng chéo với quy hoạch của Bộ Quốc phòng
187	Căn cứ hướng dẫn về “Giải thích từ ngữ” tại Điều 3 Luật Biển Việt Nam năm 2012 và Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo năm 2015, đề nghị rà soát, chỉnh sửa từ ngữ nhằm thống nhất cách sử dụng các từ “vùng đất ven biển”, “vùng biển ven bờ” và “vùng bờ” trong mục “Phân vùng	TP. Hồ Chí Minh	Đã tiếp thu, chỉnh sửa đảm bảo thống nhất

	khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ” của dự thảo Quy hoạch, Quyết định và Tờ Trình.		
188	Theo nội dung dự thảo Quy hoạch, vùng biển ven bờ Đông Nam bộ phân chia khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ, bao gồm: Các khu du lịch quốc gia Hồ Tràm, Long Hải – Phước Hải, Cần Giờ theo định hướng phát triển du lịch. Tuy nhiên, tại Hình 9 Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ Đông Nam Bộ, Hình 10 Phân vùng khai thác, sử dụng vùng biển ven bờ Tây Nam Bộ (trang 60) dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bản vẽ khu vực vùng biển ven bờ huyện Cần Giờ được tô màu và kí hiệu là vùng ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải, không có kí hiệu phát triển du lịch. Do đó, đề nghị rà soát và điều chỉnh thống nhất giữa bản vẽ và nội dung Quy hoạch		Khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ Cần Giờ – Hồ Tràm – Long Hải đã được thể hiện rõ trên Hình 46 trong Báo cáo tổng hợp, Hình 12 trong Báo cáo tóm tắt và Dự thảo tờ trình
189	Đối với Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Tại Điểm đ Khoản 1 Mục III Điều 1 (trang 6): Đề nghị bổ sung “Khu kinh tế ven biển Trần Đề, quy mô dự kiến 40.000 ha đất”. Lý do: Tại công văn số 2248/UBND-KT ngày 06/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất khu kinh tế cho tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 (trong đó, có khu kinh tế ven biển Trần Đề)	Sóc Trăng	Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 310 Báo cáo tổng hợp, trang 49 Báo cáo tóm tắt, trang 10 Dự thảo tờ trình, trang 6 Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

190	Tại Điểm d Khoản 2 mục III Điều 1 (trang 9): Đề nghị bổ sung việc khuyến khích phát triển cảng biển, dịch vụ cảng biển.		Đã tiếp thu, bổ sung. Tại Phụ lục về danh mục các khu vực cấm, hạn chế và khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên, đã bổ sung khu cảng Trà Vinh - Sóc Trăng (Trà Vinh - Sóc Trăng) là khu vực ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải
191	Đối với dự thảo Báo cáo: Tại khoản 2 Mục V (trang 39): Đề xuất chọn Phương án II, do có tốc độ khai thác nhanh hơn tương ứng nhu cầu đầu tư và hiệu quả đầu tư cao hơn so với Phương án I		Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 294 Báo cáo tổng hợp và trang 41 Báo cáo tóm tắt
192	Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển của 28 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, đề nghị phải có Phụ lục kèm theo danh sách các xã có vùng đất ven biển, để tuyên truyền trong thực hiện, quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt.	Cà Mau	Đã tiếp thu, bổ sung phụ lục danh sách các xã, phường, thị trấn có biển của 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển trong Báo cáo tổng hợp
193	Đề nghị xác định và sử dụng thuật ngữ “vùng biển ven bờ” cần xuyên suốt trong các quy định, văn bản liên quan của lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường nhằm tránh nhầm lẫn với thuật ngữ “vùng ven bờ” trong lĩnh vực thủy sản.	Kiên Giang	Đã tiếp thu và chỉnh sửa.